

LỜI CẢM ƠN

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình khoa học của sinh viên khi tốt nghiệp đại học. Và để hoàn thành khóa luận, đòi hỏi rất lớn của bản thân mỗi sinh viên, sự giúp đỡ của thầy cô hướng dẫn, và sự động viên rất lớn của gia đình, của bạn bè.

Trong quá trình làm bài khóa luận này, em đã nhận được sự hướng dẫn rất tận tình của thầy giáo hướng dẫn T.S Nguyễn Ngọc Khánh. Thầy luôn dành thời gian chỉ bảo cho em những kiến thức cần thiết, cung cấp những tài liệu tham khảo liên quan đến đề tài tốt nghiệp. Sự tạo điều kiện nhiệt tình của các cán bộ thuộc Sở Văn hóa- thể thao- du lịch tỉnh Quảng Ninh, th- viện tỉnh Quảng Ninh, ban quản lý một số di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh... để em có thể có được những tài liệu cần thiết sử dụng trong đề tài của mình. Chính vì vậy, em muốn dành trang viết đầu tiên của bài khóa luận để gửi lời cảm ơn sâu sắc tới thầy và các cán bộ của tỉnh.

Đồng thời em cũng xin tỏ lòng biết ơn của mình đến gia đình đã luôn ở bên ủng hộ, động viên em, cảm ơn các thầy cô đã dạy dỗ và những người bạn đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành khóa luận này.

Tuy nhiên, do kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn nhiều hạn chế, khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn.

Sinh viên

L- u Thị Linh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	4
3. Đối tượng nghiên cứu	4
4. Phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu	6
6. Bố cục khóa luận	
NỘI DUNG NGHIÊN CỨU	6
CHƯƠNG I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG	7
1.1 Một số vấn đề về du lịch.....	7
1.1.1 Khái niệm du lịch.....	7
1.1.2 Phân loại du lịch	9
1.1.3 Chức năng của du lịch	9
1.1.4 Vai trò của du lịch trong phát triển kinh tế xã hội	11
1.2 Một số vấn đề về di tích lịch sử văn hóa	12
1.2.1 Khái niệm di tích lịch sử văn hóa	12
1.2.2 Phân loại di tích lịch sử văn hóa	14
1.2.3 Vai trò của di tích lịch sử văn hóa đối với hoạt động du lịch	14
1.3 Một số vấn đề về du lịch văn hóa	15
1.3.1 Khái niệm du lịch văn hóa	15
1.3.2 Mục đích của du lịch văn hóa	16
1.3.3 Phân loại du lịch văn hóa.....	17
CHƯƠNG 2. MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA TIÊU BIỂU CỦA TỈNH QUẢNG NINH	19
2.1 Tài nguyên du lịch tỉnh Quảng Ninh.....	19
2.1.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên	19

2.1.2	Tài nguyên du lịch nhân văn.....	22
2.2	Di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh.....	29
2.2.1	Tổng quan về di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Ninh.....	29
2.2.2	Di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu.....	37
CH- ONG 3. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA TỈNH QUẢNG NINH PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH.....		
3.1	Thực trạng hoạt động du lịch Quảng Ninh	62
3.1.1	Khách du lịch.....	62
3.1.2	Doanh thu du lịch	67
3.1.3	Lao động ngành du lịch tỉnh Quảng Ninh	69
3.1.4	Đầu t- du lịch	71
3.1.5	Đánh giá chung.....	74
3.2.	Thực trạng khai thác các di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Ninh.....	77
CH- ONG 4 . MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG C- ỜNG HIỆU QUẢ KHAI THÁC CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA CỦA TỈNH QUẢNG NINH PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH.....		
4.1.	Bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa thông qua hoạt động du lịch.....	80
4.2.	Kéo dài thời gian tour du lịch	85
4.2.1	Đa dạng hóa sản phẩm du lịch tại các di tích.....	85
4.2.2	Bổ sung h- ớng dẫn viên tại các di tích.....	85
4.2.3	Liên kết các tuyến điểm du lịch văn hóa ở Quảng Ninh	87
4.2.4	Liên kết du lịch văn hóa với các loại hình du lịch khác ở Quảng Ninh	89
4.3.	Mở rộng thị tr- ờng khách du lịch	91
4.4.	Đẩy mạnh hoạt động quảng bá, tiếp thị du lịch cho các di tích lịch sử văn hóa ở Quảng Ninh	92
4.5.	Đào tạo nguồn nhân lực du lịch	93

4.6. Đầu t- cải thiện hệ thống giao thông đến các di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Ninh.....	94
4.7. Dẹp bỏ tệ nạn xã hội tại các di tích.....	96
4.8. Huy động đầu t- cải tạo nâng cấp các di tích lịch sử văn hoá tỉnh Quảng Ninh.....	96
4.9. Khuyến nghị.....	97
PHẦN KẾT LUẬN.....	100
TÀI LIỆU THAM KHẢO	102

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Du lịch ngay từ xa xưa đã được ghi nhận là một sở thích, một hoạt động của con người. Ngày nay trên phạm vi toàn thế giới, du lịch đã trở thành nhu cầu thiết yếu không thể thiếu trong đời sống văn hóa xã hội của con người. Du lịch không chỉ đáp ứng nhu cầu giải trí đơn thuần mà còn giúp con người nâng cao hiểu biết, giao lưu văn hóa giữa các tộc người, các dân tộc, các quốc gia, góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần, không những thế nó còn hỗ trợ sự phát triển nhiều mặt của quốc gia nơi đón khách.

Ở Việt Nam những năm gần đây, du lịch đã trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn và đã được quan tâm hàng đầu. Thực tế năm 2007, Việt Nam đã đón được 4,2 triệu lượt khách quốc tế; 19,2 triệu lượt khách du lịch nội địa. Tổng thu nhập toàn xã hội về du lịch ước tính đạt 56 nghìn tỷ đồng. Năm 2009, theo số liệu của Tổng cục Du lịch, trong tháng 1, lượng khách du lịch quốc tế tới Việt Nam là trên 370.000 lượt, tăng 3,3% so với tháng 12/2008. Dự kiến đến năm 2010, số lượng khách quốc tế đạt 5,5 – 6 triệu lượt và 25 triệu lượt khách nội địa.

Du lịch văn hóa là một loại hình du lịch có xu hướng phát triển ở Việt Nam. Ngày nay, do sự biến động quá nhiều, cuộc sống của con người ngày càng được hiện đại hóa hơn, thì nhu cầu trở về với nguồn cội, tìm hiểu những nét đẹp văn hóa truyền thống là một nhu cầu thiết yếu. Lượng khách du lịch đến với các di tích lịch sử văn hóa, lễ hội truyền thống, làng nghề truyền thống của mỗi quốc gia dân tộc khác nhau trên thế giới ngày càng tăng. Đến với các điểm du lịch có các di tích lịch sử văn hóa, du khách được thỏa mãn nhu cầu hiểu biết về những nét đẹp văn hóa, những giá trị lịch sử lâu đời, những danh nhân văn hóa của mọi thời đại tại mỗi quốc gia, dân tộc nơi du khách đặt chân đến.

Đất nước ta với truyền thống lịch sử lâu đời đã có tới hàng chục ngàn di tích lịch sử văn hóa đánh dấu những chặng đường phát triển của lịch sử văn hóa dân tộc. Nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc là sự kết tinh và tỏa sáng từ chính các di tích lịch sử văn hóa.

Quảng Ninh là một tỉnh có nhiều điều kiện hết sức thuận lợi để phát triển du lịch.

Về vị trí địa lý, Quảng Ninh là tỉnh địa đầu Tổ quốc, có cả vùng đất, vùng biển, vùng trời của miền nhiệt đới, có nhiều tài nguyên thiên nhiên đa dạng và phong phú, có vịnh Hạ Long được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới. Quảng Ninh là nơi địa linh nhân kiệt, có nền văn hóa lâu đời, nơi còn ghi lại dấu tích của nhiều chiến công hiển hách của dân tộc. Tất cả đã tạo nên cho Quảng Ninh những tài nguyên du lịch hết sức độc đáo và hấp dẫn.

Quảng Ninh có những cảnh quan nổi tiếng như vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long, nhiều bãi tắm đẹp: Trà Cổ, Cô Tô, bãi Dài...

Vịnh Hạ Long có diện tích 1.553km² với 1969 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó, khu di sản thế giới được UNESCO công nhận có diện tích 434km² với 788 đảo, có giá trị đặc biệt về văn hóa, thẩm mỹ, địa chất, sinh học và kinh tế. Trong vịnh có nhiều đảo đất, hang động và bãi tắm, cảnh quan đẹp thuận lợi cho phát triển nhiều điểm, nhiều hình thức du lịch hấp dẫn.

Đảo Tuần Châu có diện tích 220ha, nằm trong vịnh Hạ Long, cách trung tâm thành phố Hạ Long 8km, cách đất liền 2km. Đây là một vị trí lý tưởng để phát triển một quần thể du lịch cao cấp. Từ năm 2000 đến nay, công ty Âu Lạc đã đầu tư hàng nghìn tỷ đồng vào đây và bây giờ đảo đã biến hòn đảo này trở thành một khu du lịch quốc tế với hệ thống dịch vụ khép kín bao gồm: khu biểu diễn đa năng, bãi tắm cao cấp, khu phố ẩm thực Việt Nam với hơn 1000 chỗ ngồi, khu biểu diễn xiếc, trung tâm hội nghị quốc tế, và các biệt thự, khách sạn từ 3-5 sao với trên 400 phòng.

Ngành du lịch Quảng Ninh hiện có trên 300 khách sạn bao gồm 6.300 buồng phòng các loại. Ngoài ra toàn tỉnh còn có hàng trăm khách sạn Mini-tên đang kinh doanh d-ới dạng nhà nghỉ. Hiện nay, hệ thống khách sạn đ-ợc bổ sung một số khách sạn quy mô vừa d-ới dạng liên doanh với n-ớc ngoài.

Bãi tắm Bãi Cháy đ-ợc Công ty liên doanh quốc tế Hoàng gia cải tạo, nâng cấp và tạo ra một bãi biển đẹp với nhiều loại hình dịch vụ phục vụ đa dạng các nhu cầu của khách.

Quảng Ninh là vùng đất trù phú, cảnh quan đa dạng, nơi có nhiều di tích lịch sử văn hóa và danh thắng. Đồng thời, Quảng Ninh còn chịu sự tàn phá nặng nề của 2 cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, cùng với nhiều biến động của thiên nhiên xã hội., tuy vậy Quảng Ninh vẫn còn l-ưu giữ đ-ợc 545 di tích lịch sử, văn hóa và danh thắng (01 di sản thế giới, 53 di tích xếp hạng quốc gia, 14 di tích xếp hạng cấp tỉnh, 477 di tích ch-ưa đ-ợc xếp hạng) mang chiều sâu lịch sử văn hóa bao gồm: đình, chùa, văn miếu, văn chỉ, di tích cách mạng, cùng hàng chục thắng cảnh độc đáo nh- di tích nổi tiếng của quốc gia- Yên Tử, đền Cửa Ông, di tích lịch sử Bạch Đằng, chùa Long Tiên, đình Quan Lạn.. đây là những thu hút khách thập ph-ương đến với các loại hình du lịch văn hóa, tôn giáo, nhất là vào những dịp lễ hội

Với những lợi thế trên, Quảng Ninh hoàn toàn có cơ sở vững chắc để khẳng định vị thế của mình cho sự phát triển của ngành công nghiệp không khói, trong đó có loại hình du lịch văn hóa.

Tuy nhiên hoạt động du lịch tới các di tích lịch sử văn hóa vẫn ch-ưa xứng tầm với tiềm năng vốn có của nó. Hình ảnh của các di tích lịch sử văn hóa Quảng Ninh ch-ưa thực sự tạo đ-ợc dấu ấn, sự quan tâm trong lòng du khách. Vậy vấn đề đặt ra là phải làm sao để giúp cho ng-ời dân có thêm đ-ợc sự hiểu biết rõ ràng hơn về các di tích của Quảng Ninh, để từ đó có những quyết định đúng đắn khi mua 1 tour du lịch. Mặt khác, du lịch tự nhiên của Quảng Ninh đang trên đà chấp cánh, những kết quả thu đ-ợc trong những năm gần đây cho thấy, khách du lịch đến với Quảng Ninh là một số l-ượng lớn, v-ượt trội so với

nhiều tỉnh, thành phố trong nước, đem lại nguồn doanh thu đáng kể cho ngành du lịch Quảng Ninh.

Song, loại hình mà khách lựa chọn lại chủ yếu là loại hình du lịch tự nhiên, điểm đến là di sản Vịnh Hạ Long, là các khu vui chơi giải trí, việc đến với các di tích còn mờ nhạt, mang tính chất kết hợp, chưa tạo được dấu ấn trong lòng khách du lịch về các di tích lịch sử văn hóa cũng như loại hình du lịch hướng về văn hóa của Quảng Ninh.

Với những lý do trên, tôi muốn lựa chọn đề tài “*Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh phục vụ khai thác phát triển du lịch*”. Để viết bài khóa luận tốt nghiệp của mình. Mong rằng bài khóa luận phạm nào sẽ giới thiệu được về các di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng tỉnh Quảng Ninh, giúp cho du khách có thêm sự hiểu biết về các di tích để lựa chọn những tour du lịch hợp lý, đồng thời có 1 số góp ý nhằm khai thác các di tích đạt hiệu quả về mặt kinh tế, bảo tồn những giá trị đặc sắc của các di tích.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nhằm mục đích tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu ở Quảng Ninh và thực trạng khai thác các di tích lịch sử văn hóa vào hoạt động du lịch tỉnh. Từ đó, đề ra một số định hướng, giải pháp bảo tồn, tôn tạo và khai thác chúng 1 cách có hiệu quả nhất

3. Đối tượng nghiên cứu.

Đối tượng: đề tài tập trung nghiên cứu, đánh giá tiềm năng du lịch của các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

4. Phạm vi nghiên cứu.

Phạm vi: tập trung tìm hiểu 1 số di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp thu thập và xử lý thông tin

Đây là phương pháp hết sức cần thiết cho việc thực hiện các đề tài nghiên cứu du lịch để có thông tin cung cấp cho bài viết về đề tài khai thác di tích lịch sử văn hóa của Quảng Ninh để phục vụ cho du lịch. Người viết phải tiến hành thu thập các tài liệu, thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, sau đó xử lý chúng để hoàn thành bài viết của mình.

5.2. Phương pháp nghiên cứu thực địa

Đây là phương pháp hết sức quan trọng được sử dụng để làm tăng tính thuyết phục cho bài viết với nhiều thông tin ghi nhận chân thực, xuất phát trong quá trình người viết đi thu thập số liệu, thông tin. Từ đó có thể thẩm nhận được giá trị của tài nguyên, hiểu được các khía cạnh khác nhau của thực tế. Và cũng có thể đối chiếu, bổ sung những thông tin cần thiết mà các phương pháp khác không cung cấp hoặc chưa cung cấp đầy đủ.

5.3. Phương pháp phỏng vấn

Trong quá trình thực hiện bài viết, người viết đã tìm hiểu và khai thác nguồn thông tin từ chính những cộng đồng địa phương, những người có sự hiểu biết chuyên sâu hay trực tiếp quản lý các di tích... để bổ sung thông tin thực tiễn cho bài viết. Thông qua phương pháp phỏng vấn những kiến thức trần tục cũng có thể đi sâu vào tìm hiểu.

5.4. Phương pháp tổng hợp và phân tích

Là phương pháp sử dụng để phân tích, đánh giá, tổng hợp và đưa ra nhận xét dựa trên tài liệu đã thu thập được từ những phương pháp trên. Từ đó có cái nhìn tổng quát hơn về vấn đề mình nghiên cứu.

6. Bố cục khóa luận

Phần 1: Mở đầu

Phần 2: Nội dung nghiên cứu

Chương 1. Một số vấn đề lí luận chung

Chương 2. Các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu tỉnh Quảng Ninh

Chương 3. Hoạt động khai thác du lịch các di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Ninh

Chương 4. Đề xuất tăng cường hiệu quả khai thác cho du lịch và bảo tồn các di tích của tỉnh Quảng Ninh.

Phần 3: Kết luận

Tài liệu tham khảo

Phụ lục

CH- ƠNG I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÍ LUẬN CHUNG

1.1. Một số vấn đề về du lịch

1.1.1. Khái niệm du lịch

Trong lịch sử xã hội loài ng- ời, có rất nhiều hoạt động, nhiều chuyến đi mà ng- ời ta coi là hoạt động sơ khai của lịch sử. Nh- các cuộc hành h- ơng tôn giáo, các cuộc thám hiểm của Christopher Colombo, Vasco Degama. Fermand Maijilan. Đặc biệt, năm 1925, khi thành lập Hội liên hiệp quốc tế của tổ chức IUOTO (Internation of Union Officical Travel Organization) tại Hà Lan về vấn đề đi đến thống nhất rằng các hoạt động đi lại của con ng- ời ngoài nơi c- trú th- ờng xuyên nhằm nghỉ ngơi giải trí hoặc chữa bệnh, ngoài mục đích đi xâm l- ọc, tìm kiếm việc làm và c- trú chính trị, đều đ- ợc coi là du lịch.

Du lịch hiện nay đã trở thành 1 hiện t- ợng kinh tế xã hội phổ biến của hầu hết các n- ớc trên thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội, đời sống của con ng- ời ngày càng nâng cao. Du lịch đã trở thành 1 nhu cầu trong đời sống văn hóa xã hội của con ng- ời. Nó đã đ- ợc xã hội hóa và trở thành 1 ngành kinh tế quan trọng của nhiều quốc gia trên thế giới. Thuật ngữ du lịch đã trở nên khá thông dụng trong nhu cầu của ng- ời dân. Tuy nhiên, cho đến nay, do hoàn cảnh thời gian, không gian khác nhau, đ- ối với mỗi góc độ nghiên cứu du lịch khác nhau nên khái niệm về du lịch cũng rất khác nhau.

- Theo tổ chức du lịch Thế giới WTO (World Tourism Organization) đã đ- a ra định nghĩa:

“ Du lịch là tổng thể các hiện t- ợng và các mối quan hệ xuất phát từ sự giao l- u giữa du khách, các nhà kinh doanh, chính quyền địa ph- ơng và cộng đồng dân c- trong quá trình tiếp đón và thu hút du khách.”

- Theo định nghĩa của Pirojnick :

“ Du lịch là một dạng hoạt động của c- dân trong thời gian nhàn rỗi có liên quan đến sự di chuyển và l- u trú tạm thời bên ngoài nơi c- trú th- ờng xuyên nhằm nghỉ ngơi, chữa bệnh, phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức văn hóa hoặc thể thao kèm theo việc tiêu thụ những giá trị về tự nhiên, kinh tế, văn hóa”.

- Theo PGS. Trần Nhuận trong “ Du lịch và Kinh doanh” cho rằng :

“ Du lịch là một quá trình hoạt động của con ng- ời rời khỏi quê h- ơng đến một nơi khác với mục đích chủ yếu là thẩm nhận những giá trị vật chất và tinh thần đặc sắc, độc đáo khác lạ với quê h- ơng, không nhằm mục đích sinh lời đ- ợc tính bằng đồng tiền”.

“ Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con ng- ời ngoài nơi c- trú th- ờng xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ d- ỡng trong một khoảng thời gian nhất định”.

- Theo Luật du lịch Việt Nam (2005) :

“ Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con ng- ời ngoài nơi c- trú th- ờng xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, giải trí, nghỉ d- ỡng trong một khoảng thời gian nhất định.”

Nh- vậy, có thể thấy du lịch có 1 số đặc điểm sau :

- Du lịch là hoạt động di chuyển của con ng- ời đến 1 nơi nào đó ngoài nơi ở th- ờng xuyên của mình
- Mục đích của du lịch là đáp ứng đ- ợc nhu cầu tham quan, tìm hiểu, nghỉ ngơi, giải trí của du khách
- Du lịch cần thiết phải có sự hỗ trợ của các cơ sở vật chất kĩ thuật, cơ sở hạ tầng cùng các dịch vụ du lịch khác nhằm thoả mãn các nhu cầu trong chuyến du lịch của du khách.

1.1.2. Phân loại du lịch

Có nhiều cách phân loại các loại hình du lịch, căn cứ vào nhu cầu phạm vi lãnh thổ và đặc điểm địa lý có thể phân loại như sau :

❖ *Dựa vào nhu cầu du lịch và khả năng đáp ứng về tài nguyên*

Gồm có :

- Du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh
- Du lịch hành hương tôn giáo
- Du lịch công vụ
- Du lịch cuối tuần
- Du lịch văn hóa lịch sử
- Du lịch sinh thái
- Du lịch hoài niệm
- Du lịch vui chơi giải trí
- Du lịch thể thao

❖ *Dựa vào phạm vi lãnh thổ và đặc điểm địa lý để phân loại như sau :*

Gồm có :

- Du lịch biển
- Du lịch núi
- Du lịch đồng quê
- Du lịch tham quan thành phố

1.1.3. Chức năng của du lịch

❖ *Chức năng xã hội :*

Du lịch tạo công ăn việc làm, giảm bớt nạn thất nghiệp, nâng cao mức sống của người dân, làm cho đời sống tinh thần của con người trở nên phong phú hơn.

Du lịch góp phần giữ gìn và phục hồi sức khỏe, tăng cường sức sống cho người dân, hạn chế bệnh tật, kéo dài tuổi thọ và làm tăng khả năng lao động của con người. Ví dụ, du lịch chữa bệnh bằng bùn khoáng giúp cho con người phục hồi sức khỏe, tăng cường sự sống. Nhờ chế độ nghỉ ngơi và du lịch tối ưu, bệnh tật của người dân trung bình giảm 30%.

Du lịch góp phần tăng thêm tình đoàn kết cộng đồng. Thông qua hoạt động du lịch, người dân, khách du lịch hiểu biết thêm về truyền thống dân tộc, góp phần giáo dục tinh thần yêu nước, khơi dậy niềm tự hào dân tộc.

Du lịch làm tăng thêm vốn sống, hiểu biết của khách du lịch. Du lịch góp phần khôi phục và phát triển truyền thống văn hóa của dân tộc.

❖ *Chức năng kinh tế*

Về phương diện kinh tế, du lịch là 1 ngành dịch vụ mà sản phẩm của nó dựa trên và bao hàm các sản phẩm có chất lượng của nhiều ngành kinh tế khác nhau. Dịch vụ du lịch là 1 ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt ngay khi nền kinh tế thấp kém, cho dù tài nguyên phong phú thì cũng khó có thể phát triển. Vì khi đi du lịch, du khách có nhu cầu về các loại hàng có chất lượng cao, có những đòi hỏi về những tiện nghi hiện đại.

❖ *Chức năng môi trường*

Du lịch góp phần khẳng định giá trị và bảo tồn các di sản tự nhiên quan trọng. Du lịch góp phần làm tăng cường chất lượng môi trường. Du khách có thể cung cấp các sáng kiến cho việc làm sạch môi trường. Thông qua việc kiểm soát chất lượng không khí, đất, nước, ô nhiễm tiếng ồn, rác thải và vấn đề môi trường khác. Cải thiện tiện nghi môi trường thông qua các quy trình quy hoạch cảnh quan, thiết kế xây dựng và duy tu bảo dưỡng các công trình kiến trúc.

❖ *Chức năng chính trị*

Trước hết phải khẳng định rằng du lịch là cầu nối hoà bình giữa các dân tộc trên thế giới. Hoạt động du lịch giúp các dân tộc xích lại gần nhau hơn. Đó là các cuộc viễn chinh trường xưa của các cựu chiến binh Pháp, Mỹ...

1.1.4. Vai trò của du lịch trong phát triển kinh tế xã hội

Du lịch góp phần phát triển kinh tế đất nước, sử dụng ngoại tệ thu được từ lĩnh vực du lịch để góp phần đầu tư vào các lĩnh vực khác như y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội...

Để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch, với số lượng nhiều loại mẫu mã dịch vụ hàng hóa, đòi hỏi các ngành liên quan phải tự đổi mới đầu tư các dây chuyền công nghệ hiện đại và sử dụng đội ngũ có trình độ cao.

Du lịch là ngành công nghiệp không khói chiếm tỉ trọng lớn trong nền kinh tế quốc dân, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển như giao thông, thông tin liên lạc, công nghiệp, thủ công nghiệp...

Du lịch tạo công ăn việc làm cho người dân, làm cho mức sống của người dân tăng cao. Từ đó thúc đẩy sự phát triển của xã hội, giảm các tệ nạn xã hội, góp phần xoá đói giảm nghèo.

Du lịch có vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của người dân về văn hóa, từ đó có ý thức bảo vệ và giữ gìn văn hóa bản địa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại do du khách mang đến.

Du lịch làm tăng thêm tình hữu nghị giữa các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, giao lưu văn hóa giữa các dân tộc, tạo nên thế giới hoà bình ổn định và phát triển.

1.2. Một số vấn đề về di tích lịch sử văn hóa

1.2.1. Khái niệm di tích lịch sử văn hóa

Theo Hiến chương Venice- Italia năm 1964, thì:

“Di tích lịch sử văn hóa bao gồm những công trình xây dựng lẻ loi, những khu di tích ở đô thị hay ở nông thôn, là bằng chứng của một nền văn minh riêng biệt, của một sự tiến hóa có ý nghĩa hay là một biến cố về lịch sử”.

Theo Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh, công bố ngày 4/4/1984, trong đó có quan niệm về di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh như sau:

“Di tích lịch sử văn hóa là những công trình xây dựng, địa điểm, đồ vật, tài liệu và các tác phẩm có giá trị lịch sử, khoa học, nghệ thuật, cũng như có giá trị văn hóa khác, hoặc liên quan đến các sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hóa, xã hội”.

“Danh lam thắng cảnh là những khu vực thiên nhiên có cảnh đẹp hoặc có công trình xây dựng nổi tiếng”.

Từ những quan niệm trên, chúng ta có thể đưa ra những đặc điểm cơ bản, đặc trưng mà từ đó chúng ta có thể dễ dàng nhận ra một di tích hay danh lam, như sau:

- Di tích lịch sử văn hóa là những nơi ẩn dấu một bộ phận giá trị văn hóa khảo cổ.
- Di tích lịch sử văn hóa là những địa điểm, khung cảnh ghi dấu về dân tộc học.
- Chúng cũng có thể là nơi diễn ra sự kiện chính trị quan trọng, có ý nghĩa thúc đẩy lịch sử đất nước, lịch sử địa phương phát triển.

- Di tích lịch sử văn hóa là những địa điểm ghi dấu chiến công chống giặc ngoại xâm, hay là nơi ghi dấu giá trị l- u niệm về nhân vật lịch sử, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, khoa học...
- Những công trình kiến trúc nghệ thuật có giá trị toàn quốc và khu vực cũng đ- ợc coi là di tích lịch sử văn hóa.
- Những danh lam thắng cảnh do thiên nhiên bài trí sẵn và có bàn tay con ng- ời con ng- ời tạo nên.

Nh- vậy, có thể đ- a ra một định nghĩa chung nhất, tổng quát nhất về di tích lịch sử văn hóa:

“Di tích lịch sử văn hóa là những không gian vật chất cụ thể, khách quan trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử, do tập thể hoặc cá nhân con người sáng tạo ra trong lịch sử để lại”.

Tiêu chuẩn để xếp hạng cho một di tích lịch sử văn hóa hay một danh lam thắng cảnh:

- Là động sản hay bất động sản có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, nghệ thuật, những công trình mang tính chất sáng tạo trên những lĩnh vực của xã hội từ văn hóa vật chất đến văn hóa tinh thần.
- Chứa đựng cho một nền văn minh riêng biệt, phải là những công trình, vật dụng có giá trị xuất sắc mang tính chất tiêu biểu hoặc là đỉnh cao của từng mặt sinh hoạt xã hội của một thời đại.
- Đó phải là những di tích liên quan đến những sự kiện lịch sử và quá trình phát triển văn hóa xã hội, là chứng tích những mốc lịch sử, chiến công hiển hách, những thành tích lớn có tác dụng thúc đẩy lịch sử, chuyển biến một giai đoạn lịch sử, cách mạng hay sự biến chuyển lớn hình thái xã hội.
- Các danh lam thắng cảnh phải có giá trị nổi tiếng.

1.2.2. Phân loại di tích lịch sử văn hóa

- ✓ Di tích lịch sử văn hóa khảo cổ: là những địa điểm ẩn giấu một bộ phận giá trị văn hóa thuộc một thời kỳ xã hội loài ng- ời ch- a có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử.
- ✓ Di tích lịch sử văn hóa: là những di tích gắn liền với các công trình kiến trúc có giá trị ghi dấu về dân tộc học, ghi dấu chiến công chống xâm l- ọc, áp bức, nơi ghi dấu giá trị l- u niệm về nhân vật lịch sử, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, khoa học, vinh quang lao động, tội ác của đế quốc và phong kiến.
- ✓ Di tích văn hóa nghệ thuật: là những di tích gắn với các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa xã hội, văn hóa tinh thần nh- Văn Miếu Quốc Tử Giám, nhà thờ đá Phát Diệm, toà thánh Tây Ninh...
- ✓ Di tích cách mạng: là những ghi lại sự kiện quan trọng của lịch sử cách mạng địa ph- ơng có ảnh h- ởng lớn đến sự phát triển của phong trào cách mạng địa ph- ơng, khu vực, quốc gia.
- ✓ Các loại danh lam thắng cảnh: do thiên nhiên bài trí sẵn và có bàn tay sáng tạo của con ng- ời, chứa đựng giá trị của nhiều loại hình di tích lịch sử văn hóa.

1.2.3. Vai trò của di tích lịch sử văn hóa đối với hoạt động du lịch

Các di tích lịch sử văn hóa đ- ợc coi là tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn. Nếu nh- tài nguyên du lịch tự nhiên hấp dẫn du khách bởi sự hoang sơ độc đáo và hiếm hoi của nó, thì tài nguyên du lịch nhân văn, đặc biệt là các di tích lịch sử văn hóa thu hút khách bởi những giá trị đặc biệt về kiến trúc, điêu khắc, tôn giáo và cả sự đa dạng phong phú, tính truyền thống cũng nh- tính địa ph- ơng của nó. Các di tích lịch sử văn hóa là 1 thành tố hết sức quan trọng tạo nên loại hình du lịch văn hóa.

Loại hình di tích khảo cổ có ý nghĩa rất lớn và là động lực thúc đẩy hoạt động du lịch. Ngày nay, khách du lịch ngoài mục đích đến các di chỉ khảo cổ để tham quan, tìm hiểu nâng cao sự hiểu biết, họ còn có nhu cầu mua các hiện vật để sưu tập tại các di tích đó để làm kỷ niệm.

1.3. Một số vấn đề về du lịch văn hóa

1.3.1. Khái niệm du lịch văn hóa

- Văn hóa

Văn hóa là một quá trình hoạt động của con người tự do, biến đổi thế giới tự nhiên thành thế giới tự nhiên thứ hai có cấu trúc cao hơn và có dấu ấn người (có tính người). Trong quá trình đó, con người hình thành cái tự nhiên bên trong của chính mình (cảnh quan nội tại của chính mình), đồng thời thể hiện thái độ ứng xử với thế giới tự nhiên thứ nhất lẫn thế giới tự nhiên thứ hai và ứng xử đối với chính mình.

Văn hóa là một hình thái xã hội toàn diện bao gồm: Chuẩn mực, Giá trị và Biểu tượng.

- Du lịch văn hóa

Du lịch văn hóa là loại hình du lịch mà ở đó con người hưởng thụ những sản phẩm văn hóa của nhân loại, của một quốc gia, một vùng dân.

Du lịch là loại hình du lịch dựa vào tài nguyên du lịch và các giá trị văn hóa của một quốc gia. Đó là các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Du lịch văn hóa có một số đặc trưng riêng biệt bên cạnh những tích chất nhất định của du lịch nói chung. Trước tiên, đó là sự đặc trưng về tài nguyên, tài nguyên du lịch văn hóa đương nhiên là những đặc điểm văn hóa đặc trưng của một vùng, một quốc gia, mà đã là văn hóa đặc trưng thì mỗi nơi mỗi khác trong khi tài nguyên của các loại hình du lịch khác thì có thể giống nhau; ví dụ như du lịch biển thì hầu như ở mọi nơi đều giống nhau bởi chỉ cần có bãi biển đẹp và cơ sở vật chất tốt là có thể tiến hành du lịch biển.

Ngoài lợi ích về kinh tế, du lịch văn hóa cho quốc gia, cho vùng, cho nhà kinh doanh du lịch rất nhiều lợi ích khác mà không phải bất kỳ loại hình du lịch nào hay ngành nghề nào cũng có thể mang lại, đó là việc nâng cao hiệu quả về mặt xã hội. Chỉ có du lịch văn hóa mới có thể nâng cao "chất" trong du lịch, nâng cao nét đẹp, giữ gìn tính văn hóa đối với cả khách du lịch, với nhân dân địa phương và với các nhà kinh doanh du lịch. Chính vì thế, qua du lịch văn hóa, Nhà nước có thể điều chỉnh, giữ gìn và phát huy một cách tốt nhất nền văn hóa riêng của quốc gia mình.

1.3.2. Mục đích của du lịch văn hóa

Du lịch văn hóa nhằm mục đích thúc đẩy và nâng cao hiểu biết văn hóa cho cá nhân. Loại hình du lịch này thỏa mãn lòng ham hiểu biết và ham thích nâng cao văn hóa thông qua các chuyến du lịch đến những nơi xa lạ để tìm hiểu lịch sử và nghiên cứu lịch sử, kết cấu kinh tế, thể chế xã hội, phong tục tập quán, tín ngưỡng của dân cư vùng đến du lịch.

Du lịch văn hóa là xu hướng của các nước đang phát triển vì đem lại giá trị lớn cho cộng đồng xã hội, và vì thế mà loại hình du lịch này trở thành nội dung chính của Hội nghị Bộ trưởng Du lịch Đông Á- Thái Bình Dương năm 2004.

Bên cạnh những loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch khám chữa bệnh, du lịch mạo hiểm, du lịch giáo dục... gần đây, du lịch văn hóa được xem là loại sản phẩm đặc thù của các nước đang phát triển, thu hút nhiều khách du lịch quốc tế. Du lịch văn hóa chủ yếu dựa vào những sản phẩm văn hóa, những lễ hội truyền thống dân tộc, kể cả những phong tục tín ngưỡng... để tạo sức hút với khách du lịch bản địa và từ khắp nơi trên thế giới. Đối với khách du lịch có sở thích nghiên cứu, khám phá văn hóa và phong tục tập quán bản địa, thì du lịch văn hóa là cơ hội để thỏa mãn nhu cầu của họ.

Phần lớn hoạt động du lịch văn hóa gắn liền với địa phương- nơi lưu giữ nhiều lễ hội văn hóa và cũng là nơi tồn tại đói nghèo. Khách du lịch ở các

n-ớc phát triển th-ờng lựa chọn những lễ hội của các n-ớc để tổ chức những chuyến du lịch n-ớc ngoài. Bởi thế, thu hút khách du lịch tham gia du lịch văn hóa tức là tạo ra dòng chảy mới và cải thiện cuộc sống của ng-ời dân địa ph-ơng.

Ở những n-ớc kém phát triển hoặc đang phát triển, nền tảng phát triển phần lớn không dựa vào những đầu t- lớn để tạo những điểm du lịch đắt tiền, mà th-ờng dựa vào những điểm du lịch tự nhiên và sự đa dạng trong bản sắc dân tộc. Những nguồn lợi này không tạo giá trị lớn cho ngành du lịch nh-ng lại đóng góp đáng kể cho sự phát triển của cộng đồng xã hội. Những quốc gia phát triển mạnh du lịch văn hóa là Thái Lan, Indonesia, Malaysi, Trung Quốc, và một số thuộc khu vực Nam Mỹ...

“Du lịch văn hóa là xu h-ớng của nhiều n-ớc. Loại hình du lịch này rất phù hợp với bối cảnh của Việt Nam, rất tốt cho hoạt động xóa đói giảm nghèo quốc gia, vì vậy phải đ-ợc xem là h-ớng phát triển của ngành du lịch Việt Nam” - một quan của Vụ Hợp tác quốc tế thuộc Tổng Cục Du lịch phát biểu.

Ở Việt Nam, nhiều hoạt động du lịch văn hóa đ-ợc tổ chức dựa trên những đặc điểm của vùng miền. Ch-ơng trình Lễ hội Đất Ph-ơng Nam (Lễ hội văn hóa dân gian cùng Đồng bằng Nam bộ), Du lịch Điện Biên (Lễ hội văn hóa Tây Bắc kết hợp với sự kiện chính trị “50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ”), Con đ-ờng di sản miền Trung (Lễ hội dân gian kết hợp tham quan những di sản văn hóa được UNESCO công nhận)... là những hoạt động của du lịch văn hóa, thu hút nhiều khách du lịch trong và ngoài n-ớc.

1.3.3. Phân loại du lịch văn hóa.

Du lịch văn hóa đ-ợc xem là tổng thể du lịch, xem đó là một hiện t-ợng văn hóa nhằm thu hút khách du lịch ở các điểm du lịch phải mang tính văn hóa. Tùy theo các tiêu thức khác nhau mà ng-ời ta có thể chia du lịch văn hóa ra nhiều loại.

- Du lịch tìm về bản sắc văn hóa: Khách đi tìm hiểu các nền văn hóa là chủ yếu, mục đích chuyến đi mang tính chất khảo cứu, nghiên cứu. Đối tượng khách chủ yếu là các nhà nghiên cứu, học sinh, sinh viên.
- Du lịch tham quan văn hóa: Đây là loại hình du lịch phổ biến nhất, du khách thường kết hợp giữa tham quan và tìm hiểu văn hóa trong một chuyến đi. đối tượng tham gia vào loại hình du lịch này rất phong phú, là những người ưa phiêu lưu mạo hiểm, thích tìm cảm giác mới và chủ yếu là những người trẻ tuổi, trong một chuyến đi có thể có nhiều điểm du lịch.
- Du lịch kết hợp tham quan văn hóa với các mục đích khác: Mục đích chính của khách trong chuyến đi là thực hiện công tác hoặc nghề nghiệp nào đó và có kết hợp tham quan văn hóa. Đối tượng khách của loại hình này chủ yếu là những người đi tham dự Hội nghị, Hội thảo, Kỷ niệm những ngày lễ lớn...

CH- ƠNG 2. MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA TIÊU BIỂU CỦA TỈNH QUẢNG NINH

2.1. Điều kiện phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh

2.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Quảng Ninh là một tỉnh lớn ở địa đầu phía Đông Bắc Việt Nam. Tỉnh Quảng Ninh có dáng của một hình chữ nhật lệch, nằm chệch theo hướng Đông Bắc- Tây Nam. Phía Tây tựa lưng vào núi rừng trùng điệp. Phía Đông nghiêng xuống phân đầu vịnh Bắc Bộ với bờ biển khúc khuỷu nhiều cửa sông và bãi triều, bên ngoài là hơn hai nghìn hòn đảo lớn nhỏ, trong đó 1.030 đảo có tên.

Quảng Ninh có tọa độ địa lý khoảng 106°26' đến 108°31' kinh độ Đông và từ 20°40' đến 21°40' vĩ độ Bắc. Bề ngang từ Đông sang Tây, nơi rộng nhất là 195km. Bề dọc từ Bắc xuống Nam khoảng 102km. Điểm cực Bắc là dãy núi cao thuộc thôn Mỏ Toòng, xã Hoàn Mô, huyện Bình Liêu. Điểm Cực Nam ở đảo Hạ Mai, thuộc xã Ngọc Vòng, huyện Vân Đồn. Điểm cực Tây là sông Vàng Chua ở xã Bình Dương và xã Nguyễn Huệ, huyện Đông Triều. Điểm cực Đông trên đất liền là mũi Gót ở đông bắc xã Trà Cổ, thành phố Móng Cái.

Quảng Ninh có biên giới quốc gia và hải phận giáp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Trên đất liền, phía Bắc của tỉnh (có huyện Bình Liêu, Hải Hà, thành phố Móng Cái) giáp huyện Phòng Thành và thị trấn Đông Hưng, tỉnh Quảng Tây với 132,8km đường biên giới; phía đông là vịnh Bắc bộ; phía tây giáp với các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Hải Dương; phía nam giáp Hải Phòng. Bờ biển dài 250km.

Diện tích Quảng Ninh là 8.239,243km² (*phần đã xác định*). Trong đó diện tích đất liền là 5.983km²; vùng đảo, vịnh, biển (nội thủy) là 2.448,853km². Riêng các đảo có tổng diện tích là 619,913km²

▪ *Thắng cảnh*

Cũng như đối với nhiều địa phương khác ở nước ta, các thắng cảnh là một thế nổi trội để phát triển du lịch. Các thắng cảnh ở Quảng Ninh đã và đang được khai thác để phục vụ phát triển du lịch rất phong phú và đa dạng.

Vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên rất có giá trị và nổi tiếng thế giới được tạo bởi cấu trúc hình thể, cấu tạo địa chất, cảnh quan địa hình đá vôi, đa dạng sinh học, có giá trị bảo tồn lớn, có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện khoa học và bảo tồn vẻ đẹp thiên nhiên.

Vịnh Hạ Long là thắng cảnh độc đáo, có giá trị lớn nhiều mặt, trong đó có giá trị thẩm mỹ và giá trị địa chất, địa mạo là nổi bật, ngoại hạng và có ý nghĩa toàn cầu. Khu vực tập trung những giá trị nổi bật trong phạm vi 434 km² được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới, với đánh giá của Hội đồng di sản thế giới : *Những ngọn núi đá nhô lên từ mặt nước Hạ Long là một cảnh độc đáo tự nhiên với một sự tuyệt mỹ của thiên nhiên - u đãi, đặc biệt là các di sản khảo cổ. Nó xứng đáng được bảo tồn và ghi danh vào danh mục di sản thế giới với tiêu chuẩn là một di sản thiên nhiên.*

Nhìn tổng quan vịnh Hạ Long là một tác phẩm nghệ thuật tạo hình vĩ đại và độc đáo nhất, kết hợp tinh tế giữa điêu khắc và hội họa, giữa tính hoành tráng của thiên nhiên với sự duyên dáng, thơ mộng.

Vịnh Hạ Long với những giá trị nổi bật về thiên nhiên và văn hóa, với tính độc đáo, đa dạng các loại hình du lịch, là đối tượng du lịch quan trọng nhất, đã tạo ra và làm tăng giá trị du lịch của tỉnh nếu có sự đầu tư thỏa đáng.

Vịnh Hạ Long được xem như tài sản vô giá và là niềm tự hào chính đáng của Quảng Ninh nói riêng và Việt Nam nói chung.

Bên cạnh Vịnh Hạ Long nổi tiếng, ở Quảng Ninh còn có rất nhiều thắng cảnh khác đã được kiểm kê. Trong số đó đáng chú ý hơn cả là các thắng cảnh Yên Tử, hồ và đồi thông Yên Trung, thác Lừng Xanh (Uông Bí), hồ và đồi

thông Yên Lập (Hoành Bồ), thác Suối Mơ (Yên H- ng), các hang động huyền bí, kỳ vĩ và ác bãi tắm dài rộng đẹp và thơ mộng.

- *Hang động, bãi tắm*

Các hang động ở Quảng Ninh rất phong phú, đa dạng, muôn hình muôn vẻ và có sức hấp dẫn lớn với khách du lịch, tiêu biểu là các hang Đầu Gỗ, hang Sừng Sốt, hang Trinh Nữ, hang Luồn, động Thiên Cung, động Tam Cung, Mê Cung...

Quảng Ninh có bãi biển Trà Cổ thoải, nông và rộng nhất n- ớc ta, ngoài ra còn nhiều bãi tắm đẹp, cát mịn, n- ớc biển trong xanh và tĩnh lặng nằm d- ới chân các đảo đá Ba Trái Đào, áng Dù, Cửa Dứa hoặc trải dài hàng kilomet quanh các đảo Quan Lạn, Ngọc Vũng. Đây là nh- ng bãi tắm lí t- ởng cho khách du lịch trên hành trình thăm vịnh Hạ Long.

- *N- ớc khoáng*

Quảng Ninh có nhiều điểm n- ớc khoáng dùng để uống và điều trị đ- ợc phát hiện ở Quang Hanh (Cẩm Phả), Khe Lạc (Tiên Yên), Đông Long (Bình Liêu). Đặc biệt, n- ớc khoáng Quang Hanh có trữ l- ợng trên 1000m³/ngày, có chất l- ợng cao, có vị hơi mặn, độ khoáng hóa từ 3,5 – 5g/l, với thành phần vi l- ợng chủ yếu là Na, K, Ca, Mg, Cl, SO₄, H₂CO₃ và một số điểm có nhiệt độ trên 35oC nên có tác dụng điều trị một số bệnh.

- *Các hệ sinh thái đặc biệt*

Ở Quảng Ninh có nhiều hệ sinh thái đa dạng, nguyên sinh với nhiều giống loài động thực vật quý hiếm. Đó là các hệ sinh thái vùng biển nhiệt đới với thảm thực vật th- ờng xanh quanh năm trên các đảo, các rừng ngập mặn với nhiều loài chim thú rừng. Ở Quảng Ninh còn có các hệ sinh thái san hô rất độc đáo với 197 loài san hô, chiếm tới 80% tổng các loài san hô ở khu vực bờ Tây Thái Bình D- ơng. San hô ở vịnh Hạ Long đ- ợc mọc thành dải, có độ che phủ cao, trong đó có 1 số loài san hô quý hiếm nh- san hô đỏ, san hô sừng

đ-ợc ghi trong sách đỏ của Việt Nam và thế giới, các v-ờn quốc gia Bái Tử Long (Vân Đồn), khu bảo tồn thiên nhiên Đông Sơn – Kỳ Th-ợng (Hoành Bồ), các công viên biển rất có ý nghĩa trong việc bảo tồn các hệ sinh thái đặc biệt và rất có giá trị này.

2.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

➤ *Tiến trình lịch sử với những đặc thù về xã hội và nhân văn*

Trên mỗi địa cảnh tự nhiên với vị trí địa lý của nó, khi con ng-ời bắt đầu sinh sống, định c- và khai thác, tác động và sử dụng thò nó trở thành nơi ở và nguồn sống trong chuỗi những hoạt động sinh hoạt, kinh tế và chiến đấu cho sự bình ổn của mỗi cộng đồng. Các địa cảnh ấy sẽ dần dần mang những giá trị nhân văn và giá trị ấy cũng lớn dần lên với thời gian và t-ong ứng với tầm văn hóa của cộng đồng ng-ời theo dòng chảy của những triều đại cùng những thành tựu văn minh mà nó tạo lên.

Tổng thể những giá trị đó chính là nguồn tiềm năng nhân văn tổng hợp cho mỗi địa bàn. Cần xét 1 cách khái quát cả tiến trình lịch sử đó cho cộng đồng c- dân trên lãnh thổ Quảng Ninh ở khía cạnh nh- là 1 nhân tố hình thành tiềm năng du lịch nhân văn của tỉnh.

- **Dấu tích của thời tiền và sơ sử**

Nếu những di chỉ nh- Tấn Mài (xã Quảng đức, huyện Hải Hà) còn ch- a đủ độ thuyết phục về sự tồn tại của con ng-ời Tiên sử trên đất Quảng Ninh, từ thời đồ đá cũ, thì hàng loạt những di vật tìm đ-ợc từ năm 1967 ở hang Soi Nhụ, huyện Vân Đồn với những hiện vật di cốt ng-ời của 2 nam, 3 nữ gồm mảnh sọ, hàm răng, xương chi... cùng những di vật ở hang Hà Lùng, hang Dơi (Hoành Bồ), động Tiên Ông... đã cho pháp các chuyên gia khẳng định về cuộc sống của con ng-ời trên nhiều đảo và dải ven bờ Quảng Ninh.

Nh- vậy, những chứng tích về một vùng đất cổ Quảng Ninh đã minh chứng cho một nền văn hóa nhân văn sớm sủa ngay trên vùng thắng cảnh non

n-ớc hữu tình, mở đầu cho những trang địa lý lịch sử gắn liền với tiến trình phát triển và đấu tranh dựng n-ớc, giữ n-ớc của cộng đồng.

- Mảnh đất địa đầu bị Bắc thuộc và chống Bắc thuộc

Vị thế địa lý đã mang lại cho Quảng Ninh làm nơi khai thác sơn hào, nơi giao l-u buôn bán và cũng là cửa ngõ cho những kẻ xâm lăng vào đất Việt... Lịch sử Bắc thuộc của Việt Nam bao giờ cũng gắn liền với sự khổ ải nh-ng anh hùng của những ng-ời dân đã từng mang những tên Quận, tên Châu nh- An Định, Châu Hoàng, Châu Lục, Ninh Hải, Ngọc Sơn, Triều D-ơng, Hồng Quảng, Hải Ninh để rồi cuối cùng đi vào lịch sử hiện đại với cái tên “Quảng Ninh” nghe thật thoáng rộng và vững bền.

Bên cạnh những nữ t-ớng nh- Thánh Thiện quê ở Đông Triều, nối gót Lê Chân dấy quân tiến công Mã Viện ngay từ lúc chúng còn ở Hợp Phố (năm 40) và tử trận ở sông Cầm; hay trên quê h-ơng Yên Tử có bà Vĩnh Huy giả trai, tập hợp binh mã tham gia kháng chiến cùng Hai Bà Trưng...thì quê h-ơng Quảng Ninh còn bao nhiêu tấm g-ơng oanh liệt chống gặc ngoại xâm.

- Quê h-ơng của đại thắng quân xâm l-ợc, mở đầu cho quốc gia thống nhất và h-ng thịnh

Ít có địa bàn lịch sử nào liên tục qua các thời họ Khúc, Ngô Quyền, nhà Đinh, Lê, Lý, Trần, Hồ, Hậu Lê, Mạc, Trịnh, Nguyễn ghi nhiều chiến công hiển hách đối với quân xâm l-ợc nh- ở đất Quảng Ninh:

- Cửa sông Bạch Đằng 3 lần chúng kiến đại thắng quân xâm l-ợc: -chiến thắng quân Nam Hán của Ngô Quyền (năm 938), mở đầu kỉ nguyên độc lập tự chủ của quốc gia Đại Việt; - Lê Đại Hành đập tan quân Tống; - Trần H-ng Đạo đại thắng Nguyên-Mông (năm 1288), chấm dứt mộng t-ớng xâm lăng của chúng trong vòng 30 năm đối với Đại Việt (1258 – 1288)

- Cảnh Vạn Ninh – Vân Đồn phản ánh tính chiến lược giao lưu thương mại, an ninh của vùng biển Quảng Ninh, và đánh dấu thời kỳ hưng thịnh Lý- Trần.
- Không gian tâm linh với an dân trị quốc

Nếu như ở đất Bắc Ninh thờ 8 đời vua Lý thì ở Quảng Ninh lại thờ phụng 8 đời vua Trần. Trên cửa ngõ mà giặc ngoại bang thường mơn đờng xâm lược, các vua Trần đã nhận ra rằng: để trị quốc trước hết phải an dân mà an dân phải lấy tâm làm gốc, dụng tâm để truyền tâm tạo nên sự đoàn kết; lấy tâm để răn dạy hàng quan chức, cận thân; lấy tâm của Đạo gắn với Phúc của dân tộc và với Thọ của đời...và sự tạo lập “Thiền phái Trúc Lâm” của họ Trần trên địa cảnh Yên Tử là sự kiện lịch sử rất nhân văn gắn với nhiều vùng địa linh nhân kiệt của tỉnh Quảng Ninh.

Cần khai thác những tiềm năng sâu kín ẩn chìm trên từng vùng đất, vùng nước của Quảng Ninh từ địa cảnh đến nhân văn để làm thức dậy trong du khách vừa là trực quan nghe, nhìn, vừa là cảm xúc của tâm hồn rung cảm với Đất- Nước- Con người Quảng Ninh.

- Nơi ghi nhiều chiến công chống Pháp và Mỹ

Ngày 12 tháng 3 năm 1883 viên chỉ huy Bắc Kỳ dẫn 2 tàu chiến tiến vào vịnh Hạ Long đánh chiếm khu vực Bãi Cháy- Hòn Gai, mở đầu cho giai đoạn tỉnh Quảng Ninh bị thực dân chiếm đóng.

Ngày 26-8-1888 triều đình Huế phải bán vùng mỏ Hòn Gai trong hạn 100 năm cho Pháp.

Năm 1890 Pháp giành quyền sở hữu vùng mỏ Đông Triều. Từ năm 1888, hàng loạt các công ty than của Pháp lần lượt hình thành và đưa lại cảnh lâm than cho người dân Quảng Ninh cũng như các chiêu dân từ nhiều tỉnh lân cận đến đây kiếm sống.

Ng-ời dân Quảng Ninh phải đứng dậy chống thực dân Pháp đ-ới ngọn cờ của nhiều Tổ chức Đảng và quần chúng. Trong kháng chiến 9 năm chống Pháp, quân dân Quảng Ninh cúng từng nêu g-ờng quật khởi tr-ớc ách đô hộ hà khắc của thực dân. Lực l-ợng vũ trang vùng mở ra đời cùng với quân và dân cả n-ớc liên tiếp chống lại cái gọi là Xứ Nùng tự trị và hành lang Mán.

Trong những năm 1964- 1975 quân và dân đất Quảng Ninh vừa cố gắng xây dựng miền Bắc XHCN, vừa anh dũng tham gia chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại bằng hải quân và không quân của đế quốc Mỹ và chi viện đắc lực cho sự nghiệp giải phóng miền Nam.

➤ *Các di tích lịch sử văn hóa*

Quảng Ninh là mảnh đất giàu truyền thống lịch sử văn hóa. Là nơi đ-ợc thiên nhiên - u đãi, có lịch sử lâu đời gắn với sự thăng trầm của lịch sử dân tộc.. Với gần 500 di tích lịch sử văn hóa các loại tạo nên những giá trị văn hóa quý giá để phát triển du lịch tỉnh

▪ Khu di tích Yên tử

Khu di tích lịch sử- văn hóa- thắng cảnh Yên Tử bao gồm 1 hệ thống chùa, am, tháp và rừng cây cổ thụ hoà quyện với cảnh vật thiên nhiên nằm rải rác từ Đốc Đò đến núi Yên Tử theo hciều cao dần, thuộc xã Th-ợng Yên Công, thị xã Uông Bí. Khu di tích Yên Tử đã đ-ợc Bộ Văn hóa Thông tin cấp bằng công nhận là di tích lịch sử- văn hóa- thắng cảnh từ ngày 13/3/1974. Trên đỉnh núi Yên Tử có chùa Đông ở độ cao 1.068m. Từ xa x- a, núi rừng Yên Tử đã nổi tiếng là nơi ngoạn mục và đ-ợc liệt vào danh sơn đất Việt. Ngay từ thời Lý, Yên Tử đã có chùa thờ Phật là chùa Phù Vân và đạo sĩ An Kỳ Sinh đã tu hành đắc đạo ở đây. Yên tử đã trở thành trung tâm Phật giáo khi vua Trần Nhân Tông (1208 – 1308) từ bỏ ngôi vua về tu hành ở đây và lập nên giáo phái Phật giáo đặc tr-ng của Việt Nam là Thiên phái Trúc Lâm.

- Chùa Quỳnh Lâm, đền Sinh và khu lăng mộ nhà Trần

Chùa Quỳnh Lâm nằm ở xã Tràng An, huyện Đông Triều đã đ- ợc Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử và nghệ thuật ngày 15/11/1991. Chùa đ- ợc hình thành từ thời Tiền Lý (khoảng thế kỷ 5 đầu thế kỷ 6), đ- ợc tu sửa qua nhiều thời đại Đinh, Lê, Lý, Trần. Đặc biệt chùa đ- ợc tôn tạo và tu sửa vào thời Lý- Trần. Chùa đã trở thành một trong những trung tâm Phật giáo lớn nhất ở Việt Nam.

Đền Sinh và khu lăng mộ nhà Trần đ- ợc xây dựng ở xã An Sinh, huyện Đông triều, thờ Bát vị Hoàng đế thời Trần. Đây là 1 trong những công trình t- ờng niệm có giá trị lớn trong lịch sử n- ớc ta và đã đ- ợc Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử ngày 28/4/1962.

- Cụm di tích lịch sử Bạch Đằng

Nằm trong khu đầm n- ớc giáp sông Chanh, thuộc xã Yên Giang, huyện Yên H- ng, đã đ- ợc Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử ngày 22/3/1988. Bãi cọc Bạch Đằng tồn tại cùng thời gian đã ghi dấu tài quân sự của anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn ở thế kỷ XIII chiến thắng quân xâm l- ợc Nguyên- Mông (1288).

- Đền Cửa Ông

Đền Cửa Ông nằm trên một ngọn núi trông ra vịnh Bãi Tử Long, thuộc ph- ờng Cửa Ông, thị xã Cẩm Phả đã đ- ợc Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử. Đền chính lúc đầu thờ Hoàng Cản, một ng- ời anh hùng địa ph- ơng, sau thờ Trần Quốc Tảng, con trai thứ 3 của Trần H- ng Đạo, ng- ời đã có công trấn ải ở đây.

- Đình Trà Cổ

Đình Trà Cổ nằm gần bãi biển thuộc ph- ờng Trà Cổ, thị xã Móng Cái đã đ- ợc Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật ngày 13/3/1974. Đình Trà Cổ đ- ợc xây dựng vào năm 1462 và đã đ- ợc sửa chữa

nhiều lần nh- ng vẫn giữ đ- ợc những nét đặc tr- ng về phong cách kiến trúc và nghệ thuật trạm khắc nh- lúc khởi dựng, mang đậm dấu ấn văn hóa Việt Nam đ- ợc xây dựng dọc tuyến biên giới Việt- Trung.

Đình Trà Cổ thờ Thành Hoàng làng là 6 vị tiên công ng- ời Đồ Sơn (Hải Phòng) đã có công lập lên xã Trà Cổ, nay là ph- ờng Trà Cổ.

- Đình Quan Lạn

Đình Quan Lạn nằm trong cụm di tích đình, chùa, miếu, nghề thuộc xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn, đã đ- ợc Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật ngày 14/7/1990. Đình đ- ợc xây dựng vào thời Hậu Lê và đ- ợc sửa chữa nhiều lần vào thời Nguyễn để thờ Thành Hoàng làng và các vị tiên bối đã có công lập ra xã Quan Lạn và thờ Trần Khánh D- , ng- ời có công lớn trong đại thắng Bạch Đằng (1288)

- Các lễ hội

Ở Quảng Ninh có nhiều lễ hội nổi tiếng có sức thu hút khách thập ph- ơng. Có những lễ hội với quy mô đông tới hàng vạn ng- ời, kéo dài trong 2- 3 tháng nh- : Lễ hội Yên Tử diễn ra từ ngày 10 tháng Giêng âm lịch, kéo dài trong cả mùa Xuân; Lễ hội đền Cửa Ông diễn ra từ ngày 3 tháng Hai âm lịch và kéo dài trong suốt 3 tháng; Lễ hội chùa Quỳnh Lâm diễn ra từ ngày 1 đến ngày 4 tháng Hai âm lịch nh- ng không khí lễ hội bao trùm suốt cả 3 tháng Xuân.

Có những lễ hội mang màu sắc văn hóa truyền thống rất đặc sắc nh- Lễ hội Tiên Công tổ chức vào hai ngày 6 và 7 tháng Giêng sau Tết Nguyên Đán để tỏ lòng nhớ ơn Tổ tiên, tôn vinh những ng- ời có công trạng với làng, n- ớc, thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà cha mẹ. Lễ hội Trà Cổ diễn ra từ 30 tháng 5 đến ngày 6 tháng 6 âm lịch là sinh hoạt văn hóa dân gian h- ớng về cội nguồn, tôn thờ những ng- ời có công khai thiên lập địa. Lễ hội đình Quan Lạn diễn ra vào ngày 18 tháng 6 âm lịch và không khí lễ hội kéo dài suốt trong tháng 6,

t-ởng niệm các vị tiên công có công khai phá đảo Quan Lạn và các anh hùng lập công lớn chống quân Nguyên.

Các lễ hội đình Trung Bản diễn ra vào ngày 8 tháng 3 âm lịch cũng đồng thời với lễ hội đình Yên Giang, đền Trần H-ng Đạo, miếu Vua Bà, đền Trung Cốc và bãi cọc Bạch Đằng ngày kỉ niệm chiến thắng lịch sử vang dội trên sông Bạch Đằng năm 1288.

Đặc biệt, lễ hội Soóng Cọ của dân tộc Sán Chỉ ở Bình Liêu diễn ra vào dịp Tết tháng Ba âm lịch với các cuộc hát giao duyên của nam, nữ thanh niên dân tộc miền núi rất đặc sắc.

➤ *Các đối t-ợng du lịch nhân văn khác*

Ở Quảng Ninh có rất nhiều đối t-ợng du lịch văn hóa có thể khai thác để làm đa dạng các sản phẩm du lịch, tạo ra những khám phá bất ngờ cho du khách nh- :

- Các làng cổ Phong Cốc, Liên Hoà (Yên H-ng)
- Phố cổ ở thị trấn Tiên Yên, Đầm Hà
- Các chợ vùng cao Bình Liêu, chợ cửa khẩu Móng Cái...
- Khu công nghiệp khai thác mỏ than
- Các làng nghề thủ công mỹ nghệ gốm sứ ở thị trấn Đông Triều, Mạo Khê; nghề đánh bắt hải sản; nghề chế tác mỹ nghệ từ than đá...
- Văn hóa các tộc người như Dao, Tày, Sán Dìu, Hoa...
- Các đặc sản nh- r-ợu ngán Hạ Long, r-ợu nếp ngâm Hoàn Bồ, nem chua, canh hà Quảng Yên, cà sáy Tiên Yên, sá sùng rang, chả mực...

Tài nguyên du lịch nhân văn Quảng Ninh rất phong phú và đặc sắc, đây là điều kiện thuận lợi để phục vụ phát triển du lịch.

2.2. Di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh

2.2.1. Tổng quan về di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Ninh

Danh mục các di tích lịch sử- văn hóa- danh thắng tỉnh Quảng Ninh đã xếp hạng cấp tỉnh (số liệu tính đến ngày 20/5/2009)

Số TT	Tên di tích	Địa chỉ di tích	Loại hình di tích
Huyện Yên H- ng : 9 di tích			
1.	Nghè La	Xã Cẩm La - huyện Yên H- ng	Lịch sử-Văn hoá
2.	Chùa Cẩm La	Xã Cẩm La - huyện Yên H- ng	Lịch sử-Văn hoá
3.	Đình - Miếu làng Yên Đông	Xã Yên Hải - huyện Yên H- ng	Lịch sử-Văn hoá
4.	Đền, chùa La Khê	Xã Tiên An - huyện Yên H- ng	Lịch sử-Văn hoá
5.	Đình, miếu Khoái Lạc	Xã Sông Khoai - huyện Yên H- ng	Lịch sử-Văn hoá
6.	Đền Thánh Mẫu	Xã Liên Vị - huyện Yên H- ng	Lịch sử-Văn hoá
7.	Đình Quỳnh Biểu	Xã Liên Hoà - huyện Yên H- ng	Lịch sử-Văn hoá
8.	Chùa Rui	Xã Liên Vị - huyện Yên H- ng	Lịch sử-Văn hoá
9.	Chùa Lái	Xã Liên Vị - huyện Yên H- ng	Lịch sử-Văn hoá
Huyện Đông Triều : 15 di tích			
10.	Đình Xuân Quang	Xã Yên Thọ - huyện Đông Triều	Lịch sử-Văn hoá

Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh phục vụ khai thác phát triển du lịch

11.	Đình, chùa, nghề làng Vân Động	Xã Nguyễn Huệ - huyện Đông Triều	Lịch sử-Văn hoá
12.	Đền Nhà Bà, Hồ Cổ Lễ	Xã Hoàng Quế - huyện Đông Triều	Văn hoá - Danh thắng
13.	Miếu Hậu	Xã Thuỷ An - huyện Đông Triều	Lịch sử-Văn hoá
14.	Khu di tích mỏ than Mạo Khê	Thị trấn Mạo Khê - huyện Đông Triều	Lịch sử - Cách mạng
15.	Đình, chùa Triều Khê	Xã Hồng Phong - huyện Đông Triều	Lịch sử-Văn hoá
16.	Cụm di tích lịch sử, Văn hoá xã Yên Thọ	Xã Yên Thọ - huyện Đông Triều	Lịch sử-Văn hoá
17.	Đền An Biên	Xã Thuỷ An - Huyện Đông Triều	Lịch sử-Văn hoá
18.	Đình, chùa Mễ Sơn	Xã Xuân Sơn - huyện Đông Triều	Lịch sử-Văn hoá
19.	Nhà bia Miếu Yên D- ồng	Xã Hồng Thái Đông - huyện Đông Triều	Di tích lịch sử
20.	Cụm di tích lịch sử, Văn hoá đình, chùa Hoàng Xá	Xã Bình D- ồng - huyện Đông Triều	Di tích lịch sử
21.	Đình Trạo Hà - Đền Di ái	Xã Đức Chính - huyện Đông Triều	Lịch sử-Văn hoá
22.	Chùa Nhuệ Hồ	Xã Kim Sơn - huyện Đông Triều	Di tích lịch sử
23.	Địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam tại núi Yên Lãng	Xã Yên Thọ - huyện Đông Triều	Di tích lịch sử
24.	Đình - Nghè - Miếu Lâm Xá	Xã Hồng Thái Tây, huyện Đông Triều	Lịch sử, văn hoá

Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh phục vụ khai thác phát triển du lịch

Huyện Vân Đồn : 4 di tích			
25.	Đền Cặp Tiên	Xã Đông Xá - huyện Vân Đồn	Kiến trúc – nghệ thuật- danh thắng
26.	Trận địa pháo 12ly7 của dân quân xã Ngọc Vũng	Xã Ngọc Vũng - huyện Vân Đồn	Di tích lịch sử
27.	Đền thờ Vua Lý Anh Tông và Động Đông Trong	Thị trấn Cái Rồng - huyện Vân Đồn	Lịch sử - danh thắng
28.	Di tích L- u niệm Bác Hồ trên đảo Ngọc Vũng	Xã Ngọc Vũng, huyện Vân Đồn	Di tích l- u niệm
Thị xã Cẩm Phả : 3 di tích			
29.	Hang núi đá Chông	Ph- ờng Cẩm Thạch – thị xã Cẩm Phả	Di tích lịch sử
30.	Khu di tích Vững Đục	Ph- ờng Cẩm Đông – thị xã Cẩm Phả	Di tích lịch sử và danh thắng
31.	Lò Giếng Đứng Mông D- ơng	Ph- ờng Mông D- ơng – Thị xã Cẩm Phả	Di tích lịch sử
Huyện Hoành Bồ : 4 di tích			
32.	Chùa Yên Mỹ	Xã Lê Lợi – huyện Hoành Bồ	Văn hoá- nghệ thuật
33.	Đền thờ Lê Thái Tổ	Xã Lê Lợi – huyện Hoành Bồ	Lịch sử-Văn hoá
34.	Khu căn cứ cách mạng Sơn D- ơng	Xã Sơn D- ơng – huyện Hoành Bồ	Lịch sử – Cách mạng

Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh phục vụ khai thác phát triển du lịch

35.	Khu căn cứ kháng chiến chống Pháp Bằng Cả	Xã Bằng Cả - huyện Hoàn Bồ	Di tích lịch sử
Huyện Đầm Hà : 1 di tích			
36.	T- ọng đài Hà Quang Vóc	Thị trấn Đầm Hà - huyện Đầm Hà	Lịch sử - Văn hoá
Huyện Hải Hà : 1 di tích			
37.	Đền Trần H- ng Đạo	Xã Phú Hải - huyện Hải Hà	Lịch sử - Văn hoá
Huyện Ba Chẽ : 1 di tích			
38.	Khu căn cứ cách mạng Hải Chi (Đình làng Dạ)	Xã Thanh Lâm - huyện Ba Chẽ	Lịch sử - Văn hoá
Thị xã Uông Bí : 2 di tích			
39.	Hang Sơn	Xã Ph- ơng Nam - thị xã Uông Bí	Văn hoá - danh thắng
40.	Chùa Ba Vàng	Ph- ờng Quang Trung - thị xã Uông Bí	Lịch sử - Văn hoá
Huyện Tiên Yên : 1 di tích			
41.	Địa điểm lịch sử Trận chiến thắng Điền Xá trên đ- ờng số 4	Xã Điền Xá - huyện Tiên Yên	Di tích lịch sử
Huyện Bình Liêu: 1 di tích			
42.	Đình Lục Nà	Xã Lục Hồn - huyện Bình Liêu	Lịch sử - Văn hoá
Huyện Cô Tô :1 di tích			
43.	Trận đánh đêm 13/11/1945 của Đại đội Ký Con	Thị trấn Cô Tô - huyện Cô Tô	Lịch sử
Thành phố Móng Cái : 1 di tích			
44.	Đền Xã Tắc	Ph- ờng Ka Long - thành phố Móng Cái	Lịch sử - Văn hoá

Tổng cộng : 44 di tích

Danh mục di tích lịch sử- văn hóa- danh thắng của Quảng Ninh đã xếp hạng cấp quốc gia (số liệu tính đến ngày 20/5/2009)

Số TT	Tên di tích	Địa chỉ di tích	Loại di tích
45.	Đình Phong Cốc	Xã Phong Cốc - huyện Yên H- ng	Kiến trúc nghệ thuật
46.	Đình Hải Yến	Xã Yên Hải - huyện Yên H- ng	Kiến trúc nghệ thuật
47.	Đình Trung Bản	Xã Liên Hoà - huyện Yên H- ng	Lịch sử
48.	Đình L- u Khê	Xã Liên Hoà - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Nghệ thuật
49.	Đình Yên Giang	Xã Yên Giang - huyện Yên H- ng	Lịch sử
50.	Đền Trần H- ng Đạo - Miếu Vua Bà	Xã Yên Giang - huyện Yên H- ng	Lịch sử
51.	Đền Trung Cốc	Xã Nam Hoà - huyện Yên H- ng	Lịch sử
52.	Chùa Yên Đông	Xã Yên Hải - huyện Yên H- ng	Kiến trúc nghệ thuật
53.	Miếu Tiên Công (Hoàng Nông, Hoàng Nênh)	Xã Liên Hoà - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
54.	Miếu Tiên Công	Xã Cẩm La - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
55.	Bãi cọc Bạch Đằng	Xã Yên Giang - huyện Yên H- ng	Lịch sử
56.	Cây Lim giếng Rừng	Thị trấn Quảng Yên - huyện Yên H- ng	Lịch sử

Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh phục vụ khai thác phát triển du lịch

57.	Miếu Đình Cốc	Xã Phong Cốc - huyện Yên H- ng	Kiến trúc N.Thuật
58.	Bến đò Rừng	Xã Yên Giang – huyện Yên H- ng	Lịch sử
59.	Bãi Cọc Đông Vạn Muối	Xã Nam Hoà – huyện Yên H- ng	Lịch sử
60.	Nhà thờ họ Vũ (Vũ Tam Tỉnh)	Xã Yên Hải - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
61.	Nhà thờ họ Nguyễn (Nguyễn Thực, Nguyễn Nghệ)	Xã Yên Hải - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
62.	Nhà thờ họ D- ơng (D- ơng Quang Tín)	Xã Cẩm La - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
63.	Nhà thờ họ Hoàng (Hoàng Kim Bảng)	Xã Liên Vị - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
64.	Nhà thờ họ Nguyễn (Nguyễn Thực, Nguyễn nghệ)	Xã Yên Hải - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
65.	Nhà thờ họ Bùi (Bùi Bách Niên)	Xã Yên Hải - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
66.	Nhà thờ họ Vũ (Vũ Song)	Xã Phong Cốc - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
67.	Nhà thờ họ Đỗ (Đỗ Độ)	Xã Liên Hoà - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
68.	Nhà thờ họ Đào (Đào Bá lệ)	Xã Yên Hải - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
69.	Nhà thờ họ Lê (Lê Mở, Lê Khép)	Xã Phong Cốc - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
70.	Nhà thờ họ Hoàng (Hoàng Nông, Hoàng Nênh)	Xã Liên Hoà – huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá

Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh phục vụ khai thác phát triển du lịch

71.	Nhà thờ họ Ngô (Ngô Bách Đoan)	Xã Phong Cốc - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
72.	Nhà thờ họ Phạm (Phạm Việt)	Xã Cẩm La - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
73.	Nhà thờ họ Nguyễn (Nguyễn Phúc Cốc, Nguyễn Phúc Thắng, Nguyễn Phúc Vinh)	Xã Phong Cốc - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
74.	Nhà thờ họ D- ơng (D- ơng Quang Tấn)	Xã Cẩm La - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
75.	Nhà thờ họ Vũ (Vũ Hồng Tiệm)	Xã Phong Cốc - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
76.	Nhà thờ họ Vũ (Vũ Giai)	Xã Yên Hải - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
77.	Nhà thờ họ Bùi (Bùi Huy Ngoạn)	Xã Yên Hải - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
78.	Nhà thờ họ Phạm (Phạm Nhữ Lãm)	Xã Yên Hải - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
79.	Nhà thờ họ Lê (Lê Phúc Hy)	Xã Liên Hoà - huyện Yên H- ng	Lịch sử - Văn hoá
80.	Địa điểm lịch sử Trung tâm chiến khu Đông Triều	Xã Bình D- ơng - huyện Đông Triều	Lịch sử
81.	Chùa Quỳnh Lâm	Xã Tràng An - Đông Triều	Lịch sử - Nghệ thuật
82.	Chùa Mỹ Cự	Xã H- ng Đạo - huyện Đông Triều	Nghệ thuật
83.	Cụm di tích Yên Đức	Xã Yên Đức - huyện Đông Triều	Lịch sử - văn hoá

Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh phục vụ khai thác phát triển du lịch

84.	Khu di tích Hồ Lao	Xã Tân Việt - huyện Đông Triều	Lịch sử
85.	Chùa Hồ Thiên	Xã Bình Khê - huyện Đông Triều	Lịch sử - Văn hoá
86.	Chùa Ngọa Vân	Xã Bình Khê - huyện Đông Triều	Lịch sử - Văn hoá
87.	Đền, Lăng mộ các vua Trần	Huyện Đông Triều	Lịch sử - Văn hoá
88.	Th-ong cảng Vân Đồn (Bến Cái Làng)	Xã Quan Lạn - huyện Vân Đồn	Lịch sử
89.	Th-ong cảng Vân Đồn (Cống Đông, Cống Tây)	Xã Thắng Lợi - huyện Vân Đồn	Lịch sử
90.	Đình - Chùa Quan Lạn	Xã Quan Lạn - huyện Vân Đồn	Lịch sử - Kiến trúc, Nghệ thuật
91.	Ngã t- đ-ờng lên mỏ Đèo Nai	Ph-ờng Cẩm Tây - thị xã Cẩm Phả	Lịch sử
92.	Cụm di tích Xí nghiệp Tuyển than Cửa Ông	Ph-ờng Cửa Ông - thị xã Cẩm Phả	Lịch sử
93.	Đền Cửa Ông	Ph-ờng Cửa Ông - thị xã Cẩm Phả	Lịch sử - Văn hoá
94.	Trung tâm Điện chính B-u điện Quảng Ninh trên núi Bài thơ	Ph-ờng Hồng Gai - thành phố Hạ Long	Lịch sử
95.	Di chỉ Hòn Hai Cô Tiên	Ph-ờng Bạch Đằng - thành phố Hạ Long	Khảo cổ
96.	Núi Bài Thơ, Chùa Long Tiên, Đền Đức Ông	Ph-ờng Hồng Gai, Ph-ờng Bạch Đằng - thành phố Hạ Long	Lịch sử văn hoá - Danh thắng

Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh phục vụ khai thác phát triển du lịch

97.	Trận địa pháo 37ly của Xí nghiệp Tuyển than Hòn Gai	Ph-ờng Hồng Gai - thành phố Hạ Long	Lịch sử
98.	Vịnh Hạ Long	Thành phố Hạ Long	Thắng cảnh
99.	Hồ Yên Lập - chùa Lôi Âm	Xã Đại Yên - thành phố Hạ Long	Văn hoá - Danh thắng
100	Chùa Nam thọ	Ph-ờng Trà Cổ – thành phố Móng Cái	Nghệ thuật
101	Chùa Xuân Lan	Xã Hải Xuân - thành phố Móng Cái	Nghệ thuật
102	Đình Trà Cổ	Ph-ờng Trà Cổ – thành phố Móng Cái	Kiến trúc, nghệ thuật
103	Đình Đền Công	Xã Đền Công - thị xã Uông Bí	Lịch sử
104	Chùa Yên Tử	Xã Th-ợng Yên Công - thị xã Uông Bí	Lịch sử - danh thắng
105	Khu di tích l- u niệm Hồ Chủ Tịch trên đảo Cô Tô	Thị trấn Cô Tô - huyện Cô Tô	L- u niệm

Tổng cộng 61 di tích.

2.2.2. Di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu

2.2.2.1. Đền Cửa Ông

Đền Cửa Ông tọa lạc trên một ngọn núi thấp trông ra vịnh Bái Tử Long, có cảnh quan tuyệt đẹp, thuộc ph-ờng Cửa Ông, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, cách thành phố Hạ Long khoảng 40km về phía Đông Bắc, đã đ-ợc Bộ Văn hóa Thông tin cấp bằng công nhận là di tích thắng cảnh.

Đền Cửa Ông thờ Trần Quốc Tảng, con thứ 3 của Trần Hưng Đạo, cùng nhiều tượng linh nhà Trần có công đánh giặc và trấn ải vùng Đông Bắc. Đền còn thờ Hoàng Cầu, một tượng linh người địa phương có công dẹp giặc.

Đền được xây dựng vào thế kỷ 19, là một trong những di tích nhà Trần nổi tiếng ở vùng Đông Bắc. Đền Cửa Ông có tiếng linh thiêng từ khi mới chỉ là một am thảo đời gốc cây cổ thụ bên bờ cửa Suốt.

Đền gồm 3 khu vực chính: đền Hạ, đền Trung và đền Thượng, được phân bố ở 3 vị trí khác nhau theo chiều cao dần, tạo thành hình chân vạc trông ra vịnh Bái Tử Long. Đền Hạ thờ Mẫu, khu đền Thượng gồm khu đền chính thờ Trần Quốc Tảng, lăng Trần Quốc Tảng, đền Quan Châu, đền Quan Chánh và chùa. Trong chiến tranh, đền Trung và đền Hạ đã bị phá hủy. Ngày nay, đền Hạ đã được phục hồi. Đền chính lúc đầu thờ Hoàng Cầu, người anh hùng địa phương, sau thờ Trần Quốc Tảng, người có công trấn ải vùng cửa Suốt và cũng là con trai thứ 3 của Trần Hưng Đạo.

Kiến trúc đền chính theo kiểu chữ Công (I) gồm 3 gian tiền đình, hai gian ống muống và ba gian hậu cung. Đây là đền duy nhất thờ đầy đủ gia thất Trần Hưng Đạo và các cận thần của ông còn lại đến ngày nay. Với 34 pho tượng lớn nhỏ đã được các nghệ nhân trạm trổ công phu, tỉ mỉ, sắc nét với thể ngồi trong ngai, khám, long đình rất cân đối, mang giá trị nghệ thuật cao. Đó là tượng Trần Hưng Đạo, tượng Thánh Mẫu (Phụ nhân Trần Hưng Đạo), hai công chúa (con gái Trần Hưng Đạo), Trần Quốc Tảng, Trần Anh Tông, Trần Khánh Dư, Yết Kiêu, Dã Tượng, Phạm Ngũ Lão, Lê Phú Trần, Đỗ Khắc Chung... và một số câu đối và đồ thờ tự khác.

Lễ hội đền Cửa Ông diễn ra từ 2/1 đến 30/3 âm lịch. Chính hội ngày 3/2 âm lịch. Trước kia, nhân dân địa phương có tổ chức ngày hội chính vào ngày 2 tháng 3 âm lịch. Lễ hội được tổ chức linh đình gồm phân tế lễ và rước bài vị Trần Quốc Tảng. Kiệu được rước từ đền ra miếu ở xã Trác Chân, tên tục là Vườn Nhãn (theo truyền thuyết là nơi Đức Ông hoá trôi dạt vào...) và quay trở về đền tượng trưng cho cuộc tuần du của Đức Ông.

Vào mùa lễ hội, đền Cửa Ông n-ôm n-ợp du khách từ khắp mọi miền đất n-ớc. Khách đến dự lễ hội có thể đi bằng đ-ờng thuỷ ven vịnh Hạ Long, qua vịnh Bãi Tử Long, đến sát cửa đền Hạ.

2.2.2.2. Chùa Long Tiên

Hồng Gai có núi Bài Thơ

Có hang Dầu Gỗ, có chùa Long Tiên

Chùa Long Tiên đ-ợc xây dựng vào năm 1941, là ngôi chùa lớn nhất và là một di tích lịch sử danh thắng nổi tiếng của thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chùa tọa lạc d-ới chân núi Bài Thơ, gần chợ Hạ Long, một khu phố sầm uất nhất Hạ Long, tại phố cũng mang tên phố Long Tiên.

Chùa nằm ở trung tâm thành phố nên rất thuận tiện cho khách tới thăm. Tr-ớc kia, chùa Long Tiên mở hội chính vào ngày 24/03 (âm lịch). Còn hiện nay, ngày nào cũng là hội. Khách du lịch Việt Nam và n-ớc ngoài văn cảnh chùa, các tín đồ dâng hương cúng Phật, tụng kinh... những đông nhất là ngày rằm, mồng Một hàng tháng và đặc biệt vào dịp Tết Nguyên Đán.

Chùa Long Tiên đ-ợc xây dựng vào năm 1941, chùa có phong cách kiến trúc độc đáo hiếm thấy, mang phong cách kiến trúc và điêu khắc của các ngôi chùa thời nhà Nguyễn, kiểu chông gi-ờng giả chiêng và những hoạ tiết hoa văn trang trí rồng ph-ợng, hoa lá cách điệu. Toà Tam quan gồm ba cửa: cửa “Hữu”, cửa “Vô”, cửa “Đại”. Trên đỉnh Tam quan là t-ợng Phật Adidà với t- thế ngồi, giơ tay cao tạo “An uỷ ấn”, d-ới là gác chuông, nổi bật là ba chữ “Long Tiên tự”. Hai bên là hai câu đối:

Nhật tà tháp ảnh hoành tây điện

Sơn t-ợng trung thành đảo khách thuyền

Nghĩa là:

Bóng tháp trong chiều tà nằm ngang điện

Chuông chùa nơi đỉnh núi vắng nơi thuyền khách.

Chính điện thờ Phật, bên phải thờ các t-ống lĩnh nhà Trần, bên trái là cung Tam Phủ Thánh Mẫu. Ngoài cổng Tam quan có t-ợng Bồ Đề Đạt Ma, tổ của Thiền tông Trung Quốc và Việt Nam.

Bái đ-ờng và chính điện kiến trúc theo kiểu chữ “Đinh”. Đây là nơi đặt nhiều t-ợng thờ, hai bên tả hữu có t-ợng thờ Thập Điện Diêm V-ợng, cung tả của chính điện phối thờ Cha- thánh Trần H-ng Đạo, cung hữu phối thờ mẹ, Vân Ph-ợng Thánh Mẫu.

Trên bái đ-ờng là t-ợng rồng châu l-ỡng nghi, hai trụ phía ngoài là hai câu đối:

Bất sinh siệt phi khứ lai đạo tự tại
Siêu hữu vô tuyệt ẩn hiện tam đức chu niên.

Nghĩa là:

*Chẳng sinh diệt, không quá khứ, hiện tại, sáu đ-ờng giải thoát
V-ợt lên có và không, tuyệt cả ẩn và hiện ba đức trọn vẹn.*

Ngoài ra còn có bộ t-ợng Hộ Pháp và đồ tế khí. Trong chính điện ở vị trí cao nhất là hình t-ợng Di Đà tam tôn. Vị trí thứ hai là A Di Đà tạo thiên thuyết pháp trên đài sen. Vị trí thứ ba là Phật Quan Âm ngàn mắt ngàn tay, hai bên có Thiện Tài và Long Nữ đứng đầu. Vị trí thứ t- là Ngọc Hoàng Th-ợng Đế cai quản cõi trời giúp Phật hành pháp. Vị trí thứ năm là t-ợng Cửu Long (hay Thích Ca sơ sinh), tác phẩm điêu khắc này là một tuyệt tác có từ thời Lê.

2.2.2.3. Khu di tích Yên Tử

Núi Yên Tử cao 1068m, là ngọn núi cao trong dãy núi Đông Triều, vùng Đông Bắc Việt Nam. Núi thuộc xã Th-ợng Yên Công, cách trung tâm thị xã Uông Bí khoảng chừng 14 km, tỉnh Quảng Ninh. Vốn là 1 thắng cảnh thiên nhiên, ngọn Yên Tử còn l-u giữ nhiều di tích lịch sử với mệnh danh “đất tổ Phật giáo Việt Nam”.

Tr-ớc đây, ng-ời ta gọi núi Yên Tử là núi Voi bởi hình dáng ngọn núi tựa nh- một con voi khổng lồ. Trên đỉnh th-ờng có mây bao phủ nên ngày

tr-ớc còn có tên gọi là Bạch Vân Sơn. Tổng chiều dài đ-ờng bộ lên đến đỉnh Yên Tử (chùa Đồng) là khoảng 6000m với 6 giờ đi bộ liên tục qua hàng ngàn bậc đá, đường rừng núi...

Núi Yên Tử có phong cảnh đẹp thơ mộng, hùng vĩ, song cũng rất thâm nghiêm, có những rừng trúc, rừng mai xanh t-ơI, hoà quyện với suối n-ớc, mây trời, thấp thoáng trong đó là ngôi chùa, ngọn tháp ẩn hiện.

Khu di tích lịch sử văn hóa và thắng cảnh Yên Tử nằm ở phía Tây Bắc của thị xã Uông Bí, chạy dài gần 20km từ chùa Bí Th-ợng (cạnh quốc lộ 18A đến đỉnh chùa đồng (đỉnh Yên Sơn) cao nhất miền Đông Bắc tổ quốc (1068m) trên địa phận hai xã Ph-ợng Đông và Th-ợng Yên Công.

Phía Bắc giáp Hà Bắc (lấy chùa Đồng làm ranh giới), phía Đông lấy đèo Mật Lợn, suối Bãi Dâu làm ranh giới, phía tây giáp huyện Đông Triều, lấy suối Vàng Tân làm ranh giới, phía Nam giáp đ-ờng 18A và xã Ph-ợng Nam của thị xã Uông Bí (lấy chùa Bí Th-ợng làm ranh giới).

Yên Tử cách Hà Nội khoảng 110km, cách thành phố Hạ Long 50km quay trở lại, đây là vị trí rất thuận lợi cho phát triển du lịch.

Khu Trung tâm Yên Tử tính từ chùa Lân (nay là Thiền Viện Trúc Lâm) cho tới chùa Đồng đ-ợc bao quang bởi khu rừng đặc dụng với diện tích 2686 ha. Khu ngoại vi của Yên Tử đ-ợc xác định từ chùa Lân trở ra bao gồm chùa Cầm Thực, Chùa Suối Tắm, và chùa Bí Th-ợng.

Hành trình lên Yên Tử sẽ không vất vả nh- x- a vì hệ thống cáp treo 1 lên gần Hoa Yên đã hoàn thành năm 2002 và hệ thống cáp treo 2 lên cổng trời (khu vực đỉnh Yên Tử) đã đ-ợc đ- a vào sử dụng từ mùa lễ hội 2008.

Ngày 17 tháng 5 năm 2008, Yên Tử và Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh) đã cùng với Bái Đính ở cố đô Hoa L- (Ninh Bình) là những địa danh của Việt Nsm đ-ợc chọn là những thắng tích Phật giáo cho các đại biểu tham dự đại lễ Phật đản thế giới lần đầu tiên tạ Việt Nam đến tham quan, chiêm bái.

Yên Tử là trung tâm của Phật giáo từ khi vua Trần Nhân Tông từ bỏ ngai vàng khoác áo cà sa tu hành và thành lập một dòng Phật giáo đặc trưng của Việt Nam, đó là dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử và trở thành vị tổ thứ nhất với pháp danh Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông (1258 – 1308). Ông đã cho xây dựng hàng trăm công trình lớn nhỏ trên núi Yên Tử để làm nơi tu hành và truyền kinh giảng đạo. Sau khi ông qua đời, người kế tục là Pháp Loa Đồng Kiên Cương (1284 – 1330), vị tổ thứ hai của dòng Trúc Lâm. Trong 19 năm tu hành, ông đã soạn bộ sách Thạch thất mật ngữ và cho xây dựng 800 ngôi chùa, am, tháp lớn nhỏ trong nước với hàng nghìn pho tượng có giá trị, trong đó có những ngôi chùa nổi tiếng như viện Quỳnh Lâm, chùa Hồ Thiên ở Đông Triều... Tại trung tâm truyền giáo của Pháp Loa còn có Huyền Quang Lý Đạo Tái (1254 – 1334), vị tổ thứ ba của phái Trúc Lâm.

Giữa những cánh cung trùng điệp của khu Đông Bắc mênh mông, núi Yên Tử cao hơn 1000 m, vút lên như một tòa tháp, đã từng nổi tiếng là ngoạn mục. Các triều đại vua chúa xếp Yên Tử vào hạng danh sơn của nước ta. Đây là trung tâm Phật giáo của nước Đại Việt thuở trước, nơi phát tích của thiền phái Trúc Lâm. Trong quần thể di tích Yên Tử rộng lớn hiện có 11 chùa và hàng trăm am tháp. Chùa Đồng trên đỉnh núi cao nhất. Lên chùa Đồng du khách có cảm tưởng như đi trong mây. ở Yên Tử có ngọn tháp cao ba tầng bằng đá. Ngọn tháp có niên đại “Cảnh Hưng thập cửu niên- 1758” là cổ nhất.

Cũng không đâu có rừng tháp như khu Tháp Tổ Yên Tử gắn liền với những sự tích huyền thoại về ông vua nhà Trần và phái Thiền Trúc Lâm.

Hội Yên Tử bắt đầu từ ngày 9 tháng Giêng và kéo dài hết 3 tháng mùa Xuân. Sau phân nghi lễ long trọng của lễ hội tổ chức dưới chân núi Yên Tử là cuộc hành hương của hàng vạn người đến với chùa Đồng ở trên đỉnh núi. Du khách đến hội chùa Yên Tử để được tách mình khỏi thế giới trần tục, thực hiện cuộc hành hương tôn giáo giữa thiên nhiên hùng vĩ. Thú vui như hội là leo núi, lên đỉnh cao nơi có chùa Đồng. Trên đường đi chốc chốc lại gặp ngôi chùa, ngọn tháp, con suối, rừng cây, mỗi nơi là một truyện cổ tích sâu lắng

tỉnh ng- ời. Lên đến đỉnh núi tựa nh- công trời, sau khi thấp nen nhang, ai nấy nh- mình đang đứng giữa trời, lòng lâng thoát tục. Khi trời quang mây tạnh, từ nơi đây có thể phóng tầm mắt dõi nhìn khắp vùng biển miền Đông Bắc.

Có câu ca dao:

Trăm năm tích đức tu hành

Ch- a đi Yên Tử, ch- a thành quả tu.

Sự kiện nhân vật lịch sử

“Phật giáo Trúc Lâm là một nền Phật giáo độc lập, uy tín tinh thần của nó là uy tín tinh thần quốc gia Đại Việt. Nó là x- ong sống của một nền văn hóa Việt Nam độc lập. Nền Phật giáo này tuy có tiếp nhận những ảnh h- ưởng của Phật giáo Trung Hoa, Ấn Độ và Tây Tạng nh- ng vẫn giữ cá tính đặc biệt của mình.”

Thiền phái Trúc Lâm ra đời tại Yên tử. Ng- ời x- a gọi là Thiền phái Trúc Lâm có thể có 2 lý do:

- Yên Tử có nhiều trúc.

- Lấy tên tứ Ấn Độ: Trúc Lâm tịnh xá tổ ban đầu của dòng truyền Yên Tử là Thiền s- Th- ờng Chiêu, tr- ớc ở núi Từ Sơn, sau mới đến Yên Tử. Nh- ng thực sự Thiền Trúc Lâm phổ biến và thành một thiền phái là từ khi vua Trần Nhân Tông lên Yên Tử tu hành, trở thành Điều Ngự Giác Hoàng đệ nhất tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Trần Nhân Tông là ng- ời đã thống nhất các phái thiền đã có thành một Thiền phái Trúc Lâm. Chính vì vậy, s- tổ của Thiền phái Trúc Lâm chính là vua Trần Nhân Tông. Từ đây, Việt Nam thực sự đã có một dòng thiền Phật giáo của mình, do chính ng- ời Việt làm tổ.

Nội dung cơ bản của dòng Thiền Trúc Lâm là Phật ở trong tâm, kế thừa tinh hoa của đạo Phật Ấn Độ và Thiền tông Trung Quốc, đ- ọc cải biên để phù hợp với đặc điểm tâm lý, điều kiện kinh tế xã hội của dân tộc Việt Nam. Thiền

phái Trúc Lâm chủ trương xây dựng một xã hội đạo đức mà ở đó con người ai cũng tu sửa chính nơi mình.

Từ một ông vua, mà không phải ông vua tầm thường, trái lại, một ông vua anh hùng của dân tộc, một ông vua đã lên tột đỉnh vinh quang, quyền uy danh vọng, đứng đầu thiên hạ, nh- ng sẵn sàng bỏ lại tất cả không nuối tiếc, để sống đời xuất gia thoát tục, tu hành khổ hạnh, đạt đạo làm tổ một dòng Thiền. Đức vua Trần Nhân Tông đi tu, không phải để trốn đời, yếm thế mà đi tu để nhập thế, cứu đời, không phải cứu đời theo kiểu của một ông vua, mà theo kiểu của một thánh nhân trên đỉnh núi Yên Sơn. Vua Trần Nhân Tông vẫn rõ đ- ọc triều chính, có đ- ọc quyết sách lớn lao và đúng đắn nhằm giữ gìn tình bang giao giữa các n- ớc láng giềng và Đại Việt.

Xuất phát từ nhu cầu bức xúc của dân tộc lúc bấy giờ là nêu cao tinh thần đoàn kết, th- ơng yêu trong cộng đồng, nguyện chung ý chí bảo vệ nền tự chủ của dân tộc, dựa trên vị thế tôn giáo đang thịnh hành, Trần Nhân Tông xúc tiến quá trình bản địa hóa của đạo Phật từ n- ớc ngoài truyền vào ở 2 phương diện lý luận và thực tiễn. “Nhập thế” và “Tu tại tâm” là hạt nhân cốt lõi của t- t- ởng chính thống phái Thiền Trúc Lâm. Lấy pháp hiệu là Điều Ngự, Trần Nhân Tông cùng 2 nhà s- Pháp Loa, Huyền Quang và các môn đệ dịch thuật, soạn thảo sách kinh, tập hợp và quy tụ tín đồ giảng đạo, truyền bá giáo lý tại Yên Tử.

Hệ thống di tích chùa Yên Tử

Yên Tử là một tổng thể nhiều chùa, am và hàng trăm tháp kéo dài từ chùa Bí Th- ợng (chân Dốc Đỏ) đến chùa Đồng trên đỉnh núi. Hệ thống chùa, am, tháp phong phú với kiểu kiến trúc điêu khắc đặc biệt và đa dạng, đó là những di sản văn hóa vô giá của dân tộc, là sản phẩm văn minh Đại Việt thời Trần.

- **Chùa Bí Th- ợng**

Chùa tọa lạc trên một ngọn đồi thuộc thôn Bí Th- ợng. Sau khi vua Trần về Yên Tử tu hành, sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm thì các Phật tử, tín đồ cả

n-ớc đổ về Yên Tử để an c-, cầu đạo. Việc xây dựng một ngôi chùa ở cửa ngõ của Yên Sơn nh- chùa Bí Th-ợng để làm trạm dừng chân cho khách giữa độ d-ờng là cần thiết.

Bởi thế, ngôi chùa Bí Th-ợng đ-ợc mọc lên, tham gia vào hệ thống chùa tháp Yên Sơn với t- cách chùa Trình. Chùa Bí Th-ợng x- a có quy mô lớn, v-òn chùa rất rộng, bao gồm toàn bộ s- ờn Nam của quả đồi. Đầu thập kỷ 20 của thế kỷ này, ngôi chùa bị cháy do địch hoạ. Có bà họ Bùi (vợ Võ Bá Liên) đã phát tâm công đức xây dựng lại chùa theo kích cỡ nhỏ hơn so với tr-ớc. Đây là dấu tích chùa Bí Th-ợng cuối cùng bị pha hồi chống Pháp.

Tr-ớc chùa vẫn còn ngôi tháp khá nguyên vẹn. Dựa vào kích th-ớc và kiểu dáng ngôi tháp cũ, cụ quản tự Tràng đã cho tái thiết 2 ngôi tháp nữa trên nền tháp mộ của các thiền s- còn lại. Trong chùa hiện thờ t-ợng Phật và tứ phủ.

Đi từ Hà Nội về Yên Tử, chùa Bí Th-ợng nằm ở phía bên phải, ngay ở khu Dốc Đỏ, cách quốc lộ ch- a đây 100m. L- ng chùa xoay ra đ-ờng quốc lộ. Năm 2003, ngôi chùa đ-ợc xây dựng lại trở thành ngôi chùa trình của hệ thống chùa tháp ở Yên sơn.

▪ Chùa Suối Tắm

Quá dốc Cửa Ngăn chừng trăm mét, du khách hành h-ợng vào Suối Tắm. Từ trên cao nhìn xuống, ngôi chùa thấp thoáng d-ới vòm cây đại thụ. Các ngôi chùa khác ở Yên Tử, muốn lên trên đó phải trèo non, riêng chùa suối tắm lại phải đi xuống vài chục bậc đá xếp. Chùa nằm f ở trên thế đất Đầu Rùa. Tr-ớc cửa uốn cong dòng Suối Tắm.

Tục truyền: sau khi v-ợt dốc vào Yên Tử, hai thầy trò Điều Ngự ghé qua đây. Tr- a hề oi bức, tiếng suối mùa m- a réo rắt hoà với tiếng chim rừng ca lãnh lót. Bụi đ-ờng hoà quyện với mờ hôi khiến cả hai bức bối. Vua Trần đóng khố, nhòai ng- ời bơi nơi dòng n-ớc trong xanh. Dòng n-ớc cuốn trôi bụi trần ra sông biển. Kể từ dịp ấy, suối đ-ợc đặt tên: Suối Vua Tắm.

Bên suối là chùa, cảnh chùa rợp bóng đa, bóng đại. X- a kia, nền chùa chỉ có ngôi miếu nhỏ thờ Nguyệt Nga công chúa, em của Quận He Nguyễn Hữu Cầu, một lãnh tụ của nhân dân khởi nghĩa ở thế kỷ XVIII. Công chúa mất khi còn trẻ, lại có công nên nghĩa quân chôn bà ở đây và lập miếu thờ bà, tôn bà nh- một Phúc thần trấn giữ của rừng này.

Thời kỳ chống Pháp, chùa Cẩm Thục bị cháy, chuông t- ọng của chùa đ- ọc nhân dân trong vùng chuyển xuống miếu này. Miếu thờ t- ọng phật, mặc nhiên trở thành chùa. Miếu chùa Suối Tắm tr- ớc thờ thần, sau thờ phật cũng là ở tích này.

- Chùa Cẩm Thục

Chùa có tên chữ là Linh Nhâm tự. Ngôi chùa tọa lạc trên đỉnh núi tròn nh- mâm xôi, ở phía trái lộ trình vào Yên Tử. Dấu tích ngôi chùa đ- ọc xây dựng vào thời Trần, hình chữ “Nhất” gồm 6 gian. Chùa x- a bị phá huỷ và đ- ọc trùng tu xây dựng lại nhiều lần. Khoảng giữa thế kỷ này, chùa bị san bằng vì địch hoạ. Nền chùa chỉ còn đồng gạch vụn và 1 bát nhang h- ơng lạnh khổi tàn. Di tích chỉ còn vài ba cây tháp đổ và một lăng xây thời nhà Nguyễn còn khá nguyên vẹn. Đỉnh lăng đúc hình hoa sen cách điệu nâng đỡ bình đựng n- ớc cam lộ của Đức Phật Quan Âm Bồ Tát.

Tục truyền: Sau khi tắm suối xong, thầy trò Bảo Sái tiếp tục lên đ- ờng. Bấy giờ đã sang tr- a, Bảo Sái mở túi lục tìm cơm cho thầy, mới chợt nhớ là suất ăn của 2 thầy trò đã đ- a cho 3 tên c- ớp ở cửa rừng. Vua Trần vui vẻ cùng Bảo Sái uống n- ớc trừ cơn, về sau nơi đây dựng chùa, mang tên chùa Cẩm Thục (không ăn) để ghi hành động quên mình cứu độ chúng sinh của Đức vua Trần Nhân Tông.

- Chùa Lân (Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử)

Chùa có tên chữ là Long Động tự (chùa động rồng). Chùa tọa lạc trên quả núi giống con Kỳ Lân nằm phủ phục, nên đặt tên chùa theo dáng núi. Tên chùa còn được hiểu theo tích khác: “Ngày xưa, nước ngập Trống cả vùng Nam

Mẫu. Muốn lên chùa phải chống bè mà tới. Nhà chùa mền khách, dùng dây chằng cho khách bám lên vào. Công việc lên dây lên chùa trở thành quen, đến nỗi đặt luôn tên chùa là chùa Lân”.

X- a kia cửa ngõ chùa Lân lớn lắm, chả thế mà có câu: “Ngõ chùa Lân, sân chùa Muống, ruộng chùa Quỳnh” là 3 cái nhất không thể so bì ở 3 cảnh chùa khác nhau vào thời phái Thiên Trúc Lâm thịnh v- ợng. Cả thầy, chùa Lân có tới 23 ngôi tháp, trừ v- ờn tháp tổ chùa Hoa Yên, ch- a có v- ờn tháp nào sánh đ- ợc về số l- ợng các tháp ở chùa Lân.

Chùa Lân- Thiên viện Trúc Lâm Yên Tử ngày nay do Hoà th- ợng Thích Thanh Từ cùng Phật tử hảo tâm trong và ngoài n- ớc công đức xây dựng, khởi công đặt đá từ ngày 19 tháng Giêng, khánh thành ngày 11 tháng 11 năm 2002, nhằm vào ngày sinh của Vua Trần Nhân Tông, đây là ngôi chùa kiêm chức năng thiền viện có quy mô lớn nhất trong n- ớc, đ- ợc xây dựng trong thời gian ngắn nhất. Trước cửa Toà Chính Điện là dấu tích nền móng của ngôi chùa thời Trần còn l- u lại. Về đây, du khách có thể nghỉ qua đêm, để sớm mai tiếp tục cuộc hành trình, v- ợt qua chín suối vào Trung tâm Yên Tử.

▪ Chùa Giải Oan

Ngôi chùa xây dựng vào thời nhà Trần, trên nền của đàn tràng giải kết những oan hồn các cung nữ đã trầm mình d- ới suối n- ớc để tỏ lòng trung trinh. Qua nhiều lần trùng tu, ngôi chùa hiện tồn đ- ợc tôn tạo vào thời nhà Nguyễn, mái lợp ngói Tây. Cửa chính bức bàn còn sơ sài, quý nhất ở đây là các pho t- ợng, hầu hết đều cổ x- a, nét trạm khắc rất tinh vi, sống động. Trong các chùa tháp Yên sơn, ch- a có chùa nào có số t- ợng mẫu thờ nhiều bằng chùa Giải Oan. Phải chằng các cung tần mỹ nữ x- a kia, sau khi trầm mình, linh hồn họ siêu thoát về Thiên Cung, thoải phủ hiện thân thành Mẫu, tôn thờ tại chốn giải oan này?

Năm 1994, ni s- Chân Đức- Một Việt kiều ở Canada đã hồi h- ợng công đức một phần, xây chùa mới Giải Oan, phần còn lại đ- ợc địa ph- ợng lo hoàn

thiện. Chùa Giải Oan mới bao gồm năm gian và hậu cung. Cánh cửa bức bàn trạm khắc rất tinh vi, công phu theo mô típ “*Tứ bình*” “*Tứ quý*”. Chùa bốn mái cong, lợp ngói mũi hài, do các Phật tử ở Hải Phòng công đức.

Sau khi chùa mới được xây dựng, ngôi chùa cũ trở thành nhà thờ mẫu. Đặt vào vị trí cửa ngõ khu di tích, bên cạnh trụ sở ban quản lý Yên Tử, mặc nhiên, chùa Giải Oan trở thành ngôi chùa đại diện cho tất cả các chùa trên toàn tuyến du lịch.

▪ Chùa Hoa Yên

Chùa ở độ cao 534m so với mực nước biển, tọa lạc trên triền núi nhô ra tựa trán Rồng. Ngày xưa chùa có tên Vân Yên (tức mây trắng). Quy mô chùa rộng lớn. Ngoài ngôi thờ Tam Bảo, hai bên tả hữu còn lầu trống, lầu chuông, nhà dưỡng tằng, giảng Đạo... sơn son thiếp vàng rực rỡ. Vua Lê Thánh Tông lên viễn cảnh chùa, thấy cảnh trí nơi đây tuyệt đẹp, trăm hoa đua nở, mây kết thành hoa giăng trước cửa... bèn đổi tên chùa thành Hoa Yên.

Vào thời vua Trần còn tại thế, chùa chỉ là am thất nhỏ dựng sơ sài, lợp bằng lá cây rừng, sang thời Pháp Loa thì chùa mới được dựng nguy nga. Chùa trở thành trung tâm Phật giáo của Đại Việt. Ngôi chùa thời Trần xưa không còn, chỉ để lại vài hòn đá xanh kê chân tảng cột chùa rất lớn, mách cho ta kiến trúc to rộng của chùa xưa.

Ngoài các ngôi tượng, bia, tháp, mộ, ở chùa Hoa Yên còn lưu lại rất nhiều di vật cổ: những viên gạch hoa cúc thời Trần cỡ lớn, những bức phù điêu trạm khắc trên đá hình sư tử, những lọ đồng bình sành sứ... lưu lại dấu ấn vàng son của một thời đã qua. Ấn tượng nhất vẫn là 3 gốc Đại. Cây Đại 700 tuổi, gốc to lớn, sần sùi, cành đan vào nhau khoẻ khoắn, tán lá xum xuê, nở bung những chùm hoa trắng ngà. Du khách lấy gốc Đại làm nền phong chụp ảnh, chớ có tấm hình bên gốc Đại, chớ phải đi lễ chùa Hoa Yên.

Cuối năm 2002, chùa được tôn tạo lại gồm: nhà Chính điện, nhà thờ Tam tổ, hành lang tả hữu kiêm lầu trống, lầu chuông... quy mô kiến trúc hài hoà với cảnh quan, địa thế tự nhiên của non thiêng Yên Tử.

- Chùa Một Mái

Tên chữ là Bán Thiên tự, xưa còn có tên Thanh Long Động. Gọi là Bán thiên tự vì chùa cao ở giữa lòng trời, nửa chùa phô ra bên ngoài trời, còn lại nửa chùa ẩn sâu trong hang núi. Gọi là Thanh Long động vì bên trong chùa là hang động. Xưa động này có nhiều rắn, nhất là loài rắn xanh nên gọi là động Rồng Xanh.

Chùa dài 4 gian, chiều ngang hẹp, có chỗ chừa a dẫy 2m, tượng và đồ thờ chạm bằng đá trắng vào thời kỳ cuối Lê, đầu Nguyễn, tất cả còn khá nguyên vẹn. Đó cũng là nét riêng độc đáo của chùa, gian ngoài là mái vòm hang động. Xưa kia vào thời vua Trần chùa là một am nhỏ có tên Am Ly Trần, vua thường ra đây đọc sách soạn kinh, các văn từ, tịch được tàng trữ ở đây. Sau khi vua Trần hiển Phật, ngôi chùa hiện nay vẫn giữ nguyên vẻ hoang sơ ban đầu.

- Chùa Bảo Sái

Chùa nằm chênh vênh trên triền núi, ở độ cao gần 724m so với mặt nước biển. Thời kỳ vua Trần tu hành ở Yên Sơn, nơi đây chỉ có Am trong động (ở sau chùa Bảo Sái hiện nay). Am được gọi là Ngô Ngữ Viện, tu hành ở đó là một vị đại đệ tử thân tín nhất của Trần Nhân Tông là Bảo Sái. Sang đời đệ nhị tổ Pháp Loa, trước cửa Ngô Ngữ Viện chỉ dựng ra một gian chùa nhỏ, trong động thờ Đệ nhất Tổ Trúc Lâm. Sau khi Bảo Sái viên tịch, Ngô Ngữ Viện thành chùa, ngôi sau lấy tên tổ đặt tên chùa: Bảo Sái. Do ở trên cao, nên chùa bị thiên tai huỷ hoại, do nằm trên cao nên nước từ trên nhỏ xuống làm cho các pho tượng luôn bị ướt.

Năm 1990, chùa được trùng tu trên nền cũ, từ năm 1995 đến nay, chùa Bảo Sái trở thành 1 trong những ngôi chùa kang trang, đẹp đẽ trong hệ thống chùa ở Yên Sơn.

Trong chùa, ba ngôi tượng đồng Tam tổ ở trên toà chính điện, còn treo các bức đại tự trạm khắc theo lối cổ, có bức trạm theo hình cuốn thư, dòng nét uốn lượn rất tinh tế.

- Chùa Vân Tiêu

Xưa kia, chùa là am thất nhỏ, sau khi đức vua Trần hiển Phật, nơi đây được dựng thành chùa. Trải mấy trăm năm, ngôi chùa qua nhiều lần trùng tu, mái tía lầu son thật rực rỡ. Ngôi chùa thời nay được phế tích xây dựng vào thời nhà Nguyễn, cấu trúc chữ “Đinh”, gồm ba gian tiền đường và hậu cung. Bên trái phế tích chùa Vân Tiêu là ngôi nhà thờ tổ, từ ngày chùa cháy ở đây chỉ có một bàn thờ, bên trên đặt bát hương thờ Chúa Ngàn, phía trước cửa chùa là vọng tháp 9 tầng, nên vọng tháp cũng là đỉnh một chóp núi mọc nhánh ra của dãy Yên Sơn.

Gọi là chùa Vân Tiêu bởi chùa tọa lạc trên sườn núi phía Tây dãy Yên Tử, dãy núi này từng thành chắn ngang lòng gió biển thổi vào, hơi nước tới đây ngưng đọng lại thành mây. Mây gió bị chặn ở sườn Nam, được thoát ra nơi sườn phía Tây. Mây trôi lững lờ trên sườn non Yên Tử, tới đây lập tức bị tiêu tan, nên dù ở gần đỉnh núi, chùa Vân Tiêu ít khi bị mây mù che phủ. Ở nơi này, mây cứ đến là tan, nên chùa mang tên là Vân Tiêu.

Năm 2001, trung tâm UNESCO nghiên cứu ứng dụng Phật học Việt Nam đã vận động Phật tử hảo tâm công đức xây dựng lại chùa, ngày 28/3/2002 ngôi chùa Vân Tiêu chính thức khánh thành, là một danh lam cổ tự đẹp có tiếng của non thiêng Yên Tử.

- Chùa Đông

Chùa tọa lạc trên đỉnh Yên Sơn, độ cao 1068m so với mặt nước biển. Sử sách ghi rằng: Vào thời Lê, bà vợ chúa Trịnh đã công đức xây dựng một

ngôi chùa bằng đồng tại đây. trong chùa thờ tượng Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chuông, các đồ thờ khác cũng bằng đồng, ngôi chùa có tên là “Thiên Trúc tự”. Đến năm Canh Thân 1740, thời Lê Cảnh Hưng, lợi dụng việc gió bão làm bạt mái chùa, kẻ gian đã lên tháo dỡ phần còn lại của chùa mang đi, chỉ để lại dấu tích các hố chôn cột trên mỏm đá.

Năm 1930, bà Bùi thị Mỹ đã lên đây tái tạo chùa Đông bằng bê tông cốt đồng trên một hòn đá vuông cao quá đầu người. Gần 70 năm qua, ngôi chùa bị dột mái, chỉ là một di tích tín ngưỡng còn lại, trong chùa thờ 4 pho tượng đá. Năm 1993, ông Nguyễn Sơn Nam, Việt kiều Mỹ, cùng các Phật tử hải ngoại đã công đức tái thiết một ngôi chùa đúc bằng đồng dựng bên chùa Đông cũ. Chùa Đông mới kiến trúc hình chữ “Đinh” theo dáng một bông sen nở, ngụt trên sập đồng chân quỳ dạ cá chạm trở hình hoa sen cách điệu, đây thực sự là 1 tác phẩm độc đáo. Trên thế giới ít có ngôi chùa nào đúc toàn bằng đồng như ở Yên Tử. Đã hành hương đến Yên Tử, chớ bỏ qua ngôi chùa Đông, chớ bỏ qua ngôi chùa này về Yên Tử

- Tượng đá An Kỳ Sinh

Cách chùa Vân Tiêu 569m, có một hình tượng đá trông giống hình nhà s- đứng chấp tay cung kính, áo dài tung bay trong gió. Đó là tượng đá An Kỳ Sinh. Tượng cao 2,2m trừ phần bệ, ở bên bệ tượng có ban thờ. Tục truyền: Ngày xưa núi này có nhiều cây thuốc mọc tự nhiên, người ta thường lên núi hái thuốc. Có một đạo sĩ tên là An Kỳ Sinh chuyên hái thuốc, luyện thành thuốc trường sinh và tu luyện đạo tiên. Người ta gọi ông là Thầy An (An tử) để tỏ lòng tôn kính. Về sau ông chết hoá thành tượng đá trên đỉnh núi.

Đứng trước pho tượng đá, du khách tự hỏi lòng: Tượng đá thiên tạo hay nhân tạo? Du khách buồn vì khoảng không gian nơi người xưa đặt tượng, từ năm 1979 đến nay, có một nhà mái bằng, đổ bê tông đã dựng lên án ngữ. Du khách trông tượng An Kỳ Sinh chỉ là vật trang trí cho căn nhà đó chứ không phải một di tích văn hóa của danh lam Yên Tử.

▪ Hệ thống các văn bia

Bồn hoa trước sân chùa Hoa Yên, dưới gốc cây đào đang trở nụ, có 2 bia đá còn nghi lại. Cả hai hình tứ trụ đặt trên hai phiến đá chân đế, nét khắc chữ Hán còn khá rõ. Mặt bia đề: “Hoa Yên tự bi” (Bia chùa Hoa Yên), chữ Hán kín 4 mặt. Mặt thứ nhất và thứ hai ghi chép sự việc một cung phi triều Lê tên là Nguyễn Thị Ngọc Lão, sau nhiều năm hầu hạ Chúa Trịnh đã rời bỏ cảnh nhung lụa, xuất gia quy y cửa Phật ở chùa Hoa Yên. Bia khắc năm 1653.

Mặt thứ ba ghi lại chuyện một thị nội cung tần Vong triều Lê là công chúa Minh Châu đã công đức lớn về Yên Tử, cứu giúp dân nghèo. Bia khắc năm 1678. Mặt thứ tư ghi chép việc Công tử Trịnh Sài chẳng ham danh lợi, bỏ chức nơi điện các, chỉ năng làm công đức vào chùa và cứu trợ dân nghèo vùng núi Yên Tử, bia khắc năm 1650.

Bia đá thứ hai nét khắc chữ mờ, nhiều chữ nay đã mờ hẳn. Tuy vậy vẫn còn nhận ra đây là văn bia ghi lại việc dựng tháp Tôn Đức trong vườn tháp Huệ Quang để thờ Thiền sư Minh Hành Tại Tại. Văn bia ghi lại hành trạng của nhà sư Minh Hành từ Giang Tây (Trung Quốc) vượt bể sang Đại Việt tu hành và đắc đạo.

Phía Đông sân chùa Hoa Yên còn một bia đá hình trụ vòm. Mặt trước bia trạm phù điêu hình ba vị ni sư tọa thiền theo thế chân vạc. Phía trước hai con nghe đá châu hai bên. Cả bia và nghệ tạo thành chiếc ngai đặt bát hương ở giữa. Mặt sau khắc bằng chữ Hán còn rõ nét.

Lưu ở chùa Một Mái có một số bia đá khắc chữ Hán, nét chữ trên bia còn khá rõ. Một tấm bia ghi hồng danh của bảy vị thiền sư có pháp danh là Tuệ Giác, Tuệ Hải, Giác Diệu, Hải Ngân, Bích Giới, Thanh Lồ và Như Chiếu.

Một tấm bia “Sa di thờ Phật” của Đại Đức Huệ Xuân, quê ở xã Kim Liên, huyện Đông Triều.

Một tấm bia thờ Đại Giác Viên Minh, quê ở xã Quỳnh Anh Hạ.

Hai tấm bia công đức ghi ph-ong danh những ng-ời làm công đức chùa đ-ọc khắc vào ngày 11 tháng 4 năm 1853 và ngày 8 tháng 12 năm 1936.

Trên đỉnh Yên Sơn còn có một phiến đá mỏng cao hơn 5m, bề rộng d-ới chân chừng 2m. Mặt đá chính diện giống nh- hình cái oản dâng cúng Phật, trên khắc chữ Hán, đ-ọc gọi là bia Phật. Mặt tr-ớc của bia tạc một hàng gồm bốn chữ Hán lớn theo chiều dọc. Ba chữ trên mờ, chỉ còn lại chữ cuối cùng khá rõ nét nằm gọn trong vòng tròn: Chữ “Phật”. Phía dưới chữ “Phật” có một hàng ngang gồm bốn chữ Hán: “Tứ tự hồng danh”. ở gần bia Phật, có một phiến đá khá bằng phẳng, gọi là Bàn Cờ Tiên. Bàn cờ nghiêng nghiêng, du khách dùng chân ở Bàn Cờ để ngắm nhìn bia Phật, chuẩn bị lễ nghi dâng cúng chùa Đồng.

Lễ hội Yên Tử

Hàng năm lễ hội Yên Tử đ-ọc tổ chức từ ngày 10 tháng Giêng âm lịch và kéo dài trong ba tháng mùa xuân. Sau phần nghi lễ long trọng đ-ọc chính quyền địa ph-ong tổ chức ngay d-ới chân núi Yên Tử là cuộc hành h-ong của hàng vạn ng-ời lên đỉnh cao nhất của Yên Tử- chùa Đồng. Đ-ờng lên đỉnh Yên Tử uốn lượn, gập ghềnh, luôn d-ới những bóng cây đại thụ, xuyên qua những vạt rừng thông trúc... Với thời gian trung bình 3 giờ leo núi vất vả mới có thể đến đ-ọc chùa Đồng, đ-ờng lên đỉnh Yên Tử là một thử thách Đức tin, kiểm chứng lòng thành với Phật.

Đến với chùa Đồng, những tín đồ của Phật có cảm giác mãn nguyện nh- đến cội nguồn cõi Phật. D-ờng nh- nơi đây là chốn để Tiên, Phật đánh cờ, luận đàm kinh kệ, truyền cho các bậc hiền triết của Trần gian. Rải đều trên các cung bậc của hành trình hội xuân Yên Tử là những cụm kiến trúc chùa, am, tháp, bia... lấu mình trong rừng cổ nguyên sinh, khi phô bày giữa không gian thoáng đãng, nhiều lúc ẩn hiện trong mây, huyền ảo nh- trong chuyện cổ tích, vừa quyến rũ du khách, vừa khích lệ tinh thần chinh phục. Đến

đỉnh Yên Tử, du khách có cảm giác nh- lên tới cổng trời, c- ãi mây nhìn xuống hạ giới.

Vào dịp lễ hội, trong dòng ng- òi thập ph- ơng đổ về Yên Tử, có nhiều ng- ời hành h- ơng tìm đến cõi Phật để thể hiện đức tin, cầu lộc, cầu tài. Có những ng- ời tìm đến Yên Tử để ng- ỡng cảm ý chí thông tuệ và đức độ thanh cao của các bậc cha ông. Có ng- ời về Yên Tử để du xuân, văn cảnh, th- ởng ngoạn không khí thanh bình, nam nữ thanh niên đến Yên Tử để khám phá, chinh phục. Nhiều Việt kiều về n- ớc, tìm đến Yên Tử để đắm mình trong giá trị nhân văn, tinh hoa dân tộc. Rất nhiều khách n- ớc ngoài đã biết đến Yên Tử nh- một điểm hấp dẫn du khách tôn giáo, lịch sử văn hóa.

Bất kỳ ai đến với lễ hội Yên Tử, nhất là đến đ- ợc chùa Đồng đều cảm thấy choáng ngợp bởi sự kỳ vĩ của thiên nhiên. Những giá trị tinh thần văn hóa của tổ tiên: sự dâng hiến tinh khiết trong hoa lá... Đâu phải vô tình mà chọn Yên Tử làm nơi hành đạo.

2.2.2.4. Cụm di tích lịch sử Bạch Đằng

Khu di tích chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 chiếm một vị trí đáng kể trong quần thể các di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ng- ỡng trên địa bàn huyện Yên H- ơng. Phần lớn trong số đó đã đ- ợc Nhà n- ớc xếp hạng là di tích quốc gia nh- Bãi cọc Yên Giang (bãi cọc Bạc Đằng 1288), đền Trần H- ơng đạo, Miếu Vua Bà, hai cây Lim giếng Rừng (đ- ợc Bộ Văn hóa thông tin xếp hạng di tích quốc gia từ tháng 3 năm 1988); đền Trung Cốc (đ- ợc Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử Quốc gia bổ sung cho cụm Di tích lịch sử Bạch Đằng theo Quyết định số 310/QĐ- BT, ngày 13/2/1996); di tích Bến Đò Rừng (đang đ- ợc Sở VHHTT Quảng Ninh lập hồ sơ khoa học đề nghị Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng di tích Quốc gia bổ sung vào cụm di tích lịch sử Chiến thắng Bạch Đằng). Ngoài những giá trị đặc sắc về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật kiến trúc thì yếu tố đáng kể làm nên giá trị của các di tích chính là những truyền thuyết bao quanh nó.

Bãi cọc Bạch Đằng nằm trong khu đầm nước, giáp đê sông Chanh thuộc xã Yên Giang, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, cách ngã ba sông Chanh và sông Bạch Đằng 414m, cách thị trấn Quảng Yên khoảng 2000m. Bãi cọc Bạch Đằng hiện nay còn khoảng 300 chiếc cọc gỗ dài 2-3m (chủ yếu cọc bằng gỗ lim và gỗ táu).

Trần Quốc Tuấn (tức Trần Hưng Đạo) là anh hùng dân tộc, được dân tôn làm thánh trong lịch sử Việt Nam. Làm tướng, ông dẹp bỏ thù nhà dốc lòng báo đền nợ nước, góp công lớn ba lần đánh bại quân Nguyên. Ông là tác giả của hai bộ binh thư và đặc biệt là bài "Hịch tướng sĩ" nổi tiếng còn lưu truyền đến ngày nay. Sau khi ông mất, vua phong cho ông Hưng Đạo đại vương, lập đền thờ ở Vạn Kiếp, Chí Linh (Hải Phòng).

Sinh năm 1228, Trần Quốc Tuấn ra đời khi họ Trần vừa thay thế nhà Lý làm vua trong một đất nước đói kém loạn ly. Trần Thủ Độ, một tôn thất tài giỏi đã xếp đặt bày mưu giữ cho thế nước chông chênh thành bền vững. Bấy giờ Trần Cảnh còn nhỏ, mới 11 tuổi, vợ là Lý Chiêu Hoàng, vị vua cuối cùng của dòng họ Lý, vì nhường ngôi cho chồng mà trăm họ, tôn thất nhà Lý dị nghị nhà Trần cướp ngôi. Trần Thủ Độ rất lo lắng. Bấy giờ, Trần Liễu, anh ruột Trần Cảnh lấy công chúa Thuận Thiên, chị gái Chiêu Hoàng đang có mang. Trần Thủ Độ ép Liễu nhường vợ cho Trần Cảnh để chắc có một đứa con cho Cảnh. Liễu nổi loạn. Thủ Độ dẹp tan những tha chết cho Liễu. Nhưng điều này không dẹp nổi lòng hận thù của Liễu. Vì vậy, Liễu kén thầy giỏi dạy cho con trai mình thành văn võ song toàn, ký thác vào con mối thù sâu nặng. Người con trai ấy chính là Trần Quốc Tuấn.

Chuyện kể rằng: Thời ấy tại bến Đông, ông chủ động mời Thái sư Trần Quang Khải sang thuyền mình trò chuyện, chơi cờ và sai nấu nước thơm tự mình tắm rửa cho Quang Khải. Rồi một lần khác, ông đem việc xích mích trong dòng họ dò ý các con, Trần Quốc Tảng có ý khích ông cướp ngôi vua của chi thứ, ông nổi giận định rút gươm toan chém chết Quốc Tảng. Do các con và những người tâm phúc xúm vào van xin, ông bớt giận, dùng gươm,

nh- ng bảo rằng; Từ nay cho đến khi ta nhắm mắt, ta sẽ không nhìn mặt thẳng nghịch tử, phản thầy này nữa! Trong chiến tranh, ông luôn hộ giá bên vua, tay chỉ cầm cây gậy bịt sắt. Thế mà vẫn có lời dị nghị, sợ ông sát vua. Ông bèn bỏ luôn phân gậy bịt sắt, chỉ chống gậy không đi gần cận nhà vua. Và sự nghi kỵ cũng chấm dứt. Giỏi tâm lý, chú ý từng việc nhỏ để tránh hiềm nghi, yên lòng quan để yên lòng dân, đoàn kết mọi ng- ời vì nghĩa lớn dân tộc. một lòng trung trinh son sắc vì vua vì n- ớc.

Vua giao quyền Tiết chế cho Trần Quốc Tuấn. ông biết dùng ng- ời tài nh- các anh hùng Tr- ơng Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã T- ơng... đều từ cửa t- ơng của ông mà ra. Ông rất th- ơng binh lính và hộ cũng rất tin yêu ông. Đội quân cha con ấy trở thành đội quân bách thắng.

Trần Quốc Tuấn là một bậc t- ơng "cột đá chống trời". Ông đã soạn hai bộ binh th- ; "Binh th- yếu l- ợc" và "Vạn Kiếp tông bí truyền th- " để dạy bảo các t- ơng cách cầm quân đánh giặc. Trần Khánh D- , một t- ơng giỏi cùng thời đã hết lời ca ngợi ông: "...Lấy ngũ hành cảm ứng với nhau. cân nhắc cửu cung, không lẫn âm d- ơng...". Biết dĩ đoán binh chế tr- ờng trận, có nghĩa là lấy ngang chống dài. Khi giặc lộ rõ ý định gây hấn, Trần Quốc Tuấn truyền lệnh cho các t- ơng, răn dạy chỉ bảo lẽ thắng bại tiến lui. Bản "Hịch t- ơng sĩ" viết bằng giọng văn thống thiết hùng hồn, mang tâm t- t- ơng của một bậc ".đại bút".

Trần Quốc Tuấn là một t- ơng tài, có đủ đức tài Là t- ơng nhân, ông th- ơng dân, th- ơng quân, chỉ cho quân dân con đ- ờng sáng. Là t- ơng nghĩa, ông coi việc phải hơn điều lợi. Là t- ơng chí, ông biết lẽ đời sẽ dẫn đến đâu. Là t- ơng dũng, ông sẵn sàng xông pha nơi nguy hiểm để đánh giặc, cho nên trận Bạch Đằng oanh liệt ngàn đời là đại công của ông. Là t- ơng tín, ông bày tỏ tr- ớc cho quân lính biết theo ông thì sẽ đ- ợc gì, trái lời ông thì sẽ bị gì. Cho nên cả ba lần đánh giặc Nguyên Mông, Trần Quốc Tuấn đều lập công lớn.

Mùa thu tháng Tám, ngày 20, năm Canh Tý, H- ng Long thứ 8 (1300) "Bình Bắc đại nguyên soái" H- ng Đạo đại v- ơng qua đời. Theo lời dặn lại, thi

hài ông đ- ợc hoả táng thu vào bình đồng và chôn trong v- ườn An Lạc, giữa cánh rừng An Sinh miền Đông Bắc, không xây lăng mộ, đất san phẳng, trồng cây nh- cũ...

Khi ông mất (1300), vua phong ông t- ớc H- ng Đạo đại v- ơng. Triều đình lập đền thờ ông tại Vạn Kiếp, Chí Linh, ấp phong của ông thuở sinh thời. Công lao sự nghiệp của ông khó mà kể hết. Vua coi nh- bậc tr- ợng phu, trăm họ kính trọng gọi ông là H- ng Đạo đại v- ơng.

Đền Trần H- ng Đạo có tên chữ là "Đền Bạch Đằng". Ngôi đền tr- ớc kia nằm ở xứ Hậu Đồng cạnh sông Bạch Đằng thuộc làng Rừng xã An H- ng, huyện Yên H- ng. Đến năm 1934, đời vua Bảo Đại thứ 9 do ngôi đền xuống cấp, chật hẹp, vị trí ch- a thích nghi, nhân dân bản xã đã chuyển ngôi đền đến dựng trên ngai đất cổ nằm giữa ngã ba sông Bạch Đằng năm 1288, nơi thấm máu nhân dân nhà Trần và xác giặc Mông- Nguyên.

Miếu vua Bà nằm cạnh Đền Trần H- ng Đạo thuộc xóm 6 xã Yên Giang, huyện Yên H- ng tỉnh Quảng Ninh. Miếu Vua Bà hiện nay nằm cạnh Bến Đò Rừng, đây là bến Đò Cổ. Từ năm 1960 về trước, bến đò này là nơi giao thông từ Quảng Ninh đi Hải Phòng qua dòng sông Bạch đằng lịch sử. Ngay trên bến đò, tr- ớc cửa Miếu Vua Bà là một cây Quếch cổ thụ. Từ lâu đời nhân dân Yên H- ng đã l- u truyền câu chuyện bà hàng n- ớc giúp Trần H- ng Đạo đánh giặc Mông- Nguyên và được phong làm Vua Bà.

Đền Trung Cốc nằm ở thôn Đồng Cốc, xã Nam Hoà, huyện Yên H- ng. Ngôi đền nằm gần bãi cọc Đồng Vạn Muối, đây là bãi cọc thứ hai có quy mô lớn góp phần quan trọng làm nên chiến thắng Bạch Đằng 1288. Đền có kiến trúc hình chữ Đinh.

Hai cây Lim Giếng Rừng nằm trên một khu đất rộng 1.300m², trong đó có hai giếng n- ớc (gọi là Giếng Rừng). Hai cây Lim cao khoảng 35m, tán rộng 30m, một cây có chu vi gốc 5,5m, thân chính cao 6m; cây thứ hai có chu vi 7,2m; thân chính cao gần 7m, thuộc địa phận phố Đoàn Kết, thị trấn Quảng Yên. Hai

cây Lim này có tuổi thọ trên 700 năm cùng các địa danh cổ còn lại đến ngày nay như Sông Rừng, Bến Rừng, Chợ Rừng, Giếng Rừng... chứng tỏ xưa kia vùng đất ven sông Bạch Đằng là những cánh rừng cổ mà dấu vết còn lại đến ngày nay có liên quan mật thiết với những trận địa cọc trên sông Bạch Đằng năm 1288. Mặc cho thời gian và khí hậu khắc nghiệt nhưng cây vẫn xanh tươi, một công đài chiến thắng giản dị đơn sơ và đầy nghị lực.

Di tích bến Đò Rừng (Bến Rừng) là nơi diễn ra một sự kiện vĩ đại trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta: “Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288”. Bến Đò Rừng cổ là nơi Trần Hưng Đạo chọn để đốt lửa làm hiệu lệnh cho binh sĩ trên một chiến trường rộng lớn nhất loạt tiến công địch. Bến Đò Rừng cũng là nơi có bà hàng nước, người đã cung cấp cho Trần Hưng Đạo lịch con nước triều, địa thế lòng sông để tổ chức trận địa cọc Bạch Đằng và kế hoạch làm nên Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288. Bến Đò Rừng xưa kia nằm trên một doi đất cổ, hình tay áo từ trại An Hưng chạy ra giữa sông Bạch Đằng, nơi đây là trung tâm chiến trường của đại thắng Bạch Đằng năm 1288.

Bãi cọc Bạch Đằng nằm trong khu đầm nước, giáp đê sông Chanh, thuộc xã Yên Giang, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, đã được Bộ Văn hóa Thông tin cấp bằng công nhận là di tích lịch sử nhân dịp kỷ niệm 700 năm chiến thắng Bạch Đằng. Bãi cọc Bạch Đằng tồn tại cùng thời gian, là chứng tích lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, nơi ghi dấu thiên tài quân sự của anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn vào thế kỷ 13

Bãi cọc Bạch Đằng được phát hiện vào năm 1953, khi nhân dân trong vùng đào đất đắp đê. Hiện còn hàng trăm cọc, một số cọc được cắm thẳng đứng, đa số cọc nằm chệch theo hướng đông 15 độ, cắm theo hình chữ Chi (Z). Cọc phần lớn bằng gỗ lim, gỗ táu, đầu dưới vát nhọn, đầu trên đã bị gãy, độ dài trung bình từ 2- 2,8m, có cái dài tới 3,2m. Phần cọc được vát nhọn dài từ 0,8- 1m. Đầu phía trên của cọc nằm dưới mặt đất khoảng 0,5- 1,5m. Toàn bộ bãi cọc đã được xây kè bảo vệ với diện tích 220m², trong đó có 42 cọc ở nguyên trạng khi phát hiện, sâu dưới bùn hơn 2m, nhô cao từ 0,2- 2m. Mật độ

cọc ở nửa bãi phía nam là 0,9- 1m² có một cây, nửa bãi phía Bắc là 1,5- 2m² có một cây.

Vào thế kỉ 13, sau hai lần xâm lược Việt Nam bị thất bại thảm hại (1258 và 1285), năm 1288 quân Mông- Nguyên quyết tâm xâm lược nước ta một lần nữa. Với 30 vạn do Thoát Hoan chỉ huy và 70 vạn học lược do Trương Văn Hổ chỉ huy, tiến vào Thăng Long bằng đường bộ và đường thủy. Trước sức mạnh đó, vua quan nhà Trần đã thực hiện kế hoạch rút lui chiến lược, xây dựng chiến tranh du kích để tiêu hao sinh lực địch. Sau một thời gian bị tiêu hao sinh lực, mệt mỏi vì không quen khí hậu, hơn nữa đoàn thuyền lược của Trương Văn Hổ đã bị quân của Trần Khánh Dư đánh chìm ngay khi vào đến Vân Đồn Cửa Lục, buộc quân địch rút lui. Biết trước âm mưu đó, Trần Quốc Tuấn đã dựa vào chiến thuật cắm cọc gỗ xuống lòng sông Bạch Đằng của Ngô Quyền (938), lợi dụng dải đá ngầm ở ghềnh Cốc và ghềnh sông Chanh tạo thành tuyến chặn đường rút lui của quân giặc. Ngày 9 tháng 4 năm 1288, khi đạo binh của Ô Mã Nhi đến cửa sông Bạch Đằng, Trần Quốc Tuấn đã cho thuyền nhỏ ra khiêu chiến, khi nước triều rút, các cánh quân mai phục từ các nhánh sông lao ra quyết chiến, làm cho quân địch không kịp trở tay, cùng với chiến thuật hỏa công, chỉ trong vòng 1 ngày, hơn 3 vạn quân của Ô Mã Nhi và gần 400 chiến thuyền đã bị quân dân nhà Trần tiêu diệt và bắt sống.

Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 là một chiến công chói lọi đã ghi vào trang sử hào hùng chống giặc ngoại xâm của Việt Nam và bãi cọc đầm Yên Giang là chứng tích hùng hồn của chiến công đó. Khi đến thăm di tích Bạch Đằng, du khách sẽ được hoà mình vào không khí hào hùng của dân tộc, tìm hiểu những câu chuyện xung quanh chiến công Bạch Đằng lịch sử.

2.2.2.5. Khu di tích chùa An Sinh và lăng mộ các vua nhà Trần

An Sinh là vùng đất được coi là quê gốc của nhà Trần. Sách Đồng Triều huyện phong thổ ký ghi: “Tổ tiên nhà Trần cư ngụ ở xã An Sinh, nhiều người

làm nghề chài lưới, sau này mới chuyển xuống ở xã Túc Mặc, huyện Mỹ Lộc, cho nên các vị đế vương của triều Trần đều đưa về an táng ở xã An Sinh.

Đền và lăng mộ nhà Trần được xây dựng thời nhà Trần, được trùng tu vào thời Hậu Lê và thời Nguyễn, quần thể di tích gồm một đền và tám lăng mộ. Khu đền Sinh thuộc Nghĩa Hưng là nơi thờ chung 8 vị vua nhà Trần và lăng mộ của Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Giản Định Đế. Lăng mộ Trần Anh Tông ở khu trại Lốc, lăng Trần Minh Tông ở khu Khe Gạch, lăng Trần Hiến Tông ở khu Ao Bèo, lăng Trần Dụ Tông ở khu Đống Tròn, lăng Trần Nghệ Tông ở khu Khe Nghệ. Qua 600 năm, phần lăng mộ ở đây chỉ còn là phế tích và quá trình nghiên cứu đã cho thấy giá trị của hệ thống di tích thông qua những dấu vết còn sót lại là những di vật, những đồ gia cố ... của các công trình.

Hệ thống lăng mộ khu di vật phong phú về cả loại hình lẫn chủng loại. Trong đó hầu hết là gạch, ngói và tảng kê chân cột nằm rải rác ở các khu vực. Về loại hình ngói, tập trung nhiều, phong phú về chủng loại và còn tồn tại nguyên vẹn ở am Ngoạ Vân và lăng vua Trần Anh Tông. Tại am Ngoạ Vân, nhiều hơn cả là ngói cánh sen và ngói mũi lá. Ngói cánh sen trang trí gồm 2 kiểu: một loại trang trí hoa văn ở mặt trước mũi sen và mặt trên của đầu ngói, một loại trang trí ở mặt trước mũi ngói hình bông hoa 4 cánh. Ngói cánh sen không trang trí có kích thước lớn, độ rộng trung bình 17- 18cm, một số viên trên mặt có in nổi 2 chữ Hán “Vân Phong” (tên gọi khác của núi này).

Ở khu vực lăng của vua Trần Anh Tông có loại ngói lợp diềm mái có gắn lá đề, bên trong trang trí đôi chim phượng, các loại ngói úp nóc trang trí hình rồng trong lá đề lệch. Về loại hình gạch trang trí ở lăng Trần Hiến Tông, có loại gạch hình chữ nhật bên sườn có ghi chữ “Vĩnh Ninh trường” có kích thước 20x40cm. Tại khu vực lăng Trần Thủ Đức có loại gạch Hán, có họa tiết hoa văn trám lồng. Tại khu vực Đền Thái tập trung chủ yếu là gạch vuông và gạch hình chữ nhật có màu đỏ.

Đặc biệt, tại khu vực các lăng mộ còn có t- ượng quan hầu bằng đá xanh mất phần đầu (lăng vua Trần Hiến Tông và đền An Sinh) và t- ượng các linh thú bằng đá như rùa, voi, ngựa... (am Ngoạ Vân). Trong đó, tại khu vực lăng vua Trần Hiến Tông còn có hai con rùa bằng đá, trong đó một con còn nguyên vẹn, một con mất đầu, thân gãy đôi.

Ngoài ra, tại các lăng còn có bia đá ghi năm trùng tu và chú thích tên lăng mộ vào thời Nguyễn. Tại lăng vua Trần Nghệ Tông chỉ còn mảnh vỡ thân bia và chân bia; tại lăng vua Trần Hiến Tông, đền Thái và đền An Sinh còn t- ượng đối nguyên vẹn

Đồ men, sành Trần và số l- ượng nhỏ men ngọc Trung Quốc tập trung ở khu vực lăng vua Trần Anh Tông. Các cấu kiện trang trí nh- mảnh vỡ tháp bằng đất nung (am Ngoạ Vân, đền An Sinh); thành lan can rang đá (Phụ Sơn lăng); chi tiết trang trí của đầu rang bằng đất nung (lăng T- Phúc). Tại khu vực am Ngoạ Vân còn có một khối đá hình chữ nhật có kích th- ớc 60x40cm khắc nổi ba chữ Hán “Phụng Phật tháp”

Thông qua các di vật tại khu vực đền An Sinh và lăng mộ các vua Trần, chúng ta hiểu hơn về thời kỳ tồn tại và phát triển của các di tích này ở các triều đại Trần, Lê, Nguyễn.

CH- ƠNG 3. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA TỈNH QUẢNG NINH PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1. Thực trạng hoạt động du lịch Quảng Ninh

3.1.1. Khách du lịch

Khách du lịch là cơ sở cho sự phát triển của ngành du lịch. Từ khi chuyển sang kinh tế thị trường, nhất là những năm gần đây, nhờ những thành tựu trong công cuộc đổi mới, nền kinh tế có những bước tăng trưởng khá nhanh, nhiều loại hoạt động văn hóa được quan tâm, đáp ứng nhu cầu mọi mặt trong cuộc sống. Quan điểm hướng về cội nguồn, tìm lại những nét văn hóa giàu bản sắc dân tộc đang dần được khơi dậy. Các di tích lịch sử, danh thắng, phong tục lễ hội được phục hồi, đó là cơ sở để phát triển du lịch.

Lượng khách du lịch đến Quảng Ninh có mức độ tăng trưởng nhanh và đều. Theo số liệu thống kê của Sở Du lịch, trong 6 năm qua (2001- 2006) tốc độ tăng trưởng bình quân 14%/ năm. Trong đó khách quốc tế đạt tốc độ tăng bình quân 13%/năm. Nếu như trong năm 2001, tổng lượng khách đến Quảng Ninh mới chỉ đạt 1,9 triệu thì năm 2006, đã vượt qua mức 3triệu. Riêng 7 tháng đầu năm 2007, lượng khách tăng 35% so với cùng kỳ năm 2006

Khách du lịch đến Quảng Ninh giai đoạn cuối năm 2008

Danh mục	ĐVT	T11	T12	So sánh cùng kỳ
Tổng khách du lịch	<i>L- ợt khách</i>	286,490	224,000	124%
<i>Trong đó: khách du lịch quốc tế</i>		206,416	159,240	162%
I- Khách l- u trú	<i>L- ợt khách</i>			
1- L- ợt khách		217,140	171,480	102%
<i>Trong đó: khách quốc tế</i>		114,230	85,470	102%
2- Ngày khách	<i>N. khách</i>	348,430	252,500	104%
<i>Trong đó: N.khách quốc tế</i>		214,990	181,230	101%
II- Lữ hành	<i>L- ợt khách</i>	25,480	24,190	84%
1- Khách quốc tế		24,870	24,170	83%
<i>Khách do DV tự tổ chức</i>		23,900	23,070	81%
<i>Khách tiếp nhận</i>		0	0	
<i>Khách VN đi n- ớc ngoài</i>		980	1,100	70%
<i>Khách TQ đi VN trong ngày</i>		0	2	
2- Khách trong n- ớc		600	20	109%
III- Khách thăm DTL SVH		7,500	6,500	103%
IV- Khách thăm VHL		225,500	170,000	150%

3.1.1.1. Khách du lịch nội địa

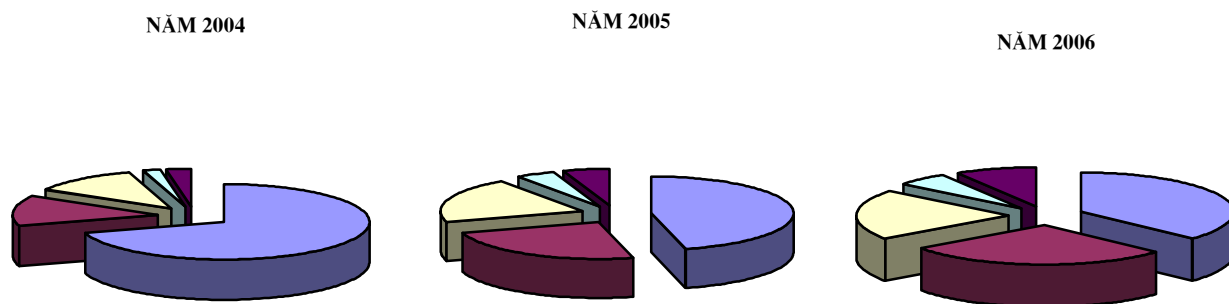
Số l- ợt khách du lịch nội địa đến Quảng Ninh đã tăng nhanh qua các năm. Khách du lịch nội địa chủ yếu kà thuộc các tỉnh phái Bắc và một nguồn khách nhỏ từ miền Nam.

3.1.1.2. Khách du lịch quốc tế

Thị tr- ờng khách du lịch quốc tế chính đến Quảng Ninh là khách châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản...

Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh phục vụ khai thác phát triển du lịch

❖ *Thị phần khách du quốc tế đến Quảng Ninh năm 2004 - 2006*



	Năm	2004	2005	2006
	<i>Tên n- ớc</i>			
	Trung Quốc	614.148	390.697	316.000
	Hàn Quốc - Nhật	113.591	205.905	261.812
	Châu Âu	103.869	170.868	193.404
	Bắc Mỹ	17.986	37.665	54.327
	Các n- ớc khác	24.347	44.019	79.040

❖ *10 thị tr- ờng khách quốc tế lớn l- u trú tại Quảng Ninh.*

	Thị tr- ờng	2005	2006	So sánh
1	Trung Quốc	206.460	210.850	102%
2	Hàn Quốc	143.510	206.650	144%
3	Pháp	51.627	60.168	117%
4	Đài Loan	39.025	41.300	106%
5	Úc	25.145	29.975	119%
6	Mỹ	22.330	29.180	131%
7	Đức	13.165	20.615	157%
8	Anh	13.085	12.190	93%
9	Nhật	11.870	14.500	122%
10	Thái Lan	9.845	33.270	338%

Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh phục vụ khai thác phát triển du lịch

- Khách du lịch: 4.446.000 l-ợt, đạt 111% kế hoạch năm; tăng 24% so với cùng kỳ. Trong đó khách quốc tế 2.374.000 l-ợt, đạt 132% kế hoạch năm; tăng 62% so với cùng kỳ.

- Khách l-ưu trú: 2.356.050 l-ợt, đạt 118% kế hoạch năm; tăng 3% so với cùng kỳ. Trong đó khách quốc tế 1.157.332 l-ợt, đạt 119% kế hoạch năm; tăng 3% so với cùng kỳ. (Khách l-ưu trú trên vịnh: 266.800 l-ợt, TĐ khách quốc tế 238.000 l-ợt)

- Khách thăm Vịnh Hạ Long: 2.694.380 l-ợt, tăng 50% so với cùng kỳ.-

Riêng khách Du lịch đ-ờng biển: 167.300 l-ợt, tăng 3% so cùng kỳ (167.300/161.686); trong đó:

+ Tuyến Bắc Hải – Hạ Long 66.387 l-ợt khách, so cùng kỳ giảm 51,3 % (Tuyến này giảm so cùng kỳ là do 01 tàu ngừng hoạt động đ- a vào sửa chữa 6 tháng; 66.387/129.968)

+ Tuyến khác đến Hạ Long 99.668 l-ợt khách đến từ trên 30 quốc gia, so cùng kỳ tăng 214 % (99.668/31.718).

❖ 15 Thị tr-ờng khách quốc tế đến Quảng Ninh 2008

<i>STT</i>	<i>Quốc tịch khách</i>	<i>Thời điểm</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
1	Trung Quốc	2008	L-ợt	158.989
2	Hàn Quốc			145.041
3	Pháp			63.673
4	Thái Lan			46.789
5	Đài Loan			45.330
6	Úc			37.353
7	Mỹ			28.289
8	Đức			23.082

Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh phục vụ khai thác phát triển du lịch

9	Malaysia			20.468
10	Anh			19.280
11	Nhật			16.595
12	Tây Ban Nha			12.047
13	Canada			11.290
14	Hà Lan			10.930
14	Singapo			8.471
15	Italy			
16	Việt kiều về thăm thân nhân			692

❖ *Khách du lịch tàu biển năm 2008*

STT	Tên	Đơn vị tính	Thời điểm	Tổng cộng
1	Bắc Hải – Hạ Long	L- ợt	9t	42.618
2	Tàu Sài Gòn tour			59.307
3	Tàu Tân Hồng			2.872
4	Tổng			124.797

❖ *Khách du lịch quốc tế khai thác trực tiếp từ cửa khẩu Quảng Ninh năm 2004-2006.*

Quảng Ninh có 2 cửa khẩu đón khách du lịch Quốc tế là cửa khẩu Móng Cái (đón khách đ- ờng bộ) và cửa khẩu Hòn Gai (đón khách đ- ờng biển).

Năm 2004 khách quốc tế qua cửa khẩu Móng Cái đạt 455.849 l- ợt khách, trong đó khách qua cửa khẩu Hòn Gai đạt 33.432 l- ợt khách.

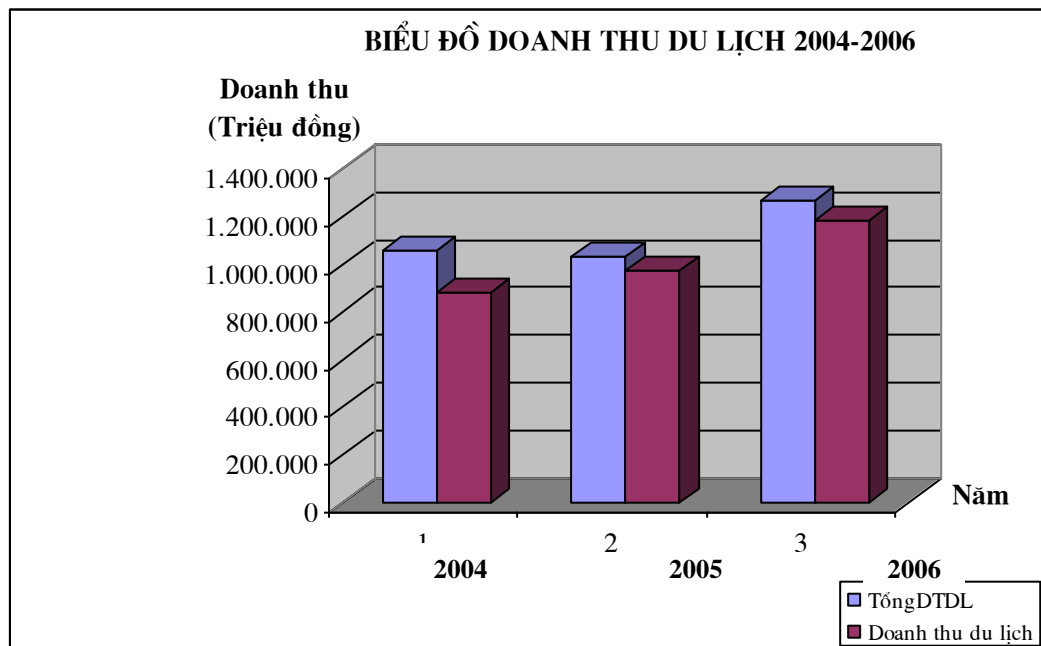
Năm 2005 khách quốc tế qua cửa khẩu Móng Cái đạt 191.027 l- ợt khách, trong đó khách qua cửa khẩu Hòn Gai đạt 5.091 l- ợt khách

Năm 2006 khách quốc tế qua cửa khẩu Móng Cái đạt 182.875 l- ợt khách, trong đó khách qua cửa khẩu Hòn Gai đạt 119.216 l- ợt khách.

Trong những năm 2004- 2006 có những biến động lớn đối với l- ượng khách quốc tế qua các cửa khẩu Quảng Ninh. Khách đ- ờng bộ qua cửa khẩu Móng Cái năm 2006 đạt thấp so với 2004, do tuyến khách du lịch đi bằng giấy thông hành cha đ- ợc khai thông. Song cũng năm 2006 du lịch Quảng Ninh đã có những chuyển biến tích cực về l- ượng khách đi bằng đ- ờng biển qua cửa khẩu Hòn gai.

3.1.2. Doanh thu du lịch

- *Một số chỉ tiêu doanh thu du lịch năm 2004 - 2006.*



Tổng doanh thu du lịch năm 2001 là 468 tỷ đồng, thì năm 2006 là 1.269 tỷ đồng. Tốc độ tăng bình quân trong 6 năm là 27%. Chỉ số trên cho thấy, tốc độ tăng doanh thu nhanh hơn và cao hơn so với chỉ số tăng về khách du lịch. Đây là một chuyển biến đáng mừng về chất lượng. Các sản phẩm du lịch đa dạng với quy mô lớn, có tính chuyên nghiệp như các dịch vụ vui chơi giải trí, Khu du lịch quốc tế Tuần Châu, Hoàng Gia (thành phố Hạ Long); các đội tàu cho khách tham quan vịnh, hệ thống cơ sở lưu trú chất lượng cao... ngày càng thu hút được nhiều khách du lịch có khả năng chi tiêu cao tạo ra nguồn thu lớn.

Các nguồn thu nộp ngân sách từ hoạt động du lịch như thu phí xuất nhập cảnh, lệ phí tham quan vịnh Hạ Long... đều tăng trởng khá. Giá trị tăng thêm của các hoạt động kinh doanh du lịch năm 2001 chiếm tỷ trọng 2,4% trong tổng GDP toàn tỉnh, đến năm 2006 đã tăng lên 4,16% (Nguồn số liệu của Cục Thống kê Quảng Ninh).

Năm 2004, Tổng doanh thu đạt 1.060.000 triệu đồng, tăng 21% so với năm 2003; Trong đó doanh thu trực tiếp từ các đơn vị du lịch đạt 882.600 triệu đồng, tăng 24% so với năm 2003.

Năm 2005, Tổng doanh thu đạt 1.034.000 triệu đồng, bằng 98% so với năm 2004; Trong đó doanh thu trực tiếp từ các đơn vị du lịch đạt 975.350 triệu đồng, tăng 11% so với năm 2004.

Năm 2006, Tổng doanh thu đạt 1.265.000 triệu đồng, tăng 23% so với năm 2005; Trong đó doanh thu trực tiếp từ các đơn vị du lịch đạt 1.182.070 triệu đồng, tăng 22% so với năm 2005.

Tổng doanh thu du lịch năm 2008 đạt 2.644 tỷ đồng, đạt 116 % kế hoạch năm; tăng 20% so với cùng kỳ. Trong đó doanh thu du lịch 2.494 tỷ, đạt 116% kế hoạch năm; tăng 19% so với cùng kỳ; thu phí thăm vịnh Hạ Long: 89,06 tỷ, tăng 72% so với cùng kỳ.

3.1.3. Lao động ngành du lịch tỉnh Quảng Ninh

3.1.3.1. Về lực lượng lao động

Do phát triển nhanh các đơn vị, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, khách sạn nhà hàng nên đến nay, ngành du lịch đã thu hút được một lực lượng lao động trực tiếp khoảng 8.088 người (năm 2008) bao gồm lao động trong các cơ sở lưu trú du lịch, các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, nhà hàng ăn uống, vận chuyển khách du lịch, cán bộ quản lý nhà nước, ban quản lý các khu du lịch...

Được bố trí như sau:

- Cán bộ quản lý Nhà nước về du lịch: 57
- Lao động nghiệp vụ:

Về trình độ đào tạo

- Trình độ Đại học: 1.267
- Trình độ Cao đẳng: 99
- Trình độ tại chức : 1.366
- Huấn luyện nghiệp vụ : 2.468
- Lao động phổ thông: 2.888

Những năm gần đây, do hoạt động du lịch Quảng Ninh đã xóa những bức phát triển khởi sắc, thu nhập và điều kiện của người lao động trong ngành được cải thiện rõ rệt, đã góp phần thu hút một lực lượng lao động khá lớn hoạt động trong lĩnh vực du lịch, đặc biệt là đội ngũ lao động trẻ năng động, được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ du lịch. đội ngũ lao động này cơ bản đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của công việc và làm việc có hiệu quả, đồng thời có khả năng tự đào tạo để phát triển toàn diện, hòa nhập với tập thể và cộng đồng.

Tuy nhiên xét về tổng thể, đội ngũ lao động ngành du lịch còn nhiều hạn chế, trình độ quản lý, kỹ năng nghiệp vụ chuyên sâu và tay nghề còn yếu. Một bộ phận lao động trong ngành, tuy có trình độ, được đào tạo nhưng không đúng chuyên ngành mà được chuyển từ các ngành khác sang nhưng chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ du lịch.

Độ tuổi trung bình của đội ngũ lao động cũn khá cao là một trở ngại rất lớn trong việc sắp xếp lại để tăng cường chất lượng đội ngũ lao động trong ngành. Trong khi đó, cơ cấu lại không hợp lý, các công việc liên quan trực tiếp đến việc thu hút khách như cán bộ làm công tác marketing, hướng dẫn viên, nhân viên lễ tân, quản lý lữ hành... còn thiếu lại yếu.

Các cán bộ kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ nhà hàng thiếu nhân với đội ngũ nhân viên chủ yếu là tận dụng lao động là thành viên trong gia đình hầu hết chưa qua đào tạo, khả năng giao tiếp ứng xử rất kém.

Chính những hạn chế về quản lý nghiệp vụ, ngoại ngữ của đội ngũ lao động của ngành du lịch Quảng Ninh đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dịch vụ, hiệu quả kinh doanh và tiềm năng phát triển của ngành.

3.1.3.2. Về chất lượng lao động

Đi đôi với sự tăng trưởng nhanh của ngành du lịch Quảng Ninh trong những năm qua là đội ngũ lao động cũng tăng cường về số lượng.

Số lượng lao động hiện tại còn yếu kém chưa đáp ứng được các yêu cầu để phát triển du lịch cả về chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ. Tính đến thời điểm hiện tại, mức độ đáp ứng yêu cầu công việc và nhu cầu đào tạo đối với từng loại lao động hiện nay vào khoảng 40%. Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh chỉ có duy nhất một cơ sở đào tạo về lĩnh vực văn hóa nghệ thuật và du lịch, đó là Trường Cao Đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch. Trong đó đào tạo về du lịch chưa chuyên sâu, chính vì thế chất lượng đào tạo chưa cao. Từ nay đến năm 2015 và 2020, số lao động đang làm cần phải đào tạo và đào tạo lại khoảng 60% so với số lao động hiện có.

3.1.4. Đầu tư du lịch

Cơ cấu vốn đầu tư - du lịch ở Quảng Ninh thời kỳ 2001 - 2010

	Đơn vị	2001- 2010	2001- 2005	2006- 2010
Tổng vốn đầu tư-	Tỷ đồng	7.506	3.132	4.374
Cơ cấu vốn đầu tư-	%	100	100	100
Cơ sở lưu trú	Nt	35	40	30
Cơ sở dịch vụ	Nt	22	21	23
Kết cấu hạ tầng du lịch	Nt	16	15	17
Ph- ơng tiện vận chuyển	Nt	13,5	13	14
Đào tạo cán bộ	Nt	5	4	6
Tuyên truyền quảng bá	Nt	4,5	4	5
Tôn tạo môi trường	Nt	4	3	5

Danh mục các dự án - ưu tiên đầu tư

1. Tại thành phố Hạ Long

Khu vực Bãi Cháy

Khu Hùng Thắng- Tuần Châu

Dự án xây dựng cảng tàu du lịch quốc tế

Dự án xây dựng đường bao núi Bài Thơ và tổng thể núi Bài Thơ

Dự án xây dựng bảo tàng sinh thái Hạ Long

Dự án xây dựng khu du lịch tổng hợp Tuần Châu: khu vui chơi giải trí, l-u nghỉ, các dịch vụ du lịch cao cấp...

Dự án phát triển loại hình du lịch mỏ

Dự án xây dựng Khu dịch vụ và l-u trú nổi tại Sừng Sốt, Bô Nâu, Hang Luồn.

Dự án xây dựng Khu vui chơi giải trí và thể thao n-óc tại đảo Soi Sim

Dự án xây dựng khu du lịch sinh thái tại đảo Lờm Bờ

Dự án đầu t- xây dựng đội tàu du lịch đi Ngọc Vũng -Quan Lạn -V-ồn Quốc gia Bái Tử Long

Dự án xây dựng trung tâm điều hành, h-ớng dẫn, cung cấp thông tin du lịch

Dự án xây dựng, phát triển các công trình văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao phục vụ du lịch

Dự án đào tạo nguồn nhân lực th-ờng xuyên cho ngành du lịch. Nâng cấp cơ sở đào tạo của tr-ờng Trung học văn hóa nghệ thuật và du lịch thành phân hiệu của tr-ờng nghiệp vụ du lịch thuộc Tổng cục du lịch

Dự án xây dựng tháp ngắm cảnh ở khu vực Đài truyền hình Quảng Ninh

Dự án hoạch định 1 số điểm dừng trên các tuyến du lịch dọc đ-ờng 18, đ-ờng 4B và các tuyến trên biển

Dự án xây dựng chiến l-ợc tuyên truyền, quảng cáo du lịch Quảng Ninh

2. Tại thị xã Uông Bí

Dự án đầu t- xây dựng đ-ờng, cáp treo, tu bổ di tích Yên Tử

Dự án khu du lịch Hồ Yên Trung (Uông Bí)

3. Tại huyện Vân Đồn

Dự án xây dựng khu nghỉ mát, tắm biển và vui chơi giải trí và khu vực l- u trú Bãi Dài (thị trấn Cái Rồng)

Dự án xây dựng khu nghỉ mát biển tại đảo Ngọc Vũng

Dự án xây dựng khu du lịch biển đảo Quan Lạn –Minh Châu

Dự án xây dựng khu du lịch sinh thái V- òn quốc gai Bái Tử Long

4. Tại thị xã Móng Cái

Xây dựng từ 6 đến 8 khách sạn từ 2 đến 5 sao, quy mô từ 100 đến 200 phòng.

Dự án xây dựng bến tàu thủy cao tốc

Dự án xây dựng khu du lịch Trà Cổ

Dự án xây dựng khu trung tâm th- ơng mại- vui chơi- giải trí- khách sạn

Dự án xây dựng khách sạn và casino tại đảo Vĩnh Thực.

5. Tại huyện Yên H- ng

Dự án đầu t- duy tu và tôn tạo cụm di tích Bạch Đằng

Dự án xây dựng điểm du lịch sinh thái Thác Mơ

6. Tại huyện Hoàn Bô

Dự án xây dựng làng văn hóa các dân tộc

Dự án xây dựng sân Golf Đồng Đăng

7. Tại huyện Tiên Yên

Dự án xây dựng khu du lịch dừng chân

8. Tại huyện Đông Triều

Dự án khôi phục và phát triển làng nghề

Dự án xây dựng khu du lịch văn hóa- sinh thái

Dự án xây dựng điểm du lịch dừng chân

9. Tại thị xã Cẩm Phả

Dự án đầu tư - cải tạo xây dựng Khu điều dưỡng khoáng Quang Hanh

Dự án xây dựng cảng du lịch Vũng Đục

3.1.5. Đánh giá chung

3.1.5.1. Kết quả

Sau khi trở thành thành viên chính thức của tổ chức Thương mại thế giới (WTO), nền kinh tế nước ta chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố bao gồm cả yếu tố tích cực và tiêu cực. Một trong những lĩnh vực kinh tế chịu nhiều ảnh hưởng của sự hội nhập là lĩnh vực du lịch. Du lịch Việt Nam nói chung và du lịch Quảng Ninh nói riêng là 1 ngành hội nhập trực tiếp các ngành kinh tế khác, hội nhập sẽ tạo cơ hội để du lịch phát triển, tạo nhiều điều kiện thuận lợi hơn để thâm nhập vào thị trường kinh tế quốc tế, thu hút vốn đầu tư vào cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, thu hút 1 lượng lớn khách du lịch quốc tế... Bên cạnh đó, du lịch Việt Nam cũng như du lịch Quảng Ninh sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn như bị chia sẻ thị phần, tính cạnh tranh ngày càng gay gắt... Mặc dù vậy, du lịch Việt Nam, trong đó có du lịch Quảng Ninh trong những năm qua đã đạt được sự tăng trưởng khá.

Tổng doanh thu du lịch Quảng Ninh trong năm 2007 đạt 2.300 tỷ đồng, đạt 170 % kế hoạch năm; tăng 16% so với cùng kỳ. Trong đó doanh thu du lịch 2.100 tỷ, đạt 171,8% kế hoạch năm; tăng 69% so với cùng kỳ. Về cơ cấu, doanh thu từ hoạt động kinh doanh phòng nghỉ chiếm tỷ trọng lớn, khoảng ...tổng doanh thu; doanh thu từ hoạt động kinh doanh ăn uống đạt khoảng ... và số còn lại là doanh thu từ hoạt động khác như vận chuyển khách du lịch vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm...

Doanh thu du lịch Quảng Ninh năm 2008 đạt 2.494 tỷ, đạt 116% kế hoạch năm; tăng 19% so với cùng kỳ; thu phí thăm vịnh Hạ Long: 89,06 tỷ, tăng 72% so cùng kỳ. Tổng số lượt khách đến Quảng Ninh năm 2008 đạt

4,446,800 lượt khách, tăng so 24% với năm 2007, trong đó khách du lịch quốc tế đạt 2,374,000 lượt khách.

Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, công trình dịch vụ được cải thiện cả về số lượng và chất lượng, tăng khả năng đón tiếp khách, góp phần làm thay đổi diện mạo đô thị và hình ảnh tỉnh. Cụ thể, hoạt động kinh doanh nhà hàng, khách sạn và lữ hành trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong năm 2008 diễn ra sôi nổi hơn. Tổng số cơ sở hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn và lữ hành là 1161 cơ sở, trong đó có 01 khách sạn 5 sao, 10 khách sạn 4 sao, 17 khách sạn 3 sao, 238 khách sạn tiêu chuẩn, 528 nhà nghỉ tiêu chuẩn... Các khách sạn xây mới đều được chú trọng đầu tư trang thiết bị đồng bộ, chất lượng tốt. Các cơ sở kinh doanh nhà hàng ăn uống có sự quan tâm nhiều hơn vào việc nâng cao tay nghề cho đội ngũ đầu bếp, tạo phong cách phục vụ chuyên nghiệp, đa dạng hóa các món ăn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Nhìn chung khách đến tham quan Quảng Ninh, bao gồm cả quốc tế và nội địa đều tăng, nhất là khách trong nước, đã khẳng định vị thế của du lịch Quảng Ninh cũng như triển vọng phát triển của ngành kinh tế mũi nhọn này trong nền kinh tế chung của cả tỉnh. Trong đó khách du lịch đường biển đến Hạ Long được duy trì và ngày càng tăng với các tuyến: Bắc Hải – Hạ Long; Hồng Kông – Tam Á - Hạ Long và một số tuyến tàu biển khác (mỗi tháng trung bình gần 12.000 lượt khách).

Công tác tổ chức sự kiện và hoạt động xúc tiến quảng bá được đổi mới và có hiệu quả thiết thực, công tác xã hội hóa được chú trọng nên đã thu hút được nhiều doanh nghiệp tham gia vào các cuộc xúc tiến quan trọng.

Mô hình thí điểm quản lý hoạt động lữ hành Trung Quốc đi du lịch bằng tàu biển có kết quả tốt, vẫn được đánh giá cao.

Vai trò quản lý nhà nước về du lịch đồng hành cùng các doanh nghiệp và hiệp hội du lịch tiếp tục được đặc biệt quan tâm. Sự quan tâm, phối hợp tạo

điều kiện của các ngành, các địa phương đối với hoạt động du lịch thực chất và có hiệu quả hơn

3.1.5.2. Những tồn tại

Mặc dù đạt được mức tăng trưởng khá nhanh trong năm 2008, song du lịch Quảng Ninh vẫn còn có những tồn tại và vướng mắc cần phải quan tâm khắc phục

Các dự án xây dựng cơ bản và nâng cao đang đầu tư còn gặp 1 số vướng mắc về vốn, tiến độ giải phóng mặt bằng; các di tích lịch sử văn hóa có dấu hiệu xuống cấp nghiêm trọng nguồn vốn dành cho đầu tư, tôn tạo chưa nhiều nên việc nâng cấp để bảo tồn các di tích lịch sử còn chậm, việc phối hợp khai thác và bảo tồn di tích chưa được nhịp nhàng.

Các thành viên Ban chỉ đạo nhà nước về du lịch hoạt động chưa đều, vai trò còn mờ nhạt. Sự liên kết hợp tác giữa các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và các cơ quan quản lý chưa chặt chẽ. Chất lượng và hiệu quả kinh doanh du lịch chưa cao.

Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp du lịch Quảng Ninh nhìn chung còn yếu, tính liên kết kém, các doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào khai thác thị trường Trung Quốc, chưa đủ năng lực vươn tới các thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Châu Âu...

Sản phẩm du lịch, chương trình tour tuyến còn đơn điệu, kém hấp dẫn, đây là một trong những thách thức lớn đối với du lịch Quảng Ninh.

Năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch chưa theo kịp yêu cầu, một số vấn đề chậm phát hiện, nghiên cứu chưa sâu, chưa kịp thời đề xuất giải pháp khắc phục (bất cập trong hoạt động lữ hành khách Trung Quốc sử dụng hộ chiếu; khách du lịch Việt nam sử dụng giấy thông hành,...).

Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch còn yếu, ch- a theo kịp sự phát triển của ngành cũng nh- hình ảnh của vịnh Hạ Long, hạn chế đến công tác vận động bình chọn (Kết hợp quảng bá và vận động bình chọn ch- a hiệu quả).

Nguyên nhân của những tồn tại

- Vai trò và hoạt động của Ban chỉ đạo nhà n- ốc về du lịch ch- a đ- ợc đề cao; nhận thức về vai trò quan trọng của ngành kinh tế du lịch có lúc, có nơi còn hạn chế.

- Công tác kiểm tra, phối kết hợp quản lý của các cơ quan quản lý nhà n- ốc về du lịch ch- a toàn diện, ch- a chặt chẽ, ch- a theo kịp với thực tế phát sinh.

- Doanh nghiệp không tự giác chấp hành đúng quy định của nhà n- ốc đối với ngành nghề kinh doanh. Phần lớn t- t- ởng kinh doanh mang tính chộp dặt vì lợi ích cục bộ trước mắt; thiếu tính chuyên nghiệp và tầm nhìn lâu dài.

- Cơ chế quản lý có liên quan đến khách du lịch của các bộ ngành có những điểm ch- a thống nhất, còn mang tính chất riêng biệt của ngành.

- Đối với hoạt động lữ hành, có nhiều doanh nghiệp tỉnh ngoài nên ảnh h- ớng lớn đến công tác kiểm tra giám sát.

- Việc phối hợp giữa cơ quan quản lý của ta và của phía Trung Quốc ch- a chặt chẽ, hiệu quả ch- a cao; ch- a kịp thời tháo gỡ những v- ớng mắc, phối kết hợp ch- a cao.

3.2. Thực trạng khai thác các di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Ninh

Trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có rất nhiều di tích lịch sử văn hóa, đặc biệt trong đó có các di tích đã đ- ợc xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Tuy nhiên chỉ mới có một số di tích đã và đang đ- ợc đ- a vào khai thác phục vụ cho hoạt động du lịch. Du lịch Quảng Ninh mới chỉ tập trung phát triển các loại hình du lịch tự nhiên, du lịch biển, du lịch tham quan... mà chưa chú trọng phát triển loại hình du lịch văn hóa.

Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh du lịch Quảng Ninh trong 3 quý đầu năm 2007, ta có thể đánh giá được phần nào thực trạng phát triển du lịch ở các điểm di tích lịch sử văn hóa trong tỉnh như sau:

Lượng khách tham quan các điểm di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh chủ yếu là vào các tháng đầu năm theo âm lịch được gọi là mùa lễ hội. Còn vào các tháng còn lại thì lượng khách du lịch đến các điểm di tích này là rất ít. Điều đó thể hiện rõ nét tính thời vụ trong du lịch tại các điểm di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Ninh.

Doanh thu đạt được cũng rất thấp, chủ yếu là ở đền Cửa Ông, khu di tích Yên Tử, còn ở di tích lịch sử Bạch Đằng, đền An Sinh và lăng mộ nhà Trần cùng các di tích trong tỉnh còn quá ít, vì các điểm này chưa có nhiều công ty du lịch đưa vào chương trình của các tour du lịch. Hoặc nếu có đưa vào cũng thường là quá ít về số lượng và thời gian lưu lại với các điểm đó là không dài, thường thì chỉ ở lại trong một buổi hoặc nhiều thì một ngày. Vì vậy, du khách ít có thời gian được ở lại để tìm hiểu kỹ các vấn đề về lịch sử, kiến trúc, văn hóa... của các di tích lịch sử.

Công tác quản lý ở các điểm di tích lịch sử vẫn còn nhiều bất cập. Trong những ngày đông khách, nhiều hàng quán đua nhau mọc ra, lấn cả ra đường khiến cho việc đi lại của khách du lịch rất khó khăn. Vì chạy theo lợi nhuận mà nhiều quán không quan tâm đến chất lượng dịch vụ, đặc biệt là vấn đề an toàn thực phẩm. Các cơ quan quản lý khu di tích không quản lý chặt chẽ, nên tình trạng mấy cấp móc túi, ăn xin, cờ bạc đổ đên diễn ra thường xuyên làm cho du khách rất bất bình và làm giảm đi tính linh thiêng của những nơi này.

Các di tích bị xuống cấp mà không có sự đầu tư tôn tạo, môi trường ở nhiều nơi bị ô nhiễm mà không có biện pháp nào khắc phục. Các di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật hầu hết có kết cấu là gỗ, được xây dựng bằng vật liệu có độ bền vững không cao như hệ thống đình chùa, nhà ở, đền thờ... do có tuổi thọ đã lâu, với nhiều nguyên nhân khác nhau như tác động của thiên

nhân, quản lý của con người và không được tu bổ trong thời kỳ chiến tranh và thời bao cấp nên đang đứng trước tình trạng cực kỳ nguy hiểm có nguy cơ sụp đổ bất cứ lúc nào, không những làm biến dạng di tích mà có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của khách tham quan.

Công tác quảng bá tuyên truyền, giới thiệu về điểm di tích chưa được nâng cao chú trọng. Muốn phát triển du lịch văn hóa tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức trong quần chúng nhân dân. Do vậy ngành du lịch cần phải tổ chức thường xuyên các cuộc thi tìm hiểu về du lịch cho mỗi người dân nhận thức đúng về sự phát triển du lịch, lôi cuốn mọi người tham gia vào dòng du lịch góp phần vào sự phát triển của du lịch văn hóa

Hiện nay, ở nhiều điểm di tích lịch sử văn hóa trong tỉnh đã được đầu tư tôn tạo lại cơ sở hạ tầng, đường xá đã được đầu tư nâng cấp. Khu di tích đền Cửa Ông đã được đầu tư sửa sang và xây dựng lại khung trang nghiêm cổng Tam quan, đền Hạ, đền Trung, đền Thượng. Năm 2004 con đường vào bãi cọc Bạch Đằng đã được tu sửa xây dựng mới, giúp cho việc đi lại tham quan của du khách được thuận lợi. Cũng trong năm 2004. đoạn đường hơn 18km từ đường 18A vào đến bến xe chùa Giải Oan, khu di tích danh thắng Yên Tử cũng đã đưa vào sử dụng.

CHƯƠNG 4. ĐỀ XUẤT TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ KHAI THÁC CHO DU LỊCH VÀ BẢO TỒN CÁC DI TÍCH CỦA TỈNH QUẢNG NINH

Khu di tích lịch sử chiến thắng Bạch Đằng, huyện Yên Hưng- nơi ghi dấu chiến công vĩ đại của quân dân nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông ở thế kỷ 13; Khu di tích lịch sử văn hóa đền, miếu và lăng mộ các vua Trần ở Đông Triều- vùng đất linh thiêng, nơi có những công trình đền chùa lăng miếu cổ kính được các vua nhà Trần chọn làm nơi an nghỉ vĩnh hằng của các tiên đế; Khu di tích danh thắng Yên Tử, thị xã Uông Bí, nổi tiếng của nước ta- nơi đức Phật tổ Trần Nhân Tông tu hành đắc đạo và sáng lập nên Thiền phái Trúc Lâm, một trong những trung tâm văn hóa lớn của nền văn minh Đại Việt; Khu di tích lịch sử Thương cảng Vân Đồn, huyện Vân Đồn- một trung tâm thương mại có quy mô lớn, một khu vực có vị trí quân sự chiến lược gắn liền với quá trình đấu tranh bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước của dân tộc ta trong lịch sử. Những khu di tích này là những địa danh linh thiêng nằm trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, là yếu tố cốt lõi bên trong góp phần tạo nên sức mạnh tiềm năng, bền vững và bản lĩnh của dân tộc, là nét riêng độc đáo của văn hóa Việt Nam.

4.1. Bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa thông qua hoạt động du lịch

Bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa là trách nhiệm của các cơ quan hữu quan như: Sở Văn hóa- Thể thao- Du lịch, Bảo tàng tỉnh, Ban quản lý các di tích..., nhằm giữ gìn những giá trị đặc sắc của từng di tích lịch sử văn hóa cho các thế hệ mai sau. Bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa cũng là mục đích của những người dân, góp phần bảo vệ các di tích, để thỏa mãn nhu cầu tâm linh của mỗi cá nhân. Quan trọng hơn nữa, bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa còn là mục đích của những người làm du lịch, thỏa mãn nhu cầu thu hút khách du lịch đến với các di tích lâu hơn, tăng doanh thu cho ngành du lịch.

Du lịch văn hóa liên quan chặt chẽ với các tài nguyên du lịch nhân văn, trong đó có các di tích lịch sử văn hóa. Vì vậy, nếu sự phát triển của du lịch không dựa trên những nguyên tắc bền vững thì sẽ gây tổn hại rất lớn đến nguồn tài nguyên, dẫn tới sự suy giảm nguồn lực, kéo theo sự suy giảm của phát triển du lịch. Vì vậy, khai thác sử dụng các tài nguyên du lịch nhân văn nói chung và các di tích lịch sử văn hóa nói riêng một cách hợp lý là nguyên tắc quan trọng hàng đầu đảm bảo cho việc kinh doanh phát triển lâu dài. Nếu các tài nguyên du lịch được khai thác một cách hợp lý, đảm bảo quá trình tự duy trì, hoặc tự bổ sung được diễn ra một cách tự nhiên hoặc thuận lợi hơn do có sự tác động của con người thông qua việc đầu tư tôn tạo, thì sự tồn tại của các tài nguyên đó sẽ lâu dài, sẽ đáp ứng nhu cầu phát triển của nhiều thế hệ.

Quảng Ninh có một hệ thống di tích lịch sử văn hóa phong phú và đa dạng, có thể đáp ứng được nhu cầu của nhiều đối tượng khách du lịch. Hàng năm, Quảng Ninh đón một lượng khách khá lớn. Tuy nhiên, phần lớn lại là khách đến với di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, khu du lịch quốc tế Tuần Châu... Nhưng không có nghĩa khách đến tham quan các di tích lịch sử văn hóa, tham dự các lễ hội truyền thống sẽ ít đi, thậm chí còn đem lại 1 nguồn thu khá lớn cho ngành du lịch Quảng Ninh. Nhưng nguồn thu đó chủ yếu được trích ra đóng góp vào ngân sách Nhà nước, còn việc đầu tư kinh phí từ ngành du lịch Quảng Ninh vào công tác bảo tồn, tôn tạo, tu bổ các di tích là chưa nhiều.

Hiện nay, việc bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa Quảng Ninh là do các cơ quan ban ngành liên quan đảm nhiệm, một phần là do nhân dân đóng góp để tu bổ, tôn tạo, còn ngành du lịch thì chưa có đóng góp gì nhiều. Vì vậy, cần có những kế hoạch cụ thể trong việc huy động nguồn kinh phí từ hoạt động du lịch để phục vụ cho công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa trên đại bàn tỉnh. Có bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa thì ngành du lịch Quảng Ninh mới có cơ hội mở rộng, phát triển và ngày càng đa dạng.

Qua một số ví dụ cụ thể ta có thể thấy rằng ngành du lịch Quảng Ninh muốn thu hút khách du lịch đến với các di tích đông hơn thì không còn cách nào tốt hơn là tham gia đóng góp kinh phí, ý t- ởng để phục hồi, bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn toàn tỉnh. Có nh- vậy thì ngành du lịch mới có thu nhập từ các di tích, và từ nguồn thu nhập ấy, đóng góp trở lại cho công tác bảo tồn. Làm đ- ợc việc này, là cùng một lúc ngành du lịch Quảng Ninh đã góp phần thúc đẩy cho hoạt động của mình phát triển, và đóng góp vào công tác tu bổ tôn tạo các di tích, góp phần làm đa dạng hóa sản phẩm du lịch, thu hút khách du lịch đến với tỉnh Quảng Ninh nhiều hơn nữa.

Tuy nhiên, có một điều đáng chú ý nữa là hiện nay vẫn còn những quan niệm ấu trĩ trong công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa vì mục đích du lịch. Thật sai lầm khi nghĩ rằng cần phải tu bổ di tích sao cho nhanh, đẹp, cho thật rực rỡ để thu hút khách du lịch. Quan niệm đó đã đẩy công tác bảo tồn đi sai nh- ng nguyên tắc cơ bản trong hoạt động của công tác này, nhiều nơi đã làm sai lệch di tích, làm ph- ơng hại đến các giá trị thực của các di tích. Nh- vậy, thay vì cứu vớt các di tích, chúng ta đã góp phần làm chúng rơi vào tình trạng không thể cứu vớt được nữa. Theo cuốn “Hải D- ơng di tích và danh thắng” của Tăng Bá Hoàn : “Năm 1998, tại một hội nghị do ngành bảo tàng tổ chức, giáo s- sử học Hà Văn Tấn đã viết 1 câu thật chí lý :Nhiều di tích có thể cứu vớt đ- ợc nếu chúng ta cho chúng yên, không can thiệp đến chúng”. Đúng vậy, nếu ở đâu ch- a hội đủ điều kiện để tôn tạo, tu sửa thì tốt nhất nên giữ nguyên hiện trạng. Không nên chỉ vì mục đích kinh tế, vì muốn nhanh chóng khai thác phục vụ du lịch mà không làm đúng quy cách, để rồi không thể cứu chữa đ- ợc nữa. Khách du lịch ngày nay, kể cả khách du lịch nội địa đã có trình độ học vấn khá tốt, họ biết đánh giá và thích th- ởng thức những giá trị văn hóa chân xác hơn là những gì nguy tạo. Vấn đề là phải biết quản lý xúc tiến du lịch đúng cách thì sẽ tạo nên những sản phẩm du lịch hấp dẫn. Điều đó cũng không có nghĩa là bất kì một công trình nào chúng ta cũng

không đ- ợc trung tu, tôn tạo, xây dựng bổ sung. Điều cốt yếu là làm sao bảo vệ đ- ợc giá trị văn hóa lịch sử chân xác của di tích.

Thực tế đã không ít những tr- ờng hợp lợi dụng những hoạt động du lịch để kinh doanh, kiếm lợi, không có ý thức khai thác các giá trị tinh thần, thẩm mỹ, văn hóa để nâng cao hiệu quả của du lịch, thậm chí là méo mó làm mất đi các giá trị, vẻ đẹp của các di tích. Ví dụ nh- Lễ hội Yên Tử, hay Lễ hội đền Cửa Ông, có hàng triệu ng- ời đến với lễ hội, với di tích, nh- ng gần nh- không mấy ai quan tâm đến việc giới thiệu về lịch sử, những nét đặc tr- ng về kiến trúc, mỹ thuật...hay những câu chuyện huyền thoại gắn liền với các nhân vật lịch sử nh- Trúc Lâm tam tổ (Trần Nhân Tông, Huyền Quang, Pháp Loa), Trần Quốc Tử...với những chiến công bảo vệ đất nước... mà họ chỉ lo chen chúc, dẫm đạp, sợ mất cấp với mục đích cao nhất là câu tài câu lộc. Những ng- ời tổ chức quản lý thì chỉ lo bán hàng nhiều, giữ đ- ợc nhiều xe các loại...nhằm mục đích thu lợi. Nh- vậy, cả ng- ời làm du lịch lẫn ng- ời ng- ời đi du lịch đều hiểu lầm, hiểu sai về việc đi đến các di tích lịch sử văn hóa. Chính vì nhận thức sai lệch đó mà các di tích lịch sử văn hóa đã dần mất đi giá trị đặc sắc vốn có của mình. Vậy để tránh các tác động tiêu cực này, ngành du lịch cần phải có các ph- ơng án giúp cho khách du lịch nhìn nhận các giá trị di tích một cách đúng đắn, góp phần bảo tồn những nét đặc sắc của các di tích lịch sử văn hóa. Có bảo tồn đ- ợc các giá trị đó, khách du lịch có hiểu đúng các giá trị của việc đến các du lịch tại các di tích thì hoạt động du lịch mới có thể phát triển lâu dài và bền vững đ- ợc.

Căn nguyên gốc gác thực chất của các tiêu cực trên là sự nhận thức ch- a đầy đủ của chúng ta về vai trò, ý nghĩa của các di tích lịch sử văn hóa, bởi vì di tích vị trí của một loại hàng hóa đặc biệt, giá trị của loại hàng hóa này là ở nội dung văn hóa tinh thần, bản sắc dân tộc mà nó chứa đựng. Vì vậy, khai thác thế nào để ng- ời mua thấy cần mua cái đó, và qua đó họ nhận đ- ợc một cách nhìn, một thị hiếu đúng đắn, chứ không phải bắt ch- ớc kiểu dáng thô tục để khai thác phục vụ du lịch bằng bất cứ giá nào, coi các di tích lịch sử văn

hóa, kiến trúc, các danh lam thắng cảnh cũng như là “của trời cho”, hoạt động đ-ong nhiên đ-ợc khai thác, và chỉ có khai thác để thu lời mà thôi. Ng-ời ta chỉ có việc đ-a các đoàn tham quan đến rồi đi, việc bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di tích là trách nhiệm của ngành khác, không phải ngành du lịch, dẫn đến tình trạng “người người, ngành ngành” khai thác nh-ng cố tình tái tạo đầu t- dẫn đến tình trạng môi tr-ờng bị suy thoái. Ngay cả những di tích đ-ợc xếp hạng đặc biệt quan trọng của tỉnh như Khu di tích Yên Tử, chùa Long Tiên...cũng ch-a đ-ợc tôn tạo, tu bổ đúng với tầm cỡ và giá trị của nó. Hầu nh- những hiện vật cổ tại một số di tích cũng đang bị xuống cấp, nếu không có sự can thiệp kịp thời thì rất có thể ngành du lịch Quảng Ninh sẽ gặp nhiều khó khăn vì những hiện vật đó rất quan trọng đối với 1 bài thuyết minh về điểm di tích đó, thiếu nó, bài thuyết minh chỉ là những lời nói xuông, thiếu thuyết phục và hấp dẫn, gây ảnh h-ởng đến các tour du lịch về với các di tích đó. Vì vậy ngành du lịch Quảng Ninh cần đóng góp kinh phí để bảo tồn các hiện vật, các di tích để đảm bảo cho hoạt động du lịch diễn ra 1 cách suôn sẻ.

Bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa thông qua hoạt động du lịch là ph-ong thức bảo tồn hữu hiệu nhất. Vì xét cho cùng ngành du lịch Quảng Ninh, mặc dù tập trung vào tài nguyên du lịch tự nhiên, nh-ng cũng phụ thuộc không nhỏ vào các tài nguyên du lịch nhân văn và trong đó có các di tích lịch sử văn hóa. Ngành du lịch Quảng Ninh muốn phát triển ngày càng nhanh, hoàn thiện và bền vững thì không còn cách nào khác là pahl cùng với các cơ quan chức năng tham gia vào công tác bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa.

Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị nhiều mặt của di tích phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế xã hội và du lịch. Đặc biệt huy động đ-ợc sự đóng góp của toàn xã hội và tranh thủ nguồn tài trợ quốc tế cho việc tu bổ tôn tạo di tích. Tạo điều kiện nhằm đ-a quần chúng trở thành lực l-ợng vừa trực tiếp tham gia bảo vệ, phát huy tác dụng di tích, vừa trực tiếp đ-ợc h-ởng thụ thành quả của các hoạt động đó.

4.2. Kéo dài thời gian tour du lịch

Hiện nay, các tour du lịch có điểm đến là các di tích lịch sử văn hóa của Quảng Ninh hầu như chưa có sức hấp dẫn để thu hút khách du lịch lâu hơn. Hầu hết, lượng khách đến với các di tích trong ngày, nên không sử dụng nhiều dịch vụ du lịch tại các điểm đến. Điều này gây ảnh hưởng rất lớn đến thu nhập của ngành du lịch, hiệu quả khai thác các tour về di tích chưa cao. Như vậy cần có một số giải pháp sao cho có thể kéo dài thời gian sử dụng tour của khách, giúp cho khách có cơ hội được hưởng thụ những giá trị đặc sắc của từng di tích, làm sao để khách sẵn sàng bỏ tiền thêm chi tiêu khi đi du lịch tại các di tích.

4.2.1. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch tại các di tích

Hiện nay, sản phẩm du lịch tại các di tích của Quảng Ninh còn đơn giản, đơn điệu, hầu như chưa có sự đầu tư. Khách du lịch đến với di tích chủ yếu là tham quan các di tích lịch sử văn hóa sẵn có, sau đó họ có quá ít cơ hội sử dụng thêm 1 loại hình sản phẩm du lịch nào khác. Du khách đến Quảng Ninh tham quan di tích lịch sử văn hóa hay lễ hội không tiêu mua gì làm kỷ niệm (sự tiêu pha còn rất ít so với mức độ cần phải tiêu).

Trên địa bàn thị xã Uông Bí, ngoài khu di tích danh thắng Yên Tử còn có các điểm du lịch mới là: Lũng Xanh, hang Sơn, hồ Yên Trung, cần có sự liên kết các tuyến tham quan một cách hợp lý để có sự phối kết hợp các loại hình du lịch: Tôn giáo- Sinh thái- Nghỉ dưỡng trong cũng như ngoài mùa du lịch chính.

4.2.2. Bổ sung hướng dẫn viên tại điểm và nâng cao chất lượng hướng dẫn tại các di tích

Hiện nay, hầu hết các di tích trên địa bàn Quảng Ninh chưa có hướng dẫn viên. Như vậy cần có kế hoạch bổ sung, để có thể hướng dẫn khách du lịch tham quan, tìm hiểu di tích đạt hiệu quả tốt nhất. Nếu không có hướng dẫn viên, khách du lịch đi tham quan có thể sẽ bỏ qua nhiều chi tiết hấp dẫn,

những nét kiến trúc, điêu khắc độc đáo của từng di tích và làm cho khách du lịch chóng nhàm chán, không thấy sự hấp dẫn. Ví dụ nh- đền Cửa Ông (Cẩm Phả) là ngôi đền thiêng, hoành tráng gần nh- bậc nhất của tỉnh Quảng Ninh nh- ng vẫn ch- a có h- ớng dẫn viên tại điểm, nên khi khách du lịch đến đây, chỉ cần đi trong vòng 30 phút là đã có thể tham quan hết ngôi đình. Nh- vậy, những mảng kiến trúc nghệ thuật điêu khắc đặc sắc của ngôi đền đã không đ- ợc mấy ai quan tâm, khách du lịch chỉ đến với mục đích cầu khẩn, làm lễ, cho nên thời gian đi đến khu di tích ngắn và quan trọng hơn là khách du lịch đã hiểu hiểu sai về mục đích của tour du lịch. Lẽ ra đi du lịch là để chiêm ng- ỡng tham quan, tìm hiểu những giá trị độc đáo của di tích thì thay vào đó lại là đi lễ bái, điều đó làm mất đi giá trị vốn có của di tích.

Hay thực tế ở Yên Tử cũng ch- a có bộ phận h- ớng dẫn chuyên nghiệp, chỉ chuyên sâu vào công tác h- ớng dẫn cho du khách. Vì vậy việc đầu t- cho nghiệp vụ h- ớng dẫn ch- a đ- ợc chú trọng nâng cao. Trong khi ở một điểm, một khu du lịch, nếu h- ớng dẫn viên có kiến thức đầy đủ về lịch sử văn hóa sẽ giúp họ thổi đ- ợc "hồn" vào cho những lời giới thiệu, thuyết minh tr- ớc khách du lịch, tạo đ- ợc sự hấp dẫn thích thú cho khách khi tham quan tìm hiểu về di tích Yên Tử. Tuyển đ- ồng tham quan Yên Tử t- ơng đối dài và vất vả, chính vì vậy cần chia thành tuyến để h- ớng dẫn cho khách. Trong quá trình tham quan, h- ớng dẫn, nếu có h- ớng dẫn viên thì có thể giúp khách tránh nhàm chán, tẻ nhạt ng- ợc lại vừa đem lại cho du khách hiểu biết về những sự tích, truyền thuyết nơi đây, vừa trực tiếp quảng bá, tiếp thị với du khách về những sản phẩm du lịch nơi đây.

Không chỉ riêng đền Cửa Ông mà các điểm du lịch lớn khác của Quảng Ninh như đình Phong Cốc, Lăng mộ các vua nhà Trần, chùa Long Tiên...cũng rơi vào tình trạng t- ơng tự cho nên hoạt động khai thác du lịch từ các di tích này ch- a đạt hiệu quả cao, l- ợng khách đến và về trong ngày rất lớn nh- ng l- u trú lại thì ch- a nhiều. Nh- vậy, cần phải bổ sung h- ớng dẫn viên tại các di tích có khả năng phát triển du lịch nh- trên để kéo dài thời gian tour, góp phần

nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, thu hút khách du lịch ngày càng đông hơn, tăng hiệu quả khai thác cho ngành du lịch.

Đối với đội ngũ hướng dẫn viên tại điểm thì cần phải được bồi dưỡng nâng cao, cụ thể hơn là cần có chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình: Đào tạo mới, Đào tạo lại nguồn nhân lực hiện có, tuyển chọn, tiếp nhận sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành, bổ sung đội ngũ cán bộ có trình độ trung cấp và đại học có chuyên môn nghiệp vụ, rà soát cơ cấu đào tạo và ngành nghề của đội ngũ lao động hiện có, từ đó đề xuất kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho từng nhóm cán bộ cụ thể. Khuyến khích con em trong tỉnh trở về phục vụ quê hương sau khi đã tốt nghiệp các trường đại học, trường nghiệp vụ về du lịch. Mở rộng hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực du lịch với các cơ sở, tổ chức đào tạo trong nước và quốc tế, chú trọng hợp tác với các tỉnh bạn trong việc đào tạo chuyên môn nghiệp vụ hướng dẫn du lịch., nhằm nâng cao chất lượng hướng dẫn, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, để thu hút khách và nâng cao hiệu quả khai thác du lịch.

4.2.3. Liên kết các tuyến điểm du lịch văn hóa ở Quảng Ninh

Trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Quảng Ninh giai đoạn 2001- 2010, toàn tỉnh gồm 4 trung tâm du lịch gồm: Hạ Long, Móng Cái- Trà Cổ, Vân Đồn và Uông Bí- Đông Triều- Yên Hưng. Đến nay, tỉnh đã phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển du lịch của thành phố Móng Cái, thị xã Uông Bí và thành phố Hạ Long. Đặc biệt, sự ra đời của khu kinh tế Vân Đồn với hạt nhân là du lịch sinh thái biển sẽ tạo ra một diện mạo mới cho du lịch Quảng Ninh.

Theo quy hoạch trên thì mỗi trung tâm du lịch đều có các điều kiện và tiềm năng để phát triển loại hình du lịch văn hóa. Với Trung tâm Hạ Long thì có các di tích khảo cổ trên vịnh, khu di tích núi Bài Thơ, chùa Long Tiên, ẩm thực biển; Trung tâm Móng Cái- Trà Cổ thì có lễ hội Trà Cổ, đình Trà Cổ; Trung tâm Vân Đồn thì có lễ hội Quan Lạn; trung tâm Đông Triều- Uông Bí-

Yên H- ng thì có lễ hội Yên Tử, khu di tích lịch sử Bạch Đằng, lễ hội Thập Cửu Tiên Công, Khu di tích đền và lăng mộ nhà Trần.

Các trung tâm du lịch trên được phân bố trải đều theo chiều dài của tỉnh Quảng Ninh. Đây là một điều kiện rất thuận lợi để liên kết các tuyến điểm du lịch thành một ch- ơng trình tổng thể. Tuy nhiên, các ch- ơng trình du lịch hiện nay vẫn ch- a kết nối được tất cả các tuyến trên thành một ch- ơng trình du lịch cụ thể, mới chỉ đ- a đ- ợc một số điểm vào ch- ơng trình. Vì vậy cần phải đ- a ra một số biện pháp cụ thể để liên kết các tuyến điểm du lịch đến với các di tích lịch sử văn hóa ở Quảng Ninh nh- :

Phải đ- a ra một đề án quy hoạch tổng thể về oại hình du lịch văn hóa trong phạm vi toàn tỉnh. Bản quy hoạch này phải đáp ứng đ- ợc mọi nhu cầu cần thiết về không gian, thời gian của tất cả các điểm di tích, các lễ hội, làng nghề truyền thống đ- ợc iên kết lại tạo thành một ch- ơng trình du lịch văn hóa hoàn thiện.

Đ- a các điểm du lịch trên vào các ch- ơng trình du lịch của các công ty du lịch. Phải khuyến khích đầu t- và quảng bá rộng rãi tất cả các di tích trong toàn tỉnh để các công ty du lịch biết đến và tổ chức vào các tour du lịch của mình.

Đầu t- nâng cấp lại cơ sở hạ tầng, đ- ờng xá thuận tiện cho việc đi lại của khách du lịch. Vì các điểm du lịch văn hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh th- ờng cách nhau t- ơng đối xa, nên việc đi lại giữa các điểm đó mất rất nhiều thời gian, khó hình thành một ch- ơng trình du lịch thống nhất. Ví dụ, một ch- ơng trình du lịch 2 ngày thì không thể đi đ- ợc Hạ Long và Móng Cái, vì trục đ- ờng này rất khó đi nên rất tốn thời gian, nh- ng sẽ thực hiện đ- ợc nếu tuyến đ- ờng này đ- ợc đầu t- nâng cấp. Hiện nay, Quảng Ninh đang có xây dựng đ- ờng cao tốc Nội Bài- Hạ Long. Nếu tuyến đ- ờng này đ- ợc hoàn thành, chắc chắn trong t- ơng lai không xa, việc đi lại giữa Hạ Long và Móng Cái sẽ thuận lợi hơn. Du khách sẽ hoàn toàn có thể th- ởng thức một tour du lịch văn hóa Hạ Long- Móng Cái trong vòng 2 ngày thay vì phải mất 3 ngày

nh- tr- ớc đây. tham dự ch- ơng trình liên kết này, du khách sẽ có cơ hội đ- ợc khám phá di tích văn hóa Hạ Long, văn hóa Vạn Chài bên Cửa Vạn, đồng thời có dịp đến với đình Trà Cổ, nhà thờ Trà Cổ và th- ờng thức các món ăn ẩm thực mang đậm đà h- ơng vị giao l- u văn hóa Việt- Trung và cũng không thể bỏ qua cơ hội tham quan mua sắm tại các chợ du lịch cửa khẩu.

Tuy nhiên, tr- ớc khi đến với ch- ơng trình du lịch hấp dẫn này, du khách có thể tham gia ch- ơng trình du lịch liên kết một số tuyến điểm văn hóa khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Xét về sự gần gũi không gian và khoảng cách, du khách có thể đến với hai trung tâm du lịch văn hóa tỉnh là Hạ Long, thăm di tích văn hóa Hạ Long, thăm làng chài Cửa Vạn và đến với Vân Đồn- một trong những th- ờng cảng sầm uất nhất của ng- ời Việt trong thời Phong kiến và cũng là nơi ghi lại một trong những chiến tích oai hùng của 3 lần chiến thắng giặc Nguyên- Mông thời nhà Trần.

Ngoài ra, nếu chỉ có thời gian 1 hoặc 2 ngày, du khách hoàn toàn có thể đến với chương trình du lịch “Tìm về với hào khí Đông A” trong lịch sử dân tộc khi đến với khu di tích lịch sử Bạch Đằng- nơi ghi dấu chiến tích oai hùng của H- ng Đạo Đại v- ơng Trần Quốc Tuấn và khu di tích danh thắng Yên Tử- nơi gắn liền với hình ảnh vĩ đại của vị vua anh hùng hoá Phật, Trần Nhân Tông, ng- ời đã có công khai sáng nên một trong những thiền tông của ng- ời Việt, chứa đựng tinh hoa của dân tộc Việt Nam- Thiên phái Trúc Lâm.

4.2.4. Liên kết du lịch văn hóa với các loại hình du lịch khác ở Quảng Ninh

Tỉnh Quảng Ninh có thể phát triển rất nhiều loại hình du lịch khác nhau nh- du lịch tự nhiên, du lịch biển, du lịch tham quan nghiên cứu, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái... , tuy nhiên, hiện tại Quảng Ninh mới chỉ phát triển du lịch biển là chủ yếu, còn các loại hình khác ch- a phát triển mạnh. Để các loại hình du lịch khác cùng phát triển, khắc phục tính thời vụ trong du lịch văn hóa thì cần liên kết các loại hình du lịch này với nhau. Bởi mỗi loại hình du lịch th- ờng có một nét đặc sắc riêng và có mùa vụ khác nhau nh- du lịch văn hóa

th- ờng phát triển mạnh vào mùa xuân, trong khi du lịch biển thì lại phát triển mạnh vào mùa hạ, du lịch tham quan nghiên cứu phát triển đ- ợc quanh năm.

Để liên kết loại hình du lịch văn hóa với các loại hình du lịch khác cần có nhiều biện pháp khác nhau. Tr- ớc tiên phải có sự thống nhất, bàn bạc hợp tác giữa các cơ quan quản lý, có sự chỉ đạo quy hoạch tổng thể của Sở du lịch tỉnh. Thứ hai, cần phải đầu t- nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật nh- hoàn thiện hệ thống đ- ờng giao thông từ đ- ờng quốc lộ đến đ- ờng cấp huyện cấp xã vào các khu di tích lịch sử văn hóa, các điểm có lễ hội, các khu du lịch, bãi biển... Bên cạnh đó cũng cần phải tăng c- ờng công tác quảng bá về các khu di tích danh thắng, các khu du lịch, các khu vui chơi giải trí, các lễ hội...

Tr- ớc đây khi đến với vịnh Hạ Long, du khách th- ờng chỉ tham gia ch- ơng trình tham vịnh, tìm hiểu các cảnh đẹp do thiên nhiên kỳ thú kiến tạo mà không biết rằng ngoài động Thiên Cung, hang Sừng Sốt, bãi tắm Ti Tốp..., Hạ Long còn là một trong những cái nôi sinh sống của ng- ời nguyên thủy và cũng nổi tiếng về văn hóa đặc sắc của c- dân Vạn Chài. Vì thế trong ch- ơng trình thăm vịnh, Ban quản lý Vịnh Hạ Long cần đẩy mạnh khai thác hơn nữa tuyến điểm du lịch hang độngkết hợp với du lịch văn hóa để tránh gây cho du khách sự nhàm chán.

Một điểm đến khác là Yên Tử. Với độ cao 1068m so với mặt n- ớc biển, với núi non trùng điệp, đ- ờng Tùng cổ thụ, rừng trúc bạt ngàn, hệ thực vật phong phú, khí hậu mát mẻ, ôn hoà, nổi tiếng với nhiều sản vật địa ph- ơng nh- mơ, trúc, các loại rau rừng, cây thuốc... Yên Tử là một trong những nơi hội tụ nhiều tiềm năng du lịch tự nhiên vfa nhân văn sâu sắc nhất trong cả n- ớc. Vì vậy, bên cạnh tour du lịch văn hoá về với Yên Tử để khám phá một trong những cái nôi của đạo Phật Việt Nam, các công ty du lịch hoàn toàn có thể kết hợp xây dựng thêm các t- ầu du lịch sinh thái, du lịch nghỉ d- ỡng hay thậm chí là du lịch mạo hiểm để lôi cuốn thêm l- ợng khách đến với Yên Tử,

hoặc kéo dài thêm ngày nghỉ của khách, đồng thời khắc phục tình mùa vụ trong du lịch tại khu di tích và danh thắng Yên Tử

Đối với Trà Cổ thì liên kết du lịch biển Trà Cổ với lễ hội Trà Cổ, th- ởng thức ẩm thực Trung Hoa ở Móng Cái kết hợp với tham quan mua sắm ở các chợ cửa khẩu.

4.3. Mở rộng thị tr- ờng khách du lịch

Thị tr- ờng là nhân tố quan trọng của sự phát triển. Để đẩy nhanh tốc độ phát triển du lịch cần không ngừng mở rộng và phát triển thị tr- ờng, bao gồm cả thị tr- ờng trong n- ớc và thị tr- ờng n- ớc ngoài.

Đối với thị tr- ờng trong n- ớc: L- ợng khách du lịch nội địa của tỉnh trong những năm qua có lúc tăng ổn định và trở thành thị tr- ờng chủ đạo của du lịch Quảng Ninh, đòi hỏi phải có chính sách và biện pháp thích hợp để khai thác tốt thị tr- ờng này. Khách du lịch nội địa đến với Quảng Ninh từ khắp các tỉnh thành trong cả n- ớc, chủ yếu là từ thủ đô Hà Nội, Hải Phòng, và các tỉnh lân cận. Họ đến Quảng Ninh với mục đích chiêm ng- ỡng di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, giải trí tắm biển tại Khu du lịch quốc tế Tuần Châu, khu du lịch Bãi Cháy, hay thả sức mua sắm tại các trung tâm th- ơng mại, nh- ng cũng không bỏ qua việc tham quan các di tích lịch sử văn hóa, tham dự các lễ hội đặc sắc, nên cần tiến hành hợp tác với các công ty lữ hành hoặc mở văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố lớn nh- Hà Nội, Hải Phòng, ..., coi trọng mở rộng phát triển thị tr- ờng với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.

Ngoài ra cũng cần quan tâm đến thị tr- ờng miền Trung và miền Nam đặc biệt là Huế, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh. Đây là phân đoạn thị tr- ờng lớn và có khả năng chi trả t- ờng đối cao, sản phẩm chính cho phân đoạn thị tr- ờng này là các di tích lịch sử văn hóa và danh thắng, các lễ hội

Đối với thị tr- ờng n- ớc ngoài: Quảng Ninh với lợi thế sản phẩm du lịch chính cho thị tr- ờng này là du lịch tham quan, văn hóa, nghiên cứu. Cần đẩy mạnh các công tác tuyên truyền quảng bá, liên kết với các công ty du lịch tại

Hà Nội (trung tâm phân phối khách quốc tế của miền Bắc), nghiên cứu nâng cấp trang Web về du lịch Quảng Ninh ngày càng phong phú và đa dạng thông tin, tăng khả năng truy cập trực tiếp của du khách và các hãng lữ hành quốc tế. Trong thời gian tới, cần tập trung vào thị trường các nước Châu Âu, Bắc Mỹ và Châu Á.

4.4. Đẩy mạnh hoạt động quảng bá, tiếp thị du lịch cho các di tích lịch sử văn hóa ở Quảng Ninh

Trong thời gian vừa qua, Quảng Ninh đã có một số những hoạt động quảng bá tiếp thị du lịch cho các di tích lịch sử văn hóa thông qua các buổi hội thảo, làm việc với các bộ, ngành trung ương, các tỉnh bạn, các doanh nghiệp du lịch, qua băng đĩa hình giới thiệu về các di tích, các tập gấp về các chương trình du lịch văn hóa... Có thể nói hoạt động Marketing đã góp phần xây dựng và tuyên truyền về các hình ảnh tốt đẹp của các di tích lịch sử văn hóa ở Quảng Ninh.

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền quảng bá về các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế do kinh phí cấp cho hoạt động này còn quá ít, những thông tin cung cấp về di tích nhiều khi chưa đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu của du khách để phục vụ cho chuyến đi, chưa hình thành mạng lưới các trung tâm thông tin du lịch, các văn phòng đại diện du lịch tại các tỉnh bạn. Như vậy, công tác tiếp thị du lịch cần nhanh chóng khắc phục những nhược điểm trên, tranh thủ sự hỗ trợ của Tổng cục du lịch trong việc quảng bá, tuyên truyền cho du lịch Quảng Ninh tại các địa phương khác trong và ngoài nước, phối hợp với các tỉnh bạn trong vùng tập trung nỗ lực tiếp thị chung cho toàn vùng, nhằm giảm chi phí, nâng cao chất lượng công tác xúc tiến, khai thác tốt mối hợp tác liên vùng.

Do vậy để hoạt động du lịch đến các di tích lịch sử văn hóa thêm sôi động thì ngành du lịch Quảng Ninh cần có chiến lược về công tác Marketing quảng cáo. Trước mắt phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng cáo du lịch,

in ấn các ấn phẩm giới thiệu về các di tích lịch sử văn hóa một cách cụ thể rõ ràng và hấp dẫn của toàn tỉnh, trên các phương tiện thông tin đại chúng, in bản đồ du lịch, sách hướng dẫn du lịch để thâm nhập thị trường du lịch, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác tại các di tích lịch sử văn hóa.

4.5. Đào tạo nguồn nhân lực du lịch

Công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động khai thác và phát triển du lịch ở Quảng Ninh nói chung và các di tích lịch sử văn hóa tỉnh nói riêng là vấn đề mang tính chiến lược. Trước mắt phải tập trung đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công nhân viên làm việc trong các lĩnh vực quản lý, trong các khu du lịch... đồng thời tiến hành đào tạo mới một số ngành nghề còn thiếu và yếu trong các cơ sở dịch vụ lưu trú, ăn uống, dịch vụ bổ sung khác của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh.

Để có được đội ngũ lao động có trình độ nghiệp vụ cao cần củng cố và nâng cao chất lượng của hoạt động đào tạo nguồn nhân lực. Sở Du lịch, Ban Quản lý các di tích cùng các doanh nghiệp kinh doanh cần phối hợp liên kết với các trường Đại học, Cao đẳng, THCN có đào tạo chuyên ngành du lịch để thường xuyên mở các lớp đào tạo hướng dẫn, nâng cao nghiệp vụ phục vụ buồng, bàn, các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý du lịch và ngoại ngữ...

Thực hiện hoạt động triển khai các chương trình hỗ trợ đào tạo, tập trung cho việc nâng cao trình độ nghiệp vụ du lịch, hướng dẫn và trình độ ngoại ngữ. Tích cực đầu tư về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy tại các cơ sở đào tạo. Xây dựng chương trình học lý thuyết đi đôi với thực hành mang tính ứng dụng cao, trong đó thực hành phải mang tính thực tế.

Thu hút những người có trình độ kinh nghiệm trong ngành du lịch về công tác tại Quảng Ninh với chế độ đãi ngộ hợp lý. Đối với loại hình du lịch khai thác các sản phẩm văn hóa, tôn giáo là loại hình mang tính nhạy cảm, thì

cần phải có một đội ngũ nhân viên có sự am hiểu sâu sắc về kiến thức chuyên ngành, say mê công việc, không ngại khó khăn.

4.6. Đầu tư cải thiện hệ thống giao thông đến các di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Ninh

Hoạt động du lịch Quảng Ninh rất cần sự có mặt của tài nguyên du lịch nhân văn, mà trong đó là các di tích lịch sử văn hóa, nhằm đa dạng hóa các loại hình cũng như sản phẩm du lịch của tỉnh. Tuy nhiên, các di tích lịch sử văn hóa có khả năng hấp dẫn khách du lịch trên địa bàn toàn tỉnh thường nằm xa trung tâm các đô thị và điều kiện hạ tầng còn thấp kém.

Để có thể khai thác các di tích lịch sử văn hóa một cách hiệu quả, vấn đề đặt ra hàng đầu là nhanh chóng cải tạo hệ thống giao thông, tạo nên sự lưu thông thuận tiện đến các di tích, bước tiếp theo là đầu tư vào các lĩnh vực kết cấu hạ tầng như cấp điện, cấp thoát nước và xử lý môi trường.

Một việc làm cũng hết sức cần thiết là kiện toàn cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng để khách du lịch có thể yên tâm thưởng ngoạn cảnh đẹp không cần phải lo lắng về vấn đề lưu trú, ăn uống.

Cụ thể là Yên Tử là một điểm đến hấp dẫn khách du lịch nhờ cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, các công trình kiến trúc cổ kính, đẹp mắt nhưng để đi đến đó không phải dễ dàng, có nhiều dốc cao, lại nhiều đá sỏi trên đường đi gây nguy hiểm cho việc di chuyển. Vậy việc đầu tư kết cấu hạ tầng để biến điểm du lịch này thành điểm du lịch thực sự hấp dẫn khách du lịch là một điều cần thiết phải được thực hiện ngay để nâng cao hiệu quả khai thác du lịch.

Khu di tích và thắng cảnh Yên Tử. Yên Tử nằm trong địa bàn thị xã Uông Bí có đường 18A, đường 10 chạy qua. Khách vào khu di tích danh thắng có thể đi bằng hai đường: hoặc đi bằng đường Dốc Đỏ - Cửa Ngăn vào, hoặc đi đường Lán Tháp - Vàng Danh sang. Trước năm 1995, đường từ ngã ba Dốc Đỏ đến chùa Giải Oan chưa được nâng cấp, mặt đường chủ yếu là sỏi đá hoặc đất, đường gập ghềnh rất khó đi. Công trình thoát nước chỉ được xây

dựng tạm bộ, chỉ thuận lợi đôi chút vào mùa khô. Vào mùa m- a, đ- ờng lầy lội, nhiều khi ách tắc vì sỏi lũ. Từ sau năm 1995, các tuyến đ- ờng đã đ- ợc nâng cấp, xây dựng lại bằng bê tông và bắc cầu. Cuối năm 2000, đ- ờng đất Giải Oan lên Hoa Yên đ- ợc kè đá toàn bộ.

Năm 2004 Công ty Cổ phần Tùng Lâm đã đầu t- mở đ- ờng sang Thác Vàng tạo cảnh quan hấp dẫn du khách tham quan.

Yên Tử có một trạm phát sóng Vi ba đặt tại khu vực Hoa Yên, b- u điện ở khu vực Bến xe Giải Oan và b- u điện Nam Mẫu phân nào đã đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc cho dân địa ph- ơng và du khách. ở Yên Tử đã có hệ thống l- ới điện quốc gia và nhiều trạm biến áp cung cấp điện cho tất cả các chùa trên núi. Hiện nay, ở Yên Tử đang sử dụng nhiều nguồn n- ớc khác nhau nh- hệ thống n- ớc do ng- ời dân và các hàng quán tự tạo lấy nh- Thác Vàng, Thác Bạc, nguồn n- ớc này tuy ổn định nh- ợng dễ ô nhiễm. Ngoài ra còn sử dụng n- ớc giếng, n- ớc m- a song nguồn n- ớc này thông cạn kiệt, không đủ dùng cho sinh hoạt.

Ngoài ra để tiết kiệm sức khoẻ và thời gian cho khách du lịch thì Công ty Cổ phần đầu t- và xuất nhập khẩu Quảng Ninh đã đầu t- hệ thống cáp treo phục vụ cho khách du lịch đến tham quan khu di tích Yên Tử. Ngày 28 tháng 2 năm 2002, tuyến cáp treo đ- ợc đ- a vào vận hành, tuyến cáp treo này dài 1204m. Khi mới đ- a vào hoạt động, tuyến cáp treo chỉ có 19 ca bin. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của du khách, số l- ợng ca bin đã tăng thêm 6 chiếc, nâng tổng số ca bin của hệ thống cáp treo thành 25 ca bin, mỗi ca bin chở đ- ợc 6 ng- ời với vận tốc trung bình 3m/s. Đây là hệ thống cáp treo hiện đại nhất miền Bắc và đ- ợc vận hành hoàn toàn tự động. Một ca bin có thể chở đ- ợc từ 1- 8 khách, giá vận chuyển 1 hành khách khứ hồi (2 chiều) là 50.000đ/ng- ời, trẻ em là 20.000đ/ng- ời, khách du lịch có nhu cầu đi 1 chiều thì vé lên 30.000đ/ng- ời, vé xuống là 25.000đ/ng- ời đối với ng- ời lớn, đối với trẻ em giá không thay đổi, 10.000đ 1 chiều phục vụ riêng cho ng- ời vận chuyển hàng lên chùa.

4.7. Dẹp bỏ tệ nạn xã hội tại các di tích

Tại các di tích trên đại bàn tỉnh Quảng Ninh, tệ nạn bói toán là rất phổ biến. Biết rằng các tệ nạn đó là điều không thể tránh khỏi tại một di tích lịch sử văn hóa

Tại nhiều di tích như đền Cửa Ông, khu di tích Yên Tử... còn có tệ nạn ăn xin khá phổ biến. Hình ảnh hàng dài những người “hành nghề” ăn xin ngồi dọc hai bên mặt đường dẫn từ đường chính lên với chùa, đền thật khiến khách thập phương hoảng sợ. Nếu thấy khách du lịch đặc biệt là sang trọng, khách nước ngoài, sẽ có một vài trẻ em nhỏ tuổi đến xin xỏ, năn nỉ mua những sản phẩm mà khách không cần, sau khi khách đã cho hoặc đã mua cho một em thì sẽ có rất nhiều em khác chạy đến làm phiền, gây cho khách cảm giác khó chịu. Đây cũng là 1 tệ nạn cần phải khắc phục ngay để cải thiện chất lượng của điểm đến du lịch.

4.8. Huy động đầu tư cải tạo nâng cấp các di tích lịch sử văn hoá tỉnh Quảng Ninh

Đầu tư là đòn bẩy thúc đẩy ngành du lịch phát triển, trong những năm qua, đầu tư du lịch Quảng Ninh đã có những bước tiến đáng kể. Hàng trăm những công trình lớn nhỏ được đầu tư xây dựng, nâng cấp và đưa vào sử dụng phục vụ khai thác du lịch. Tuy nhiên, đầu tư chưa bao giờ là vấn đề không được quan tâm, bởi nhu cầu đầu tư cho du lịch Quảng Ninh là rất lớn nhằm khai thác có hiệu quả những tiềm năng vốn có bên trong nó, thay đổi diện mạo, đưa du lịch Quảng Ninh hội nhập và phát triển.

Đối với du lịch Quảng Ninh nói riêng và du lịch các tỉnh bạn cũng như cả nước nói chung thì một phân nội dung quan trọng đấy là việc tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo tích cực để ngành văn hóa tạo dựng những khung cảnh đổi khác lớn trong một số điểm di tích nổi tiếng như chùa Long Tiên, chùa Đồng (Yên Tử)... Nhờ sự đầu tư ấy hầu như chưa có sự tham gia của ngành du lịch. Trong thời gian qua nguồn vốn

đầu tiên trở lại từ ngành du lịch cho công tác bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa gần như bị lãng quên. Ngành du lịch chỉ quan tâm tới việc đón khách du lịch đến khai thác đem lại nguồn thu trực tiếp và họ cho rằng công tác bảo tồn là của ngành khác không liên quan gì tới họ. Vì vậy, cần xem xét lại vấn đề này và ngành du lịch phải nhận thức rõ được trách nhiệm và nghĩa vụ của họ đối với công tác tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa.

Ngày nay, đất nước ta đang thực hiện sự nghiệp đổi mới, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang phát triển mạnh mẽ, nhu cầu hưởng thụ các giá trị di sản văn hóa của nhân dân và du khách ngày càng cao. Các di tích lịch sử văn hóa sẽ là một trong yếu tố quan trọng khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc, đang trở thành nguồn tài nguyên vô giá phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế du lịch. Bởi vậy, ưu tiên đầu tiên dành cho các dự án bảo tồn, tôn tạo di tích là công việc cần thiết nhằm giữ gìn những tài sản văn hóa có giá trị, những sản phẩm du lịch đặc thù có sức thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế đến với Quảng Ninh, đến với Việt Nam.

4.9. Khuyến nghị

Hoạt động du lịch văn hóa Quảng Ninh đã đạt được nhiều kết quả tốt song vẫn còn 1 số hạn chế cần khắc phục. Vì vậy, Sở văn hóa thể thao và du lịch Quảng Ninh cần liên kết với các nhà nghiên cứu lịch sử, các nhà văn hóa nghệ thuật có kiến thức uyên thâm về di tích lịch sử văn hóa để quản lý có chất lượng cao.

Du lịch là ngành có tính xã hội hóa cao, sự phát triển du lịch luôn gắn liền với cộng đồng dân cư, vai trò của cộng đồng dân cư đối với du lịch là rất lớn, bởi họ vừa là những người hoặc trực tiếp tham gia vào dòng khách du lịch hoặc tham gia vào các dịch vụ du lịch, vừa tạo nên môi trường xã hội cho du lịch phát triển. Vì vậy, cần nâng cao nhận thức của toàn dân về phát triển du lịch, tránh các biểu hiện tiêu cực làm cản trở, ảnh hưởng đến phát triển du lịch.

Để du lịch Quảng Ninh phát triển bền vững và có hiệu quả cao cần tạo những điểm du lịch hấp dẫn, an toàn và thân thiện cho du khách.

Sau mỗi dịp lễ hội thì cảnh quan ở nơi tổ chức lễ hội bị tàn phá nghiêm trọng. Vì vậy, ban quản lý di tích cần có những biện pháp nhằm bảo vệ môi trường cảnh quan như: đặt thùng rác ở nhiều nơi, treo biển khuyến khích ý thức bảo vệ môi trường của du khách, sau mỗi dịp lễ hội cần nhanh chóng khôi phục lại môi trường cảnh quan trả lại vẻ đẹp cho các di tích lịch sử văn hóa.

Khi du khách đến thăm di tích ngày càng nhiều, nhất là trong thời gian tổ chức lễ hội thì đồng thời các tệ nạn xã hội cũng kèm theo đó mà phát sinh như cờ bạc, mê tín dị đoan, móc túi lừa đảo... Những tệ nạn này là nỗi sợ hãi của nhiều du khách, nó làm mất đi cảnh quan và tính nhân văn của lễ hội và các di tích lịch sử văn hóa. Do đó, yêu cầu các cơ quan có chức năng thắt chặt quản lý hơn để đảm bảo an toàn cho du khách khi về thăm các di tích.

Để du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế có hiệu quả, tỉnh Quảng Ninh cần có thêm nhiều biện pháp, chính sách - u đãi mới nhằm thu hút vốn đầu tư, nhất là các dự án đầu tư tại các khu vực trọng điểm phát triển du lịch; khuyến khích các tổ chức cá nhân đầu tư xây dựng, kinh doanh các khu vui chơi giải trí thuộc quy hoạch phù hợp trên địa bàn tỉnh; đơn giản hóa các thủ tục cấp giấy phép đầu tư.

Phải có sự phối hợp đồng bộ giữa cơ quan chuyên môn, các ban ngành trong tỉnh, các địa phương có di tích trong việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị nhiều mặt của di sản văn hóa trên địa bàn. Chính quyền các cấp phải có trách nhiệm đối với các di tích trên địa bàn mình quản lý, xóa bỏ các hình thức thương mại hóa các hình thức dịch vụ văn hóa ở di tích. Quản lý thống nhất và có hiệu quả các nguồn thu nh- vé tham quan di tích, hòm công đức, tiền lễ trên các ban thờ, các dịch vụ trong giữ ô tô, xe máy và hàng quán trong khu vực di tích... để tái đầu tư di tích cũng như có cách phân bổ hợp lý nhằm

đảm bảo lợi ích của Nhà nước cũng như của cá nhân những người tham gia các dịch vụ.

Sở văn hóa thể thao và du lịch tỉnh cần phối hợp, hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh để gửi cán bộ của mình đi học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho du lịch tỉnh nhà. Thường xuyên mở các lớp đào tạo ngắn hạn, dài hạn nhằm đảm bảo các kiến thức mới luôn được bổ sung, hoàn thiện và nâng cao.

Để lập lại trật tự trong hoạt động du lịch, đặc biệt đối với hoạt động lữ hành thị trường Trung Quốc; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch đề nghị:

1- *UBND Tỉnh:*

- Chỉ đạo các ngành và thị xã Móng Cái phối hợp thực hiện việc lập lại trật tự trong hoạt động lữ hành đưa khách Việt Nam đi du lịch Đông Hạng trong ngày, đón khách du lịch Trung Quốc đi Việt Nam bằng hộ chiếu.

- Chỉ đạo cơ quan chức năng có biện pháp kiểm tra, xử lý nghiêm khắc các đối tượng là người nước ngoài đến thị xã Móng Cái hoạt động kinh doanh du lịch trái phép.

- Có ý kiến với tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và thành phố Hà Nội trong việc phối hợp quản lý du lịch biên giới do ngành du lịch của 4 tỉnh, thành phố của Việt Nam đã ký với cục Du lịch Quảng Tây, Trung Quốc ngày 27/4/2008 tại thành phố Hạ Long nhân dịp Lễ hội du lịch Hạ Long 2008.

2- *Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an:*

- Đề nghị Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Bộ Công an tổ chức thanh kiểm tra các doanh nghiệp lữ hành tỉnh ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Quảng Ninh.

- Đề nghị Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch tham mưu đề xuất) chủ trì bàn bạc với các ngành liên quan thống nhất giải pháp.

PHẦN KẾT LUẬN

Với nguồn tài nguyên du lịch nhân văn phong phú như vậy, Quảng Ninh là 1 điểm đến du lịch quen thuộc của khách du lịch, với những vẻ đẹp tiềm ẩn, hấp dẫn bên trong nó đã tạo được sự chú ý của nhiều doanh nghiệp du lịch, thúc đẩy hoạt động du lịch phát triển, đem lại nguồn doanh thu không nhỏ cho tỉnh và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

Tuy nhiên, hoạt động du lịch Quảng Ninh chưa thực sự tương xứng với tiềm năng và thế mạnh vốn có của nó. Công tác bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa thông qua hoạt động du lịch chưa được chú ý, công tác quảng cáo tiếp thị về các di tích lịch sử văn hóa còn nhiều hạn chế, công tác mở rộng thị trường chưa được chú trọng... đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh du lịch của tỉnh.

Vì vậy, bài khóa luận phần nào giúp cho người đọc có thể hiểu rõ về những giá trị đặc sắc của những di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của Quảng Ninh, thấy được những hạn chế cần khắc phục trong hoạt động kinh doanh du lịch, để từ đó có được những giải pháp hợp lý, khai thác có hiệu quả. Những đề xuất nêu trên cũng chỉ là những suy nghĩ ban đầu dựa trên nghiên cứu thực tế và những tri thức khoa học tích lũy được. Cần bổ sung đầy đủ hơn cho những giải pháp này và triển khai trong thực tế.

Có thể khẳng định trong tương lai không xa, với những thành công đã đạt được cũng như các mặt hạn chế được khắc phục, thì hoạt động du lịch đến các di tích lịch sử văn hóa sẽ ngày càng sôi động hơn, khai thác có hiệu quả hơn những tiềm năng sẵn có của mình, góp phần vào sự phát triển bền vững của tỉnh nói riêng, và của cả nước nói chung. Chắc chắn các di tích lịch sử văn hóa của Quảng Ninh sẽ là niềm tự hào của du lịch Quảng Ninh và của cả vùng du lịch Bắc Bộ.

Bài khóa luận là công trình tập dượt nghiên cứu khoa học của 1 sinh viên năm cuối khoa Văn Hóa Du Lịch sẽ còn nhiều thiếu sót. Em mong được

*Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh phục vụ khai
thác phát triển du lịch*

sự chỉ bảo của thầy cô, các nhà khoa học, các nhà quản lý... Em cũng xin chân thành cảm ơn và tiếp thu những ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo và các bạn đồng nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Đức Thanh, *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2000.
2. Trần Tr- ơng, *Danh nhân Yên Tử*, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội, 1996.
3. Trần Tr- ơng, *Chùa Yên Tử- lịch sử- truyền thuyết di tích và danh thắng*, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội, 2002.
4. Bùi Thị Hải Yến, *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2005.
5. Tổng cục Du lịch- Trung tâm công nghệ thông tin du lịch, *Non n- ớc Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, 1999.
6. Nguyễn Văn Đính, Phạm Hồng Ch- ơng, *Giáo trình h- ớng dẫn du lịch*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2000.
7. Luật du lịch Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia.
8. Sở Văn hóa- Thể thao- Du lịch tỉnh Quảng Ninh, *Báo cáo tình hình cơ sở l- u trú năm 2007, 2008*.
9. Sở Văn hóa- Thể thao- Du lịch tỉnh Quảng Ninh, *Báo cáo tổng kết năm 2007, 2008*.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1 :

Stt	Chỉ tiêu	2007	2008
1	Tổng số khách, trong đó:	3.600.200	4.373.200
	- Khách quốc tế	1.468.000	2.308.700
	- Khách nội địa	2.132.200	2.064.500
2	Số l- ượng cơ sở l- u trú, trong đó:	865	846
	- Khách sạn từ 3* - 5*	29	29
	- Khách sạn từ 1* - 2*	50	50
	- Các loại cơ sở l- u trú khác	786	767
3	Số l- ượng đơn vị kinh doanh lữ hành, trong đó	24	24
	- Có giấy phép lữ hành quốc tế	24	24
	- Có giấy phép lữ hành nội địa	24	24
4	Số l- ượng khu, điểm hấp dẫn thu hút khách du lịch		
5	Doanh thu du lịch	2.088 tỷ	2.477 tỷ
6	Số lao động trực tiếp trong ngành	8.002	8.088
7	Phân theo trình độ đào tạo		
	- Đại học	1.148	1.267
	- Cao đẳng	105	99
	- Tại chức	1.464	1.366
	- Huấn luyện nghiệp vụ	2.324	2.468
	- Lao động phổ thông	2.961	2.888
8	Phân theo loại lao động (lao động nghiệp vụ)		
	- Lễ tân	626	698
	- Phục vụ buồng	1.232	1.450

Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh phục vụ khai thác phát triển du lịch

	- Phục vụ bàn, bar	881	1.100
	- Đầu bếp	459	513
	- Khác	1.455	1.667
9	H- ớng dẫn viên		
	- Thẻ HDV quốc tế	126	67
	- Thẻ HDV nội địa		
	- Thẻ thuyết minh viên	60	50
10	Cơ sở đào tạo nghề trong tỉnh	1	1
	- Tr- ờng Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch		
11	Đội ngũ quản lý của cơ quan quản lý nhà n- ớc về du lịch	24 ng- ời	Biểu kèm theo
12	Phân theo ngành nghề kinh doanh	Biểu kèm theo	Biểu kèm theo

Phụ lục 2. Xây dựng ch- ơng trình tham quan Yên Tử

1 ngày: *Giải Oan- Đ- ờng Tùng- Hoa Yên- Thác Vàng- Vân Tiêu- Chùa Đồng- Bảo Sái- Thiên viện Trúc Lâm Yên Tử*

Sáng: Bắt đầu leo núi từ suối Giải Oan qua đ- ờng chính, qua Đ- ờng Tùng lên Hoa Yên, du khách tiếp tục vượt hành trình về phía tây chùa Hoa Yên thăm thác Ngự Dội, thác Vàng hùng vĩ. V- ợt qua ngọn thác Vàng du khách leo đến Vân Tiêu và lên đỉnh chùa Đồng.

Tr- a: Từ chùa Đồng du khách xuống khu t- ợng An Kỳ Sinh nghỉ ngơi và ăn tr- a tại đây

Chiều: Từ An Kỳ Sinh du khách quay trở lại chùa Bảo Sái, và qua đ- ờng Hoa Yên- đ- ờng Trúc về suối Giải Oan. Du khách lên xe rời Giải Oan ra thăm Thiên viện Trúc Lâm cách khu trung tâm 4km.

Kết thúc hành trình.

2 ngày:

Ngày 1:

Sáng: Bắt đầu hành trình leo núi từ suối Giải Oan qua đ-ờng chính đến đ-ờng Tùng, lên Hoa Yên và sang Thác Bạc.

Ăn tr- a và nghỉ ngơi tại Hoa Yên.

Chiều từ Hoa Yên du khách đi về phía Tây chùa sang Thác Vàng. V- ợt Thác Vàng tiếp tục xuyên rừng men theo triền núi lên Vân Tiêu và quay trở lại Hoa Yên ăn tối và nghỉ ngơi.

Ngày 2:

Sáng: ăn sáng, du khách từ Hoa Yên lên đỉnh Yên Tử theo đ-ờng Vân Tiêu. Ngắm cảnh trên đỉnh cao 1086m và quay trở lại Hoa Yên ăn tr- a.

Chiều: Du khách xuống Giải Oan theo đ-ờng Trúc- Giải Oan xuống bến xe và lên xe thăm Thiền viện Trúc Lâm